VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG NAM BỘ

Đào Huy Quyền
Sơn Ngọc Hoàng
Ngô Khị

NHẠC KHÍ DÂN TỘC
Khmer Nam Bộ





NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG NAM BỘ
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DÂN TỘC HỌC VÀ TÔN GIÁO

Sơn Ngọc Hoàng - Đào Huy Quyền - Ngô Khị

NHẠC KHÍ DÂN TỘC KHMER NAM BỘ

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

LỜI GIỚI THIỆU

Cũng như các dân tộc khác sống trên lãnh thổ Việt Nam, qua bao thăng trầm của lịch sử, dân tộc Khmer đã sáng tạo ra một nền văn hóa nghệ thuật vô cùng phong phú, đa dạng, đậm đặc về trữ lượng và thể loại. Tuy mỗi vùng, mỗi địa phương có những nét riêng, song nhìn chung, người Khmer Nam Bộ Việt Nam đều có những tương đồng trên tất cả các lĩnh vực văn hóa và đời sống. Từ lĩnh vực ăn, mặc, ở đến các phương thức canh tác lúa nước và hàng loạt các phong tục tập quán mang đậm nét văn hóa Khmer. Đặc biệt là nghệ thuật âm nhạc truyền thống với nhiều thể loại, hình thức biểu hiện khác nhau. Với dân ca Khmer Nam Bộ có các điệu hò, hát ngành nghề (dân ca lao động), hát phong tục và lễ nghi, hát trữ tình và sinh hoạt... Với nhạc cụ, người Khmer có dàn nhạc dân gian, dàn nhạc lễ, trong đó có hàng chục nhạc cụ khác nhau gồm nhóm gõ, nhóm thổi, nhóm dây... thể hiện rất rõ bản sắc của âm nhạc Khmer miền sông nước Cửu Long.

Trong những năm qua, với lòng say mê nghiên cứu âm nhạc dân tộc. Các nhạc sĩ Sơn Ngọc Hoàng, Đào Huy Quyền và Ngô Khị đã hoàn thành công trình nghiên cứu "Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ". Đây là công trình nghiên cứu được tổ chức Toyota Foundation tài trợ.

Bằng phương pháp nghiên cứu chuyên ngành dân tộc nhạc học kết hợp với việc đi thực địa, các tác giả đã công bố nhiều dữ liệu quan trọng, lý thú, làm cho người đọc hiểu được kho tàng nhạc khí Khmer Nam Bộ Việt Nam. Các tác giả đã áp

dụng cả hai phương pháp phân loại dân gian và phương pháp hiện đại.

Phân loại theo phương pháp dân gian là căn cứ vào chất liệu chế tác, gồm 3 loại:

- Loại nhạc khí chế tác bằng chất liệu thiên nhiên.

- Loại nhạc khí chế tác kết hợp giữa chất liệu thiên nhiên với kim loại.

- Loại nhạc khí chế tác hoàn toàn bằng kim loại.

Phân loại theo phương pháp hiện đại là sử dụng nguyên tắc của các nhà âm học phương Tây và được chia thành 4 bộ:

- Bộ nhạc khí dây.

- Bộ nhạc khí hơi.

- Bộ nhạc khí màng rung.

- Bộ nhạc khí tự thân vang.

Ngoài việc trình bày các nhạc khí theo bộ, các tác giả còn đưa ra cách tổ chức dàn nhạc Khmer. 9 dàn nhạc dân gian đã biên chế phục vụ cho cuộc sống ở phum sóc là một minh chứng cho sự phong phú, đa dạng và vẻ đẹp âm thanh tuyệt vời của họ.

Tôi đánh giá cao sự nỗ lực của các tác giả trong việc nghiên cứu nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ Việt Nam, bởi những nghiên cứu công phu, nghiêm túc, khá đầy đủ được kết hợp giữa lý thuyết khoa học và thực tiễn. Những kết luận của công trình sẽ là cơ sở đáng tin cậy cho những ai muốn hiểu biết về kho tàng nhạc khí Khmer Nam Bộ Việt Nam.

Nhân dịp cuốn sách được xuất bản xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

PGS.TS. Âm nhạc Nguyễn Thế Bảo

LỜI NÓI ĐẦU

Dân tộc Khmer Nam Bộ hiện nay có khoảng một triệu người, sống chủ yếu ở các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long như : Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau. Một số khác sống rải rác ở vùng miền Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng tỉnh Sóc Trăng là nơi có dân tộc Khmer sinh sống đông đảo nhất, với khoảng trên 300.000 người (chiếm tỷ lệ 30,2% dân số toàn tỉnh). Người Khmer ở Sóc Trăng sống tập trung ở các huyện : Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Long Phú, Kế Sách, Mỹ Tú, Vĩnh Châu. Cho nên, tỉnh Sóc Trăng được xem là một trung tâm phát triển về kinh tế, văn hóa - xã hội của người Khmer Nam Bộ.

Đây là công trình nghiên cứu mang tính tổng thể về nhạc đàn, nêu lên những điểm cơ bản về kho tàng nhạc khí dân tộc Khmer ở địa phương mà lâu nay nó đang có chiều hướng mất dần bản sắc. Thông qua công trình nghiên cứu này nhằm góp phần chứng minh cho luận điểm văn hóa Khmer nói chung và âm nhạc nói riêng rất gần gũi với văn hóa Tây Nguyên và một số dân tộc trong khu vực Đông Nam Á. Âm nhạc Khmer là một kho vốn phong phú, đa dạng, rất giàu bản sắc, góp phần làm phong phú kho tàng nhạc khí dân tộc Việt Nam.

Cũng như các dân tộc khác trên đất nước ta, văn hóa dân tộc Khmer nói chung hay âm nhạc Khmer nói riêng đã được định hình và phát triển theo suốt chiều dài của lịch sử. Các nhạc khí dân tộc Khmer được tồn tại và đến hôm nay chủ yếu nhờ vào phương pháp truyền ngón, truyền khẩu từ thế hệ này sang thế hệ khác. Song, hiện nay nó đang có nguy cơ mai một dần theo thời gian bởi các

trào lưu âm nhạc hiện đại lấn át. Hiện nay, nhiều loại nhạc khí đã bị thất truyền, chưa sưu tầm lại được. Vì vậy, việc nghiên cứu, sưu tầm nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ được coi là việc làm cấp thiết đối với các nhà nghiên cứu. Bởi chính nó đã có nhiều đóng góp thiết thực phục vụ đời sống cộng đồng.

Nghiên cứu về âm nhạc dân tộc Khmer Nam Bộ nói chung được phát xuất trong quá trình nghiên cứu một cách toàn diện nền văn hóa cổ truyền dân tộc trong khu vực. Từ những kết quả nghiên cứu trước đây của nhiều học giả, nhà khoa học trong và ngoài nước đã công bố nhiều công trình về dân tộc học, lịch sử tộc người, văn học dân gian, nghệ thuật truyền thống, phong tục tập quán ... của người Khmer Nam Bộ. Nhưng nhìn chung, những công trình trên hầu như chỉ đề cập đến các vấn đề dân tộc học, sử học.

Cho đến nay, chưa có công trình nghiên cứu nào về nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ một cách đầy đủ. Trong những năm gần đây, có một số nhà nghiên cứu trong nước đã có những công trình nghiên cứu về văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ, đã có nhiều bài nghiên cứu, chuyên khảo ra đời như: *"Tín ngưỡng - tôn giáo của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long"* của Thạch Voi; *"Lễ hội người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long"* - Đặng Vũ Thị Thảo; *"Sưu tầm, nghiên cứu di sản văn hóa nghệ thuật của các dân tộc ở phía Nam"* - Vũ Đình Liệu; *"Văn hóa Khmer trong quá trình giao lưu và phát triển ở đồng bằng sông Cửu Long"* - Đinh Văn Liên; *"Dàn nhạc ngũ âm"* - Ngô Khị ; *"Múa truyền thống của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long"* - Hoàng Túc; *"Sân khấu truyền thống của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long"* - Đặng Vũ Thị Thảo; "*Nghệ thuật âm nhạc và biểu diễn của người Khmer vùng* đồng bằng sông Cửu Long" - Hoàng Túc ; *"Nghệ thuật tạo hình của người Khmer vùng*

đồng bằng sông Cửu Long"- của Lê Đắt Thắng và Lê Văn .v.v... Ngoài những công trình nghiên cứu nêu trên, còn có những công trình nghiên cứu của cán bộ ngành văn hóa - thông tin ở các địa phương. Bên cạnh đó, còn có những cuộc hội thảo về văn hóa - nghệ thuật – âm nhạc được tổ chức ở các tỉnh có dân tộc Khmer trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Những công trình nghiên cứu, các tài liệu hội thảo đó có nhiều giá trị khoa học và thực tiễn, là những nguồn tư liệu quan trọng và quý giá hỗ trợ đắc lực cho việc nghiên cứu nhạc khí dân tộc Khmer ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

Vì lẽ đó, công trình nghiên cứu *"Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ"* sớm được hoàn thành cũng chính là sự thôi thúc, bức bách của những người làm công tác văn hóa dân tộc hôm nay tại đồng bằng sông Cửu Long.

Ngày nay, vai trò của nhạc khí có một giá trị đặc biệt trong đời sống của người Khmer ở đồng

bằng sông Cửu Long. Nếu coi văn hóa vật thể của người Khmer là một thực thể của nền văn minh lúa nước, của những tác phẩm điêu khắc tinh xảo trong các chùa chiền thì văn hóa tinh thần nói chung và nghệ thuật âm nhạc nói riêng đang hoạt động tích cực trong thực thể ấy. Nhạc khí dân tộc như một yếu tố cấu thành nền văn hóa không thể thiếu được trong đời sống người Khmer xuyên suốt tiến trình lịch sử.

Trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, với cơ chế kinh tế thị trường, sự mở cửa giao lưu với các nền văn hóa phương Tây đã khiến cho một số tầng lớp thế hệ trẻ có tư tưởng coi thường âm nhạc dân tộc mình mà chạy theo sự lôi cuốn của các loại nhạc cụ điện tử hiện đại. Điều này cũng cho thấy, nếu chúng ta không kịp thời đưa ra những định hướng giáo dục thẩm mỹ với phương châm đúng đắn về tình yêu nghệ thuật dân tộc, và việc đào tạo một thế hệ biết sử dụng các nhạc khí dân

tộc kế thừa cho tương lai, nếu không các nhạc khí dân tộc của chúng ta dần dần sẽ đi vào quên lãng. Mặt khác, nếu chúng ta không kịp thời nghiên cứu, sưu tầm và bảo quản tất cả các di sản truyền thống của dân tộc thì e rằng đến một lúc nào đó, kho tàng âm nhạc truyền thống của dân tộc Khmer sẽ bị cạn kiệt. Vì thế, việc nghiên cứu, sưu tầm, kế thừa và phát triển nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ là một đòi hỏi cấp bách nhằm đáp ứng được những bức xúc nêu trên.

Công trình nghiên cứu *"Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ"* được xác định trong một phạm vi của một vùng đất đặc thù miền Tây Nam Bộ. Đề tài mà chúng tôi đưa ra là nhằm vào mục tiêu của việc nghiên cứu, sưu tầm và biên soạn các nhạc khí dân tộc Khmer vốn đã tồn tại từ lâu đời. Do đó, trong điều kiện hạn hẹp, khó khăn về nhiều mặt, việc sưu tầm và biên soạn có thể sẽ không được đầy đủ những nhạc khí trong toàn bộ di sản vốn có của dân tộc Khmer như điều ta hằng mong muốn.

Có những nhạc khí bị thất truyền từ lâu, hiện nay không còn hiện hữu trong các Phum sróc nữa, có chăng chỉ là những tư liệu ghi chép sơ sài trên những trang sách cổ còn lưu trữ trong các ngôi chùa. Vì vậy, công trình nghiên cứu này chỉ đáp ứng ở một mức độ cho phép. Đặc biệt chúng tôi chú ý đến nghiên cứu cấu trúc, chất liệu, thang âm điệu thức và kỹ thuật diễn tấu. Các tác giả của công trình không có tham vọng đưa ra vấn đề về phương pháp cải tiến nhạc cụ, vì việc này phải dành cho các nhà chế tác hay các nhà nhạc học khác.

Bằng phương pháp luận nghiên cứu khoa học, phân tích, chứng minh, so sánh đối chiếu và đúc kết thành lý luận, chúng tôi giới thiệu kho tàng nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ Việt Nam, gồm những vấn đề chủ yếu sau đây :

- Giới thiệu nguồn gốc, xếp loại các nhạc khí.

- Giới thiệu hình thức cấu tạo, chất liệu, màu âm, tầm âm, tính năng, kỹ thuật diễn tấu, vị trí nhạc khí trong các dàn nhạc.

- Hoạt động và tác dụng của nhạc khí trong đời sống cộng đồng.

- Mối quan hệ của nó với một số nhạc khí khác.

- So sánh một số nhạc khí tương tự ở khu vực Đông Nam Á và các nước.

Nhân quyển sách này ra mắt bạn đọc, chúng tôi xin chân thành cảm ơn :

- Sở Văn hóa, Thông tin tỉnh Sóc Trăng.

- Các Sở Văn hóa, Thông tin khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

- Đoàn Nghệ thuật Khmer tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang và Bạc Liêu.

- Viện Âm nhạc (Bộ Văn hóa Thông tin).

- Phân viện nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng.

- Nhạc Viện Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các trường Văn hóa nghệ thuật khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

• Nhà nghiên cứu Sorya.

• Nhà nghiên cứu Châu Ôn.

• Nghệ sĩ ưu tú, nhạc sĩ Sơn Lương.

• Ông Huỳnh Thanh Ân – nguyên giám đốc Sở Văn hóa, Thông tin – Giám đốc Đài phát thanh - truyền hình Sóc Trăng.

• PGS. nhạc sĩ Tô Vũ.

• GS.TS. nghệ sĩ nhân dân Quang Hải.

• PGS.TS. nhạc sĩ Ca Lê Thuần.

• TS. nhạc sĩ Nguyễn Văn Nam.

• TS. nhạc sĩ Đào Trọng Minh.

• PGS.TS.nhạc sĩ Thế Bảo.

- Nhạc sĩ Lư Nhất Vũ.
- Nhạc sĩ Nguyễn Văn Hoa.

Và các nghệ nhân, nghệ sĩ Khmer trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long cùng các bạn đồng nghiệp đã nhiệt tình giúp đỡ chúng tôi hoàn thành công trình này.

CHƯƠNG I

SƠ LƯỢC VỀ LỊCH SỬ NHẠC KHÍ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC KHMER

1.1. *Vài nét về dân tộc Khmer Nam Bộ*

Theo các công trình nghiên cứu của các nhà sử học, dân tộc học, ngôn ngữ học, văn học - nghệ thuật học... bằng phương pháp luận biện chứng duy vật lịch sử, đã lần lượt giới thiệu các mặt tinh thần và vật chất của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long.

Xét về lịch sử hình thành tộc người, đã có một công trình khoa học đã được công bố trên tạp chí *"Khoa học và đời sống"* xuất bản ở Pháp vào

tháng 10 năm 1974 (Số 685, trang 84 - 87) của tác giả PERRE - ROSSION, giới thiệu thành tựu của khoa huyết chủng học, nghiên cứu về tính chất di truyền của máu huyết nhằm xác định những dấu ấn của một dân tộc nào đó - bằng chứng khoa học này cho phép ta xác định tộc người Khmer Nam Bộ vốn gốc là tộc Văn Năh (Phù Nam) mà từ cuối thế kỷ thứ VI trở đi, đã bị tộc người Chenla (Cam.pu.chia hoặc Chân Lạp) thống trị và đồng hóa dần trong vòng 12 thế kỷ (từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ thứ XVIII). Và đương nhiên dân tộc này là một thành viên quan trọng trong cộng đồng dân tộc của nước Việt Nam tại vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Theo nhiều nguồn tài liệu lịch sử, thì từ 200 - 300 năm trước Công Nguyên, người Khmer Nam Bộ đã sống tập trung thành phum, không còn du canh du cư. Họ đã có tiếng nói riêng, sống trong những ngôi nhà nhỏ lợp bằng lá dừa nước, dùng búa để đốn gỗ, dùng đá mài để cọ lửa, dùng hũ đựng lúa gạo, dùng chậu đựng nước và rượu. Họ trồng lúa

nước, dùng lưỡi hái bằng đồng hoặc bằng xương sườn các con thú để gặt lúa. Họ biết nuôi gia súc, gia cầm như : trâu, bò, chó, mèo, heo, gà, vịt... Họ đã có nghề dệt tơ, vải, bố ... Đặc biệt, họ còn biết nấu sắt, đồng, chì, kẽm... biết làm đồ trang sức như dây chuyền đeo cổ, vòng đeo cổ tay, cổ chân...

Xét về lịch sử tộc người, thì người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long và người Khmer ở Cam.pu.chia vốn có chung một cội nguồn tổ nhưng do biến thiên lịch sử mà tách ra cơ bản và chung sống với nhau trong cộng đồng Vương quốc Phù Nam (đầu Công Nguyên đến thế kỷ thứ VI), rồi tới Vương quốc Chân Lạp (CHALLA) cho đến đầu thế kỷ XVIII. Sau đó, đã tách hẳn ra thành 2 cộng đồng khác nhau của hai quốc gia. Đó là việc bình thường trong quá trình hình thành lịch sử của nhân loại : một quốc gia có nhiều dân tộc và một dân tộc sống ở nhiều quốc gia, hòa mình vào các cộng đồng dân tộc ở quốc gia ấy. Lịch sử các nước trên thế giới đã chứng minh điều đó.

Theo kết quả điều tra dân số năm 2000, thì tộc người Khmer ở Nam Bộ có khoảng 1 triệu người, sống tập trung tại các tỉnh : Sóc Trăng (độ trên 300.000 người), An Giang (độ 1.000 người), Kiên Giang (độ 150.000 người), Bạc Liêu và Cà Mau (độ 50.000 người). Ngoài ra, ở Tây Ninh có khoảng hơn 10.000 người, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh và một vài tỉnh ở miền Đông Nam Bộ gộp lại có được khoảng vài ngàn người.

Dân tộc Khmer thuộc giống Indonésien, tiếng nói thuộc ngữ hệ Môn - Khmer. Họ đến cư trú tại vùng đất Nam Bộ thành những cụm rời, nhỏ là sróc (ấp), lớn là phum (xã) đan xen với các xã, ấp của người Việt, người Hoa, người Khmer đến lập cư rất sớm trên vùng đất đồng bằng sông Cửu Long. Từ rất xa xưa, họ đã biết trồng lúa nước. Bằng nhiều biện pháp có tính khai phá, sáng tạo trên vùng đất giồng. Bởi, trong loại nông sản phẩm mà người Khmer có truyền thống trồng trên đất khô, có cây

khoai môn mà các chuyên viên về Đông Nam Á xếp vào phạm trù nông nghiệp khởi thủy của vùng họ nghiên cứu ; và cả cây mía, cây vũ trụ thần thoại của một số tộc người ở miền hải đảo Thái Bình Dương. Nhưng từ đất giồng, người Khmer đã sớm biết khai thác vùng đất trũng bao quanh để trồng lúa nước, mà không phải chờ đến sự xuất hiện của những người làm ruộng giỏi như người Việt, người Hoa. Đặc biệt, đáng lưu ý nhất là tính đa dạng, phong phú của các biện pháp thủy lợi. Do ở gần sông rạch, người Khmer đã lợi dụng khi thủy triều lên mà đưa nước vào ruộng, rồi đắp đập giữ nước để rửa phèn cho ruộng. Khi đến kỳ hạn, lúa sắp trổ đòng đòng thì đập phá ra, xổ phèn, bắt cá xong, lại nhân khi thủy triều lên mà đắp đập lại một lần nữa để chứa nước sông đầy ắp phù sa. Ở khu vực tỉnh Sóc Trăng, do đất giồng ít, nên người Khmer đã khai thác, cư trú giữa những đồng lúa rộng lớn cùng với những vùng trồng hoa màu xung quanh thị xã Sóc Trăng. Ở khu vực Trà Vinh, người Khmer cư

trú trên vùng cát giồng, khai thác những vùng đấp thấp phía trước và phía sau giồng, từng bước biến chúng thành đồng ruộng. Ở khu vực Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau địa bàn cư trú của người Khmer mang đặc điểm như ở Sóc Trăng. Còn ở khu vực Tây Ninh, An Giang và một phần Kiên Giang là thị xã Hà Tiên, thì người Khmer sống định cư dọc theo biên giới Việt Nam và Campuchia.

Xã hội người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là xã hội được tổ chức theo quy mô của đạo Phật. Bởi đạo Phật với tính chất đại chúng và bản chất hòa bình, nhân đạo dễ cảm hóa con người hơn giáo lý Bà La Môn chỉ thiên về đẳng cấp và thần linh. Do đó, uy tín tinh thần của đạo Bà La Môn đã bị Phật giáo Tiểu thừa đánh bạt. Dân tộc Khmer Nam Bộ từ thời xa xưa đã chịu ảnh hưởng sâu nặng nền văn hóa Ấn Độ, nên sắc thái của nó được Khmer hóa dần, nhuần nhị, như chính sự phát triển tự thân của văn hóa bản địa Khmer. Vì vậy, từ thế kỷ XIII trở đi, đạo Phật Tiểu thừa là chỗ dựa

tinh thần chủ yếu của cả cộng đồng người Khmer, từ đó đề ra những luật định tôn giáo mà mọi người trong cộng đồng đều tự giác tuân thủ.

Dân tộc Khmer Nam Bộ chỉ với dân số khoảng được một triệu người nhưng có đến gần 600 ngôi chùa, riêng ở tỉnh Sóc Trăng có đến 89 ngôi chùa. Mỗi ngôi chùa đều nổi bật về nghệ thuật kiến trúc, trang trí nhằm tăng thêm vẻ uy nghi của lòng thành kính. Ngôi chùa là trung tâm văn hóa, là nơi dành cho tất cả phật tử đến học kinh, học chữ, học đạo lý làm người ; nơi lưu trữ các pho kinh điển của Phật giáo, và cũng là nơi dành để sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật, vui chơi giải trí của tăng ni, tín đồ đạo Phật trong đời thường cũng như trong các ngày lễ hội truyền thống của dân tộc. Đời sống tinh thần của người Khmer đã gắn chặt với tôn giáo, với ngôi chùa kể từ lúc mới chào đời đến khi từ giã cõi đời. Cho nên, sắc thái văn hóa của cộng đồng mang đậm dấu ấn tôn giáo, thể hiện phong tục, lối sống, phương thức ứng xử, ở nghệ thuật và tư duy.

1.2. *Khái quát về nền văn hóa – nghệ thuật dân tộc Khmer Nam Bộ*

Dân tộc Khmer Nam Bộ trong mấy thế kỷ gần đây, trong quá trình giao lưu và sống hòa nhập với các cộng đồng người Việt, người Hoa, người Chăm. Họ tạo dựng cho mình một nền văn hóa mang bản sắc riêng. Từ thế kỷ XVIII, trên mảnh đất Nam Bộ, người Khmer đã góp công, góp sức với người Việt để khai phá vùng đất hoang vu bát ngát này và không ngừng bồi đắp để trở thành một vùng đất trù phú, phì nhiêu. Người Khmer đã tiếp nhận nhiều dạng văn hóa vật chất của người Việt, từ kiểu nhà ở nông thôn, cách ăn mặc, một số yếu tố trong kỹ thuật canh tác, sinh hoạt hàng ngày cho đến cách thờ cúng tổ tiên. Nếu như truyện kể *"Riêm Kê"* của người Khmer được tiếp thu từ truyện kể RAMAYARA của Ấn Độ, thì truyện kể dân gian *"Sĩ Thạch"* của người Khmer lại gần gũi truyện dân gian *"Thạch Sanh"* của người Việt. Nhiều thể loại

thơ ca của người Khmer được phát triển sau này, không thể không chịu ảnh hưởng các hình thức văn học dân gian của người Việt.

Bên cạnh đó, người Hoa Nam (Trung Quốc ly khai, nhà Thanh) cũng đã đến vùng đất đồng bằng sông Cửu Long vào khoảng thời gian trước và sau thế kỷ XVIII để tìm mảnh đất sinh sống, họ cũng đã tham gia vào công việc mở mang khai phá vùng đất này. Ở Sóc Trăng, người Hoa sống tập trung tại thị xã Sóc Trăng, huyện Vĩnh Châu và một số huyện khác trong tỉnh. Do đó, một số phong tục, tập quán, thờ cúng, nghi lễ của họ mang theo cũng ít nhiều ảnh hưởng đến người Khmer. Một số gia đình người Khmer thờ Quan Công và ăn lễ tết Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch), cũng như ăn tết Nguyên Đán của người Việt và người Hoa. Một số làn điệu hát Tiều, hát Quảng của người Hoa cũng đã được Khmer hóa thành những bài bản góp phần làm phong phú thêm cho nghệ thuật sân khấu kịch hát

Dù Kê (còn gọi là LaKhône Bassăk) của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long. Đó là những biểu hiện rõ nét về giao lưu văn hóa Khmer - Hoa.

Đối với người Chăm là một tộc người theo đạo Islam, có ít ỏi dân cư và chỉ sống quanh quẩn ở một vùng của Châu Đốc (tỉnh An Giang) và tỉnh Bình Thuận (miền Đông) nên ảnh hưởng qua lại giữa văn hóa Khmer - Chăm không rõ nét.

Giao lưu văn hóa đi liền với tình cảm cộng đồng, quan hệ chủng tộc giữa người Khmer với người Việt, người Hoa trong phạm vi lãnh thổ chung và giữa người Khmer ở hai quốc gia riêng : Việt Nam - Cam pu chia, cùng với truyền thống văn hóa mang màu sắc tôn giáo lâu đời, đã tạo nên một nền văn hóa Khmer sôi động, đầy bản sắc ở đồng bằng sông Cửu Long trù phú, nó là cơ sở của một tiểu vùng văn hóa nằm trong vùng văn hóa chung của miền Tây Nam Bộ. Nền văn hóa ấy, nhờ sự ra đời rất sớm của chữ viết, nên có điều kiện phát triển

nhanh và phong phú hơn các tộc người có chữ viết ra đời chậm, hoặc chưa có chữ viết riêng cho tộc người mình. Những pho sách cổ được viết trên lá thốt nốt còn lưu trữ trong các ngôi chùa Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long đã biểu hiện giá trị và sự phong phú đó. Đó là những tác phẩm rất xa xưa do người Khmer sáng tạo ra, vừa dựa theo những câu chuyện có gốc rễ từ đạo Bà La Môn, đạo Phật, vừa ghi chép những ngụ ngôn, ngạn ngữ, ca dao, tục ngữ, câu hát, câu đố, câu nói lái có xuất xứ từ dân gian, vừa đặt ra những vấn đề đạo đức xã hội để giáo dục con người trong cuộc sống trần gian.

Văn hóa người Khmer tuy từ rất sớm đã chịu ảnh hưởng sâu sắc nền văn hóa Ấn Độ, nhưng một số loại hình nghệ thuật đặc trưng nhất, người Khmer đã có những sáng tạo riêng, tiêu biểu như : nghệ thuật kiến trúc các ngôi chùa với phong cách độc đáo và đã đạt đến cái tinh vi của đường nét trong kỹ xảo của họa tiết và hình khối. Các loại

tượng Phật Thích ca, các loại phù điêu và các bức họa về sự tích của đạo Phật. Các làn điệu dân ca qua giao lưu văn hóa mà tạo thành, trên cơ sở sáng tạo theo tâm lý cộng đồng và bản sắc dân tộc. Đặc biệt là nền nghệ thuật sân khấu hát múa Rôbăm tồn tại và phát triển từ rất lâu đời ; và đặc sắc hơn nữa là nghệ thuật sân khấu kịch hát Dù Kê (gọi là LaKhône Bassăk) do chính người Khmer tại vùng châu thổ đồng bằng sông Hậu sáng tạo ra từ đầu thế kỷ XX, đã định hình và phát triển đến đỉnh cao trong gần một thế kỷ qua. Điều đó đã tạo ra một thế đứng, một dáng vẻ và sự hấp dẫn riêng trong cái đa dạng của nền văn hóa chung các dân tộc Việt Nam.

Trong thời kỳ chiến tranh, dưới chính quyền Sài Gòn trước đây, có một số hình thức nghệ thuật lai căng đã xâm nhập vào văn hóa Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long, nhưng nó hoàn toàn xa lạ đối với thị hiếu thẩm mỹ của cộng đồng người ở đây,

cho nên nó đã bị tàn lụi dần và đào thải hoàn toàn, nhường chỗ cho nghệ thuật dân tộc truyền thống là món ăn tinh thần hàng ngày không thể thiếu được của người Khmer.

Cả cộng đồng người Khmer đều thừa nhận rằng, kể từ khi đất nước hoàn toàn giải phóng, thống nhất Nam Bắc đến giờ, nền nghệ thuật của họ đã có điều kiện phát triển mạnh mẽ và sâu rộng hơn bao giờ hết. Các đoàn nghệ thuật sân khấu Dù Kê, đoàn nghệ thuật Rôbăm vốn bị tan rã trong suốt thời kỳ chiến tranh, thì nay chẳng những được khôi phục và nâng cao mà còn phát triển thành nhiều đoàn hơn, hoạt động khắp nơi trong vùng, phục vụ cả người Khmer lẫn người Việt và người Hoa. Có thể nói, ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh nào có đông đảo người Khmer sinh sống thì nơi đó đều có đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp riêng của người Khmer, tiêu biểu như tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau ... Ngoài ra,

mỗi tỉnh còn có nhiều đoàn nghệ sĩ người Khmer, từ biên kịch, đạo diễn, nhạc sĩ, biên đạo múa cho đến các ca sĩ, nhạc công, diễn viên sân khấu, họa sĩ, điêu khắc gia ... Hiện nay, ở khu vực miền Tây Nam Bộ đã có khá đông đảo văn nghệ sĩ được kết nạp vào các tổ chức Hội trung ương thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau như : Hội nhạc sĩ Việt Nam, Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, Hội nghệ sĩ tạo hình Việt Nam, Hội nhà báo Việt Nam ... Trong số đó, đông nhất là ở tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh.

Các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang ... là nơi có người Khmer sinh sống đông đảo nên có sách báo riêng bằng chữ Khmer, có chương trình phát thanh - truyền hình dành riêng cho người Khmer. Đài tiếng nói Việt Nam (cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh) có chương trình phát thanh bằng tiếng Khmer phục vụ cho đồng bào Khmer trong khu vực. Đội ngũ những người viết văn, làm thơ, soạn nhạc, hội họa, điêu khắc, soạn kịch bản sân khấu Dù Kê ngày càng đông đảo và

tạo được tiếng vang trong khu vực và cả nước. Toàn bộ những tác phẩm văn học - nghệ thuật của người Khmer đã mang một phong cách mới, một nội dung mới, mang đậm nét bản sắc văn hóa dân tộc bản địa, phản ánh sinh động cuộc sống hòa hợp dân tộc của cộng đồng Việt - Khmer - Hoa - Chăm. Các tác phẩm đó đã toát lên một giá trị về nghệ thuật, ngợi ca đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập - thống nhất và chủ nghĩa xã hội ; phản ánh tinh thần yêu nước, yêu đời, yêu lao động của người Khmer dưới chế độ mới. Thành quả đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng và phát triển một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trên con đường công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Đội ngũ trí thức Khmer từ một số lượng ít ỏi, đến nay đã nâng lên hàng ngàn người có trình độ đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và trung học phổ thông, đang làm việc tại các cơ quan công sở, trường học, bệnh viện từ trung ương đến cấp cơ sở.

Ngày nay, người Khmer đã có một quan niệm rõ ràng về nền văn hóa mới gắn liền với việc xây dựng cuộc sống mới, con người mới bằng những đóng góp tích cực của từng thành viên trong cộng đồng xã hội, tạo nên sự chuyển biến tích cực từng ngày. Văn hóa nghệ thuật đã đóng góp vào sự chuyển biến đó. Ngược lại sự chuyển biến của xã hội người Khmer đã kích thích sự phát triển các hoạt động văn hóa nghệ thuật.

Bản sắc văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ đã biểu hiện một cách rõ nét qua các loại hình văn học nghệ thuật như : nghệ thuật sân khấu hát múa Rôbăm, nghệ thuật sân khấu kịch hát Dù Kê, nghệ thuật điêu khắc, trang trí, hội họa, âm nhạc, hát, múa, văn học dân gian (như ca dao, tục ngữ, dân ca, dân vũ, truyện cổ tích, truyện thần thoại, truyện cười, truyện ngụ ngôn, giáo huấn ca ...) và đặc biệt là một kho tàng nhạc khí vô cùng phong phú và đa dạng. Bản sắc văn hóa đó còn biểu hiện ở trong tín ngưỡng dân gian như : nghi lễ nông nghiệp, Tết vào

năm mới (Chôl Chnăm Thmây), lễ cầu an, lễ hội cúng trăng (Ook – Om – Boc), lễ gọi hồn lúa (Bon Han - Prolưng Srâu), lễ cúng Neak Ta, lễ cúng Arăk (cúng thần bảo hộ), cúng Rea - Hu (truyền thuyết về nhật thực - nguyệt thực), lễ cúng tổ nghề (Sen Kru Đơm) .v.v...Văn hóa người Khmer còn thể hiện trong các lễ hội truyền thống, nó đóng một vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Chúng chi phối toàn bộ sinh hoạt tinh thần, vật chất và chiếm một khoảng thời gian rất lớn trong năm. Từ ngữ *"Bon"* hoặc *"Pithi"* đều bao hàm ý nghĩa *"Làm phước"*. Danh từ *"Pithi"* để gọi những lễ có tính chất dân gian như : đám cưới (Pithi Apea Pineah), lễ vào năm mới (Pithi Chôl Chnăm Thmây), Lễ cúng Ông bà (Pithi Sen Đôlta) .... Còn các lễ mang tính chất quan trọng của Phật giáo hay chịu ảnh hưởng sâu đậm của đạo Phật thì gọi là *" Bon"* như : đám ma (Bon Slap), lễ cúng trăng (Bon Sompés PrésKhe), lễ Phật Đản (Bon Visakh Bochea), lễ nhập Hạ (Bon Chôl VôSa) ....

Dân tộc Khmer đang sống tại đồng bằng Nam Bộ, qua nhiều thế kỷ đã gắn bó, hòa hợp với người Việt, người Họa, người Chăm xây dựng một đời sống xã hội bình đẳng, đoàn kết và tiến bộ. Trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, người Khmer đã sát cánh cùng với người Việt và các dân tộc anh em trong cộng đồng đã đóng góp xương máu cho lý tưởng cách mạng chân chính, cho độc lập thống nhất Tổ quốc. Ngày nay, người Khmer đang cùng với các dân tộc anh em ra sức xây dựng vùng đất đồng bằng sông Cửu Long màu mỡ này trở thành một vựa thóc của Tổ quốc ; đồng thời còn đóng góp cho sự phát triển về mọi mặt theo sức vươn lên của một vùng kinh tế tiêu biểu, một tiểu vùng văn hóa đặc sắc, viết nên những trang sử mới dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, hòa nhập vào xu thế phát triển của thời đại.

1.3. *Sơ lược về nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ*

Dân tộc Khmer Nam Bộ hiện nay đang kế thừa một di sản vô giá do tổ tiên để lại. Đó là kho tàng nhạc khí dân tộc rất phong phú, đa dạng và độc đáo. Các nhạc khí được chế tác bằng nhiều chất liệu khác nhau. Từ các nhạc khí được chế tác hoàn toàn bằng chất liệu thiên nhiên như : gỗ, tre, trúc... đến các nhạc khí có chất liệu thiên nhiên kết hợp với kim loại, và cuối cùng là nhóm nhạc khí chế tác hoàn toàn bằng kim loại. Nhạc khí dân tộc Khmer cũng có đủ 4 loại: nhạc khí dây, nhạc khí thổi hơi, nhạc khí màng rung và tự thân vang.

Kho tàng nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ mang tính đặc trưng, tiêu biểu của người Khmer tại vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, nó đã mang một ý nghĩa tích cực trong đời sống cộng đồng xã hội người Khmer trong khu vực ; cũng như phục vụ đắc lực cho mọi sinh hoạt văn hóa - nghệ thuật kể cả người Khmer

lẫn người Việt, người Hoa. Song, trong cơ chế thị trường hiện nay, nhạc khí dân tộc Khmer đang rơi vào tình trạng báo động, nó đang có chiều hướng mất dấu và nảy sinh những yếu tố mới lạ, ngoại lai, làm lu mờ giá trị vốn có từ lâu đời. Vì vậy, việc nghiên cứu, sưu tầm nhạc khí dân tộc Khmer là một công việc quan trọng và cấp bách.

Trong quá trình sưu khảo, nghiên cứu - chúng tôi đã đi khắp các địa phương trong tỉnh Sóc Trăng, từ huyện đến các xã, ấp nơi có nhiều đồng bào dân tộc Khmer đang sinh sống. Đặc biệt là những phum – sróc còn có nhiều nghệ nhân Khmer biết sử dụng các nhạc cụ dân tộc một cách thành thạo và điêu luyện như tại thị trấn Lịch Hội Thượng (huyện Long Phú), xã Tuân Tức (huyện Thạnh Trị), các xã trong huyện Mỹ Xuyên, Mỹ Tú, Kế Sách, Vĩnh Châu. Ngoài ra, còn đi khảo sát, khảo nghiệm nhằm đối chiếu so sánh những kỹ năng - kỹ xảo của các nghệ nhân, nghệ sĩ ở các tỉnh trong khu vực đồng bằng

sông Cửu Long như: tỉnh An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Trà Vinh ... về các phương pháp diễn tấu các nhạc khí dân tộc Khmer. Từ đó, đúc kết thành lý luận trong công trình nghiên cứu này:

1. Trong quá trình đi sưu khảo, ghi âm, ghi chép, chụp ảnh tư liệu, trao đổi kinh nghiệm của các nghệ nhân, nghệ sĩ tại các phum – sróc trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, chúng tôi nhận thấy rất nhiều nghệ nhân chẳng những biết sử dụng thành thạo một số nhạc khí mà còn có khả năng chế tác các nhạc khí thông dụng như : Roneat Ek, Roneat Thung, Khlôy, Pây - O, Tà Khê, Truô - U, Truô - Sô, Khưm.v.v... có những nghệ nhân chỉ biết sử dụng nhạc khí đã được chế tác sẵn. Nhìn chung, phương pháp diễn tấu của các nghệ nhân, nghệ sĩ dân tộc Khmer hiện nay đều theo một phương thức truyền khẩu, truyền ngón và học thuộc lòng các bài bản cổ truyền dân tộc, chưa có một văn bản cụ thể nào. Do đó, có những điểm khác biệt trong phương

pháp diễn tấu giữa vùng này và vùng kia, khu vực này với khu vực khác. Hơn nữa, hiện nay đã có một số cải tiến cho từng loại nhạc cụ nên hiệu quả diễn tấu thường đạt được tính nghệ thuật cao, hạn chế rất lớn những mặt yếu kém trước đây.

2. Những nhạc khí nằm trong công trình nghiên cứu này là những nhạc khí hiện đang được sử dụng trong đời sống cộng đồng dân tộc Khmer tại tỉnh Sóc Trăng cũng như một số tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng giới thiệu thêm một số ít nhạc khí dân tộc Khmer đã từng có mặt trong đời sống của những thế hệ đi trước, mà hiện nay được xem là đã mất dấu hoặc đã bị bỏ quên trong quá khứ, cần phải được phục hồi lại.

3. Trong công trình nghiên cứu này, chúng tôi đặc biệt chú trọng đến các tên gọi của từng loại nhạc khí dân tộc Khmer, có nghĩa là dựa trên tên gọi của người Khmer Nam Bộ để từ đó *"Latinh*

hóa" bằng Việt ngữ, nhằm mục đích tránh sự nhầm lẫn với một số nhạc khí có nguồn gốc từ khu vực Đông Nam Á hoặc các nước xâm nhập vào, do đã được *"Khmer hóa"* như hiện nay tại Sóc Trăng cũng như trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

4. Về phân loại nhạc khí, chúng tôi dựa trên nguyên tắc phân loại nhạc khí của các nhà âm nhạc học phương Tây đầu thế kỷ XX E.m. Horn Bostel, C.Sachs và các nhà nhạc học khác. Về cơ bản, nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ được phân chia dựa trên hai nguyên tắc sau :

Nguyên tắc 1 : Nguồn vật chất chuyển động tạo ra âm thanh, từ nguồn này chia làm 4 bộ lớn như sau :

A - Bộ dây (Cordophone) : là nhạc khí dựa trên nguồn dây rung.

B - Bộ hơi (Aérophone) : là nhạc khí dựa trên sự rung của khối không khí chứa trong một vật

C - Bộ màng rung (Membranophone) : là nhạc khí dựa trên sự rung của một màng căng.

D - Bộ tự thân vang (Idiophone) : là nhạc khí vang dựa trên sự rung của toàn bộ nhạc cụ.

Nguyên tắc 2 : Phương pháp kích âm, để từ phương pháp này chia các nhạc khí trong cùng một bộ thành các chi.

+ Thí dụ : Bộ dây : để kích cho dây rung, có thể dùng cung vĩ kéo, dùng phím gảy hoặc dùng một vật đập gõ vào để tạo âm thanh.

Từ đó ta có các nhạc khí như :

• Chi dây kéo (cung vĩ) như đàn Truô - Sô , Truô - U , Truô Khmer.

• Chi hơi lỗ thổi như Khlôy, Pây - O, Srolay - Rôbăm, Srolay Pưnpét • Chi dây gảy như đàn Chapây Chomriêng, đàn Tà Khê ...

• Chi màng rung gõ như các loại trống lớn, trống Yem.

• Chi màng rung vỗ như trống, Samphô, trống Sadzăm, trống Aday.

• Chi tự thân vang gõ như Ronek Ek, Ronek Thung, Ronek Đek, Chhưng...

Ngoài 02 nguyên tắc phân loại nêu trên, nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ còn có thể phân loại bằng cách dựa vào chất liệu chế tác nhạc khí:

- Loại nhạc khí có chất liệu thiên nhiên.

- Loại nhạc khí có chất liệu thiên nhiên kết hợp kim loại.

- Loại nhạc khí hoàn toàn bằng kim loại.

Tuy nhiên, ở từng loại kể trên, các nhạc khí Khmer Nam Bộ cũng được phân chia, sắp xếp theo nhóm hơi, gõ, dây, tự thân vang ... để dễ phân biệt và làm cơ sở so sánh với các nhóm trong kho tàng nhạc khí dân tộc khác ở trong nước và khu vực Đông Nam Á.

Trong quá trình giao lưu văn hóa qua nhiều thế kỷ, một số nhạc khí của các nước đã được du nhập vào Việt Nam bằng nhiều con đường khác nhau, đặc biệt là từ các nước trong khu vực Đông Nam Á và Châu Á - Thái Bình Dương. Những nhạc khí đó đã được người Khmer Nam Bộ sử dụng và trong quá trình đó, người Khmer tại Sóc Trăng đã biết chắt lọc, khai thác và cải tiến các nhạc khí đó cho phù hợp với tâm tư, tình cảm, hình tượng âm nhạc phục vụ cuộc sống mang đậm tâm hồn dân tộc mình. Vì vậy, các nhạc khí đó đã dần dần trở thành tài sản của dân tộc Khmer Nam Bộ. Đặc biệt, có những nhạc khí có xuất xứ từ các nước láng giềng trong khu vực Châu Á như đàn Gáo, đàn Cò, đàn Tam thập lục ... (Trung Quốc), ngày nay đã được *"Khmer hóa"* thành nhạc khí riêng của mình và phục vụ đắc lực trên sân khấu kịch hát Dù Kê (còn gọi là LaKhône Bassăk) - một loại hình nghệ thuật sân khấu độc đáo đã được sản sinh trên vùng đất đồng bằng sông Hậu từ đầu thế kỷ XX, tồn tại và

phát triển cho đến ngày nay. Những nhạc khí đó ngày nay chính là đàn Truô - Sô, Truô - U, đàn Khưu của người Khmer Nam Bộ.

1.4. *Xếp loại nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ*

Nếu xếp loại nhạc khí dân tộc Khmer theo phương pháp dân gian, có nghĩa là căn cứ vào chất liệu chế tác, thì chúng gồm 3 loại cơ bản sau:

- Loại nhạc khí được chế tác bằng chất liệu của thiên nhiên, như: gỗ, đá, tre, nứa, gáo dừa...

- Loại nhạc khí được chế tác kết hợp giữa các chất liệu thiên nhiên có kết hợp với kim loại (dây bằng sắt).

- Loại nhạc khí được chế tác hoàn toàn bằng kim loại như Côông Vông Thum, Côông Vông Tôch, Kôông Môông...

Tuy nhiên, trong công trình nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng những nguyên tắc phân loại nhạc khí của các nhà âm nhạc học phương Tây đầu thế

kỷ XX E.m. Hornbostel, C.Sachs và các nhà nhạc học khác.

Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ được xếp thành 4 bộ lớn như sau :

A. BỘ DÂY (Cordophone) : Chia thành 3 nhóm chính

I. Nhóm nhạc khí dây gõ, gồm có :

1. Khưm Tôch
2. Khưm Thum

II. Nhóm nhạc khí dây gẩy, gồm có :

1. Chapây Chomriêng
2. Tà Khê
3. Say Điêu

III. Nhóm nhạc khí dây kéo (cung vĩ) gồm có :

1. Truô – Sô
2. Truô – U (Truô Nguk)

3. Truô – Khse (Truô Khmer, Truô Khse bây)

B. BỘ HƠI (Aérophone) : Chia làm 3 nhóm chính

I. Nhạc khí hơi lỗ thổi : gồm có :

1. Khlôy

2. Pâypuôc

II. Nhạc khí hơi dăm kép :

1. Srolay Pưnpét

2. Srolay Rôbăm

3. Pây O

III. Nhạc khí hơi môi (Hơi búp) :

1. Pôông Snenh

2. Pây Slâc

C. BỘ MÀNG RUNG (Membranophone) : Chia làm 2 nhóm chính

I. Nhạc khí màng rung gõ :

1. Skô Yeam

2. Skô Thum

II. Nhạc khí màng rung vỗ :

1. Skô Chhay Dzăm

2. Skô Sam phô

3. Trống Aday (Skô Thon = Skô Daey)

D. BỘ NHẠC KHÍ TỰ THÂN VANG (Idiophone) :

Chia làm 2 nhóm chính

I. Nhạc khí tự thân vang gõ :

1. Rônek Ek

2. Rônek Thung

3. Rônek Đek

4. Côông Vông Tôch

5. Côông Vông Thum

6. Khmuốs

7. Kôông Môông

8. Krap

9. Lôô

10. T'ro Chôôt

I. Nhạc khí tự thân vang đập :

1. Chhưng

2. Chapp

3. Ek Khleng

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi căn cứ vào những nhạc khí hiện hữu trong cộng đồng. Phum, sróc người Khmer thuộc tỉnh Sóc Trăng và một số tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Hiện nay, còn khá nhiều nhạc khí bị thất lạc

hoặc đã bị quên lãng chưa tìm ra được. Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm trong thời gian sắp tới.

1.5. *Các tổ chức dàn nhạc truyền thống Khmer*

Nền âm nhạc truyền thống dân tộc Khmer ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long rất phong phú về hình thức tổ chức dàn nhạc có quy mô lớn nhỏ khác nhau. Có những qui định khá chặt chẽ cho từng loại hình dàn nhạc với những biên chế nhạc cụ rõ ràng và hợp lý. Do những quy định đã được lưu truyền từ lâu đời, không cho phép sử dụng một cách bừa bãi các nhạc cụ theo ý thích, mà phải chấp hành những nguyên tắc chung khi diễn tấu. Chính điều đó đã làm cho các tổ chức dàn nhạc dân tộc Khmer có tính độc đáo hấp dẫn, đa dạng và phong phú.

Trong mỗi loại hình tổ chức dàn nhạc đều có người chỉ huy, thường được gọi là *"Nhạc trưởng"* hoặc *"Thầy nhạc"*. Người nhạc trưởng thường phải là người am hiểu, có kiến thức rộng về âm nhạc

dân tộc, có tài sử dụng nhiều loại nhạc cụ khác nhau và thuộc nhiều bài bản cổ truyền dân tộc. Phong cách diễn tấu thường được phổ biến là : có lúc cả dàn nhạc cùng hòa tấu đồng âm, có lúc thì phân chia đoạn nhạc để từng nhạc cụ diễn tấu theo tính chất của từng bản nhạc, từng tiết tấu, từng giai điệu lắng trầm, cao vút .... Theo phong cách cổ truyền thì trong từng bài bản, người nhạc trưởng truyền đạt lại cho cả dàn nhạc bằng phương pháp truyền khẩu : *"Noi noi"* hoặc thị phạm bằng cách đàn từng câu cho các nhạc công tiếp thu và ghi nhớ. Chưa có phương pháp ký âm các bài bản như ngày nay.

Các tổ chức dàn nhạc truyền thống Khmer gồm có :

1. Dàn nhạc Khmer.
2. Dàn nhạc Môhôri.
3. Dàn nhạc Pưnpet (ngũ âm).

4. Dàn nhạc lễ cưới (dàn nhạc truyền thống).

5. Dàn nhạc A - Reak.

6. Dàn nhạc Khlon Khech.

7. Dàn nhạc LaKhône Bassăk.

8. Dàn nhạc Trống lớn.

9. Dàn nhạc Rôbăm.

① ***Dàn nhạc Khmer***

Dàn nhạc Khmer thường được hòa tấu làm nền cho hát trong các lễ Tôn giáo và tín ngưỡng như : Lễ mời thần A-Reak , Neak Ta ; Đôi lúc cũng được sử dụng trong lễ cưới (một số nghi thức tín ngưỡng dân gian truyền thống).

Biên chế dàn nhạc Khmer gồm có :

1. Srolay Tôch (kèn nhỏ).

2. Kse Điêu.

3. Chapây Chomriêng.

4. Truô Khmer.

5. Truô - U.

6. Một cặp Skô Day.

7. Kèn Pây – O.

8. Pây Puôc.

9. Khlôy.

② ***Dàn nhạc Môhôri***

Còn được gọi là dàn nhạc tổng hợp do có sử dụng các nhóm nhạc khí khác nhau như : nhạc khí hơi, nhạc khí dây, nhạc khí gõ. Bài bản được sử dụng trong dàn nhạc này thường thiên về loại âm nhạc dân gian như: Bân Um Tuôk (bơi thuyền), các bài hát dân gian ca ngợi lao động sản xuất, bài hát ru, các bản nhạc hát đối đáp nam nữ trong buổi chia tay lên đường ra trận... Biên chế dàn nhạc Môhôri gồm có :

1. Rôneatek.

2. Rôneat Thung.

3. Tà Khê.

4. Truô – U.

5. Truô – Sô.

6. Chapây Chom Riêng.

7. Khlôy.

8. Srolay.

9. Chhưng.

③ ***Dàn nhạc Pưnpét (dàn nhạc ngũ âm) :***

Dàn nhạc Pưnpét còn được gọi là *"Dàn nhạc ngũ âm"*. Từ ngữ *"Ngũ âm"* được đề cập ở đây là năm loại chất liệu khác nhau tạo thành một âm thanh tổng hợp của dàn nhạc ngũ âm. Năm loại chất liệu đó là : đồng, sắt, gỗ, da và hơi.

Dàn nhạc ngũ âm được diễn tấu bằng cách gõ (Rônek), đánh (trống), thổi hơi (Srolay) ... nhưng hầu hết các nhạc cụ đều được sử dụng bằng cách gõ dùi.

Theo gia phả lịch sử âm nhạc dân tộc Khmer đã ghi rõ : từ thuở xa xưa mãi cho tới hôm nay, dàn nhạc ngũ âm chính qui vẫn giữ được nguyên vẹn các loại nhạc cụ trong biên chế chính thức, không được phép thêm bớt bất cứ một loại nhạc cụ nào. Nhưng cũng có một vài nơi, khi hòa nhạc, người ta có thể bớt một hai nhạc cụ nào đó do thiếu nhạc công sử dụng.

Theo tập tục ngày xưa đã quy định rằng : dàn nhạc ngũ âm chỉ được phép sử dụng trong các ngày đại lễ ở chùa ; quần chúng chỉ được phép sử dụng trong các cuộc lễ tang, lễ dâng bông, lễ dâng Y Cà Sa, lễ Ook Om Boc ... Đại đa số dàn nhạc ngũ âm đều được nhà chùa cất giữ. Ngày nay, do nhu cầu phát triển của xã hội nên dàn nhạc ngũ âm cũng

mở rộng phạm vi hoạt động của mình trong các chương trình lễ hội truyền thống, các cuộc liên hoan mừng công, cũng như được sử dụng một cách chính thức trên sân khấu chuyên nghiệp, các chương trình biểu diễn nghệ thuật quần chúng

Biên chế dàn nhạc ngũ âm gồm có :

1. Rôneatek
2. Rôneat Thung
3. Rôneat Đek
4. Kôông Vông Tôch
5. Kôông Vông Thum
6. Samphô
7. Skô Thum
8. Srolay Pưnpét
9. Chhưng

④ ***Dàn nhạc A – răk***

Đây là dàn nhạc đặc trưng cho lễ tế thần (cầu thần mưa, thần gió, thần rừng, cầu an ...).

Dàn nhạc A-Răk thường được diễn tấu bởi những nghệ nhân điêu luyện, có kỹ năng âm nhạc tài giỏi. Dàn nhạc này cũng thường biến động về biên chế bởi nhiều lý do khách quan như : Không đủ người chơi ăn ý hoặc quá ít người biết sử dụng nhạc cụ, bài bản cho đúng. Vì vậy, biên chế dàn nhạc có lúc gồm :

1. Say Điêu
2. Pây – O
3. Pây Puôc
4. Cặp trống tay (Skô Đay)

Đôi lúc dàn nhạc chỉ có : Pây - o và cặp trống tay ; đàn Truô Sô và cặp trống tay ; hoặc chỉ có cặp trống tay đóng vai trò quyết định trong buổi lễ.

⑤ Dàn nhạc lễ cưới

Còn được gọi là dàn nhạc truyền thống dân tộc, chuyên phục vụ cho lễ cưới của người Khmer. Các bài bản được sử dụng trong dàn nhạc này được chia thành 3 thể loại :

1. Âm nhạc phục vụ nghi thức truyền thống
2. Âm nhạc phục vụ nghi thức cúng thần
3. Âm nhạc phục vụ giải trí

Biên chế dàn nhạc gồm có :

+ Truô Khmer.

+ Chapây Chom Riêng.

+ Pây – O.

+ Skô Đay.

Đôi khi có biên chế

+ Truô – U.

+ Truô – Sô.

+ Khlôy.

+ Tà Khê.

+ Chhưng.

Ngày nay, dàn nhạc lễ cưới không còn đầy đủ như trước, không qui định biên chế cụ thể (tùy từng hoàn cảnh). Có khi chỉ là :

+ Truô - U

+ Truô - Sô

+ Khưm

+ Skô Đay

⑥ *Dàn nhạc Khloon Khech*

Đây là dàn nhạc đặc trưng dùng để phục vụ cho lễ tang và đưa tang. Đôi khi cũng được sử dụng trong các cuộc đấu võ thuật võ tự do, võ Khmer. Âm nhạc phục vụ lễ tang có giai điệu và tiết tấu chậm rãi, trầm lắng, trang nghiêm. Âm nhạc phục

vụ nghi thức đấu võ thuật có giai điệu và tiết tấu sôi động, thúc giục, rộn rã, hào hứng. Biên chế dàn nhạc chỉ có Skô Sang Na và Srolay Khloon Khech .

⑦ Dàn nhạc LaKhône Bassăk :

LaKhône Bassăk còn gọi là nghệ thuật sân khấu ca kịch Dù Kê, được ra đời từ những năm 20 đầu thế kỷ XX tại vùng đồng bằng sông Cửu Long. Nghệ thuật sân khấu Dù Kê được ra đời và phát triển rực rỡ, được xem là loại hình nghệ thuật sân khấu độc đáo mang đậm bản sắc văn hóa của người Khmer Nam Bộ.

Biên chế của dàn nhạc gồm có :

1. Khưm Thum.
2. Khưm Tôch.
3. Truô Sô.
4. Truô – U.

5. Khlôy.

6. Krap.

7. Lôô.

8. Trống lớn.

Ngày nay, ngoài những vở tuồng cổ điển, thần thoại, sân khâu Dù Kê đã biểu diễn những kịch bản mới mang tính xã hội. Vì vậy, ngoài biên chế dàn nhạc truyền thống, sân khấu Dù Kê còn được phối hợp , tăng cường về hoà thanh hiện đại của một vài nhạc cụ điện tử Tây phương để phục vụ cho nhạc cảnh, nhạc nền của vở diễn, tạo nên yếu tố âm nhạc mới trong từng kịch bản hiện đại.

⑧ *Dàn nhạc Skô – Thum*

Đây là loại dàn nhạc đặc trưng được sử dụng phục vụ cho lễ tang, nhưng không được phổ biến. Hiện nay, ở Nam Bộ chỉ còn lại một nơi đang sử

dụng dàn nhạc này, đó là huyện Tri Tôn tỉnh An Giang.

Biên chế dàn nhạc gồm có :

1. Skô Thum.
2. Cặp Skô Day.
3. Pây – O.
4. Truô – U.
5. Truô – Sô.
6. Khưm Tôch.
7. Tà Khê.

Âm nhạc được sử dụng có giai điệu buồn bã, tang tóc, du dương. Tiết tấu chậm rãi, dìu dặt.

⑨ Dàn nhạc Rô Băm

Đây là dàn nhạc đặc trưng chỉ sử dụng trong nghệ thuật sân khấu Rô băm của dân tộc

Khmer tỉnh Sóc trăng và một vài tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Biên chế Dàn nhạc gồm có:

1. Srô lay Rôbăm.

2. Skô Sam phô.

3. Skô Thum.

4. Kôông.

Kèn Srolay Rôbăm là nhạc khí chủ đạo xuyên suốt vở diễn. Dàn nhạc chủ yếu đóng vai trò cổ động và làm phần đệm tiết tấu cho bộ điệu các nhân vật, làm nhạc nền cho hát múa .

1.6. ***Một số thuật ngữ và ký hiệu sử dụng trong công trình nghiên cứu***

Kho tàng Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ có những đặc điểm khác biệt so với các dân tộc thiểu số Việt Nam. Khi diễn tấu âm nhạc

truyền thống Khmer Nam Bộ, các cao độ trong điệu thức chỉ mang tính tương đối, không có âm chuẩn tuyệt đối. Mỗi nhạc khí được diễn tấu đều mang một sắc thái, một thủ pháp riêng, không cái nào giống cái nào. Do đó, không thể sử dụng hòan toàn các ký hiệu cổ điển phương Tây, mà đòi hỏi phải có những ký hiệu riêng mang tính quy ước nhằm đảm bảo bản sắc dân tộc riêng của mình. Nghệ thuật âm nhạc truyền thống dân tộc Khmer Nam Bộ vốn có đặc tính phóng khoáng, vui tươi, trữ tình, bống bẩy trong hệ thống "Đa âm sắc" của nó. Vì vậy, trong mỗi âm thanh, mỗi cung bậc đều được bao phủ bởi những âm tô điểm, nốt luyến láy, ngón nhấn, ngón rung, rung hơi, đánh lưỡi v.v.. kết hợp trong một khả năng nhạy cảm, tính thẩm âm cao của các nghệ nhân, nghệ sĩ dân tộc.

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng phương pháp ký âm, ký hiệu của âm nhạc cổ điển phương Tây, đồng thời kết hợp

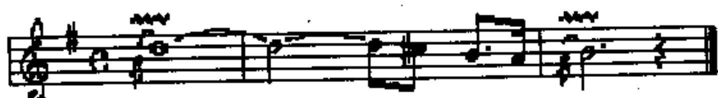
với một số ký hiệu riêng để diễn đạt những yếu tố dị biệt, tinh túy mà trong lúc diễn tấu các nghệ nhân, nghệ sĩ đã phát huy kỹ năng, kỹ xảo, tạo ra những "Quãng dân tộc" vô cùng biến hoá, sinh động và độc đáo.

Âm thanh biến hoá tài tình đó chính là đặc điểm, là giá trị tinh hoa độc đáo của nền nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ, biểu hiện rõ nét cái "hồn" dân tộc xuyên suốt quá trình lịch sử hình thành và phát triển một nền văn hoá bản địa mang đậm bản sắc dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt Nam.

❋ *THUẬT NGỮ VÀ KÝ HIỆU:*

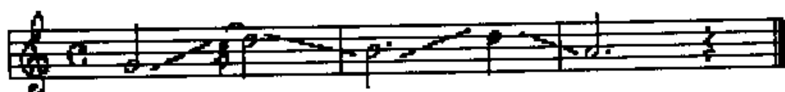
1. Ngón rung : ký hiệu : ~~~ trên đầu nốt nhạc, được vận dụng ở một số nhạc khí dây kéo (cung vĩ), dây gẩy, nhạc khí hơi.

Thí dụ (01) :



2. *Ngón vuốt* : ký hiệu là một gạch thẳng nối liền hai nốt nhạc, được vận dụng ở một vài nhạc khí dây kéo (cung vĩ) và nhạc khí hơi .

Thí dụ (02) :



3. Ngón nhấn : ký hiệu V trên đầu nốt nhạc, được vận dụng ở các nhạc khí dây kéo (cung vĩ) và dây gẩy .

Thí dụ (03) :



4. Ngón luyến (Thủ pháp Légato) : ký hiệu bằng một vòng cung nối liền các nốt nhạc, được vận dụng ở các nhạc khí dây kéo (cung vĩ), dây gẩy, hơi và nhạc khí tự thân vang .

Thí dụ (04) :



5. Ngón láy - láy rền (Thủ pháp Trille): ký hiệu tr trên đầu nốt nhạc, được vận dụng ở hầu hết các nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ.

Thí dụ (05) :



6 . Ngón vê : ký hiệu : , được vận dụng ở các nhạc khí dây kéo (cung vĩ) và dây gẩy .

Thí dụ (06):

Viết Hiệu quả

7. Ngón ngắt (Thủ pháp Staccato): ký hiệu > trên nốt nhạc , được vận dụng ở hầu hết các nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ.

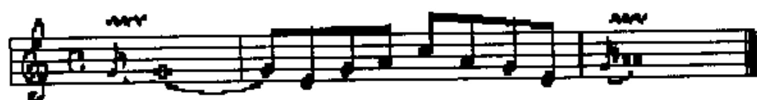
Thí dụ (07):

8. Ngón vuốt (Thủ pháp Glissando) : ký hiệu là một đường răng cưa đi lên hoặc đi xuống nối liền hai nốt nhạc.

Thí dụ (08):

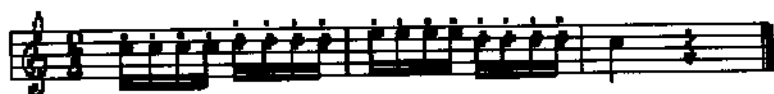
9. Rung hơi : ký hiệu ~~~ trên đầu nốt nhạc, được vận dụng ở các nhạc khí hơi lỗ thổi và hơi dăm kép.

Thí dụ (09) :



10. Đánh lưỡi : ký hiệu là những chấm nhỏ trên nốt nhạc, được vận dụng ở các nhạc khí hơi dăm kép .

Thí dụ (10) :



CHƯƠNG II

NHẠC KHÍ DÂY

2.1. NHÓM NHẠC KHÍ DÂY GÕ

2.1.1. KHUM TÔCH

1. Giới thiệu sơ lược

Khưm Tôch là nhạc khí dây gõ của dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đàn Khưm Tôch có hình dáng như con bướm đang xòe cánh. Đàn được chế tác bằng loại gỗ nhẹ như : sao, cồng ... mặt trên và mặt dưới làm bằng gỗ nhẹ như : thông, dông ... mặt trên có khoét 2 lỗ tròn để âm thanh phát ra ngoài. Mỗi bên của thân đàn có 2 dãy trục đàn để gắn dây và lên dây. Trên mặt đàn có

gắn 2 dãy ngựa đàn, mỗi dãy có 7 ngựa đàn phân chia dây đàn thành 3 hàng âm : trầm, trung và cao.

2. Xếp loại

Đàn Khưm Tôch là nhạc khí dây gõ loại không có dọc *(cần đàn)*. Khưm Tôch rất phổ biến trong sinh hoạt âm nhạc của người Khmer, đặc biệt là trên lĩnh vực nghệ thuật sân khấu Dù Kê *(La Khône Bassăk)*, đàn Khưm Tôch được du nhập vào đồng bằng sông Cửu Long từ rất lâu đời và biến thành nhạc khí của dân tộc Khmer. Đồng thời ở một vài nước ở Châu Á cũng có, nhưng khác về thang âm trong hệ thống dây buông.

3. Hình thức, cấu tạo

Đàn Khưm Tôch là nhạc khí dây gõ, được cấu tạo như sau :

1- Thân đàn.

2- Mặt đàn.

3- Dây đàn.

4- Bộ phận lên dây.

5- Cặp thanh gõ đàn.

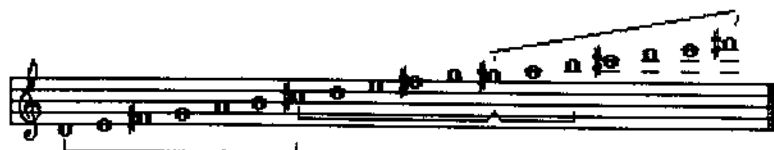
6- Ngựa đàn.

Khưm Tôch có 35 dây, sắp xếp theo 3 tầm âm , mỗi tầm âm có 7 âm như sau :

A. Thang âm sử dụng trong dàn nhạc "LaKhône Bassăk" :



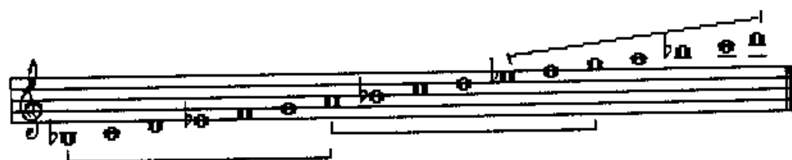
**** Thang âm tổng thể :***



B. Thang âm sử dụng trong "dàn nhạc lễ cưới" :



**** Thang âm tổng thể*** :



C. Thang âm sử dụng trong dàn nhạc "Môhôri" :



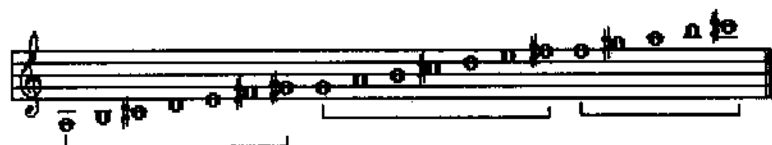
- ***Thang âm tổng thể :***



D. thang âm đệm cho hát múa "Aday":



- ***Thang âm tổng thể :***



★ ***Thân đàn*** : hình thang, *kích* thước chiều ngang phía mặt trước : 65 cm, chiều ngang phía mặt sau : 39 cm, chiều dọc thân đàn : 25 cm.

★ ***Mặt đàn*** : là một mặt phẳng, được làm bằng loại gỗ nhẹ như : thông, dông hoặc ngô đồng. Mặt đàn được khoét 2 lỗ tròn để cho âm thanh thoát ra ngoài, trên mặt đàn có gắn 2 dãy ngựa đàn để chia âm vực của dây đàn thành 3 tầm âm.

★ ***Dây đàn*** : có 35 dây bằng thép hoặc Inox, gồm các cỡ dây khác nhau từ nhỏ đến lớn để tạo âm thanh từ trầm đến cao, như các loại dây từ 20 mm, 25 mm đến 35 mm.

★ ***Bộ phận lên dây*** : mỗi bên của thân đàn có 2 dãy trục đàn, một dãy để gắn dây đàn và một dãy để lên dây đàn. Trục đàn bằng kim loại có khoét lỗ nhỏ để xỏ dây đàn. Có tất cả 35 trục được mắc dây đàn. Bên phải mắc 21 dây, bên trái mắc 14 dây.

★ ***Cặp thanh tre gõ đàn*** : là một cặp dùi gõ thường được làm bằng tre, thân dùi dài khoảng 30 cm, thân dùi có độ mềm dẻo tạo sự linh hoạt trong lúc diễn tấu. Hai đầu dùi nhô ra để chạm vào dây đàn, tạo âm thanh dòn dã, réo rắt.

★ ***Ngựa đàn*** : có 2 dãy ngựa đàn, mỗi dãy có 7 ngựa đàn thường được gắn ngà voi để tạo âm thanh chuẩn xác. Dãy ngựa đàn bên trái phân chia dây đàn thành 2 hàng âm, dãy ngựa đàn bên phải chỉ có một hàng âm. Trên mỗi ngựa đàn bên trái đều được mắc 3 dây đồng âm, bên phải đều được mắc 2 dây đồng âm, tạo ra 7 âm trầm *(Basse)*. Theo phân tích của các nhà âm nhạc học thì do các ngựa đàn bên trái phân chia dây thành 2 tầm âm, khoảng cách dây ngắn hơn ngựa đàn bên phải. Vì vậy, cần phải mắc 3 dây đồng âm trên mỗi ngựa đàn để tạo ra độ vang tương xứng với hàng âm bên phải.

Dựa trên nền tảng thanh âm, điệu thức trong nền âm nhạc người Khmer Nam Bộ. Hàng âm bên

phải là hệ thống dây *"Câm" (dây "cô")*, chỉ sử dụng được một hàng âm *(7 âm)*. Về sau, để thuận lợi cho việc chỉnh âm, người ta cải tiến mỗi dãy ngựa đàn có tới 8 hoặc 10 ngựa đàn cho hệ thống dây *"Câm"* này.

4. Màu âm - Tầm âm

Đàn Khưm Tôch có màu âm trong trẻo, réo rắt, giòn giã và trong sáng. Có 35 dây, được sắp xếp thành 3 hàng âm từ trái sang phải, từ thấp đến cao, mỗi hàng âm có 7 nốt nhạc.

+ *Khoảng cách âm thấp* : sâu lắng, thường được đệm làm nền cho các dây trung và cao. Đôi khi còn được đánh đồng âm *(quãng 8)* cho các âm cao.

+ *Khoảng âm trung* : trong sáng, trong trẻo, giàu sức diễn cảm, âm sắc đẹp và truyền cảm. Thường được đánh giai điệu chính của bản nhạc.

+ *Khoảng âm cao* : âm thanh hơi gắt, chói tai, thường được diễn tấu những nốt lướt, nốt luyến hoặc đánh đồng âm với các nốt âm trung, phù hợp với kỹ thuật Trémolo, Triolé ...

* Các tầm âm của đàn Khưm Tôch được sử dụng một cách phong phú và đa dạng tùy theo mức độ và vị trí tham gia vào các tổ chức dàn nhạc khác nhau của dân tộc Khmer.

5. Kỹ thuật diễn tấu

Có 3 tư thế diễn tấu đàn Khưm Tôch:

+ *Tư thế ngồi chiếu* : nghệ nhân ngồi trên chiếu, đàn Khưm Tôch đặt trên chiếu để diễn tấu.

+ *Tư thế ngồi ghế* : nghệ nhân ngồi trên ghế, đàn Khưm Tôch đặt trên giá ngang tầm tay để diễn tấu.

+ *Tư thế đứng* : nghệ nhân trong tư thế đứng, đàn được đặt trên giá riêng cao ngang tầm tay để diễn tấu. Nghệ nhân dùng 2 dùi tre gõ lên dây đàn.

6. Vị trí đàn Khưm Tôch trong dàn nhạc

Đàn Khưm Tôch được sử dụng trong tổ chức dàn nhạc sân khấu Dù Kệ, đôi khi dùng trong dàn nhạc lễ cưới, dàn nhạc Môhôri .... Ngày nay, đàn Khưm Tôch còn được sử dụng để đệm cho hát, múa, độc tấu, song tấu, tam tấu ... cùng với các nhạc khí khác.

7. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Ở nước Campuchia cũng có đàn Khưm Tôch, Trung Quốc có đàn Tam thập lục.

2.1.2. KHƯM THUM

1. Giới thiệu sơ lược

Khưm Thum là nhạc khí dây gõ của dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đàn Khưm Thum có hình dáng như con bướm đang xòe cánh,

giống như đàn Khưm Tôch nhưng có kích thước lớn hơn. Đàn Khưm Thum được chế tác bằng loại gỗ nhẹ như : sao, cồng ... mặt trên và mặt dưới cũng làm bằng gỗ nhẹ như : thông, dông ... mặt trên có khoét 2 lỗ tròn để âm thanh phát ra ngoài. Trên mặt đàn có gắn 2 dãy ngựa đàn, mỗi dãy có 8 ngựa đàn phân chia dây đàn thành 3 hàng âm : trầm, trung và cao.

2. Xếp loại

Đàn Khưm Thum là nhạc khí dây gõ loại không có dọc *(cần đàn)*. Khưm Thum rất phổ biến trong hoạt động nghệ thuật sân khấu Dù Kê của người Khmer. Đàn Khưm Thum được du nhập vào đồng bằng sông Cửu Long từ rất lâu đời và biến thành nhạc khí của người Khmer. Đồng thời ở một vài nước ở Châu Á cũng có, nhưng khác về thang âm trong hệ thống dây buông.

3. Hình thức, cấu tạo

Đàn Khưm Thum là nhạc khí dây gõ, được cấu tạo như sau :

1- Thân đàn.

2- Mặt đàn.

3- Dây đàn.

4- Bộ phận lên dây.

5- Cặp thanh tre gõ đàn.

6- Ngựa đàn.

★ ***Thân đàn*** : hình thang, kích thước chiều ngang phía trước : 110 cm, chiều ngang phía mặt sau : 70 cm, chiều dọc thân đàn : 45 cm.

★ ***Mặt đàn*** : là một mặt phẳng, được làm bằng gỗ nhẹ như : thông, dông hoặc ngô đồng. Mặt đàn được khoét 2 lỗ tròn để cho âm thanh phát ra ngoài, trên mặt đàn có gắn 2 dãy ngựa đàn để chia âm vực của dây đàn thành 3 tầm âm.

★ ***Dây đàn*** : có 40 dây đàn bằng thép hoặc Inox, gồm có cỡ dây khác nhau từ nhỏ đến lớn để tạo âm thanh từ trầm đến cao, như các loại dây từ 35 mm đến 55 mm.

★ ***Bộ phận lên dây*** : mỗi bên của thân đàn có 2 dãy trục đàn, một dãy để gắn dây đàn và một dãy để lên dây. Trục đàn bằng kim loại có khoét lổ nhỏ để xỏ dây đàn. Có tất cả 40 trục được mắc dây đàn. Bên phải mắc 24 dây, bên trái mắc 16 dây.

★ ***Cặp thanh tre gõ đàn*** : là một cặp dùi gõ thường được làm bằng tre, thân dùi dài khoảng 30cm, có độ mềm dẻo tạo sự linh hoạt trong lúc diễn tấu. Hai đầu dùi nhô ra để chạm vào dây đàn, tạo nên âm thanh trầm bổng.

★ ***Ngựa đàn*** : có 2 dãy ngựa đàn, mỗi dãy có 8 trụ ngựa đàn thường được gắn ngà voi để tạo âm thanh chuẩn xác. Dãy ngựa đàn bên trái

phân chia dây đàn thành 2 hàng âm, bên phải chỉ có một hàng âm. Trên mỗi trụ ngựa đàn bên trái đều được mắc 3 dây đồng âm, bên phải đều được mắc 2 dây đồng âm, tạo ra 8 âm trầm (Basse). Theo phân tích của các nhà âm nhạc học thì do các ngựa đàn bên trái phân chia dây đàn thành 2 tầm âm, có khoảng cách dây ngắn hơn ngựa đàn bên phải. Vì vậy, cần phải mắc 3 dây đồng âm trên mỗi ngựa đàn để tạo ra độ vang tương xứng với hàng âm bên phải. Dựa trên nền tảng thang âm, điệu thức trong nền âm nhạc người Khmer Nam Bộ, hàng âm bên phải là hệ thống dây *"Câm" (dây "cô")*, chỉ sử dụng được một hàng âm *(8 âm)*. Về sau đã có cải tiến để dễ chỉnh âm hơn.

Khưm Thum có 40 dây , sắp xếp theo 3 tầm âm , mỗi tầm âm có 8 âm:

A. Thang âm sử dụng trong dàn nhạc "LaKhône Bassăk"

Tầm âm thứ 1:
Tầm âm thứ 2 :
Tầm âm thứ 3 :

Dây Cồr
Dây Đệm
Dây Ek

*THANG ÂM TỔNG THỂ :

B. Thang âm sử dụng trong dàn nhạc "Môhôri"

Tầm âm thứ 1:
Tầm âm thứ 2
Tầm âm thứ 3 :

Dây Cồr
Dây Đệm
Dây Ek

*THANG ÂM TỔNG THỂ :

** Trích đoạn bài "Lôm Thu" trong Nghệ thuật Sân khấu Dù Kê (Lakhône Bassăk):*



4. Màu âm – tầm âm

Đàn Khưm Thum có màu âm giống như đàn Khưm Tôch nhưng thấp hơn 1 quãng 8 (octave). Có 40 dây được sắp xếp thành 3 hàng âm từ thấp đến cao, mỗi hàng âm có 8 nốt nhạc :

+ *Khoảng âm thấp* : Có âm trầm, vang rền, sâu lắng.

+ *Khoảng âm trung* : Trong sáng, đẹp, giàu diễn cảm.

+ *Khoảng âm cao* : Âm thanh trong trẻo, thường diễn tấu giai điệu đồng âm với đàn Khưm Tôch.

* Các tầm âm của đàn Khưm Thum sử dụng tùy theo cách bố trí trong các tổ chức dàn nhạc.

5. Kỹ thuật diễn tấu

Cũng tương tự như đàn Khưm Tôch, đàn Khưm Thum có 3 tư thế diễn tấu : Ngồi chiếu, ngồi ghế và đứng.

Cách diễn tấu giống như đàn Khưm Tôch. Tuy nhiên, Khưm Thum ít diễn tấu những giai điệu có tiết tấu nhanh mà thường làm chức năng bè đệm cho dàn nhạc.

6. Vị trí đàn Khưm Thum trong dàn nhạc

Đàn Khưm Thum được sử dụng trong tổ chức dàn nhạc sân khấu Dù Kệ, đôi khi dùng trong dàn nhạc lễ cưới, dàn nhạc Môhôri .... Ngày nay, đàn Khưm Thum thường được sử dụng để đệm cho hát, múa, song tấu, tam tấu ... hoặc làm nền hòa thanh cho các dàn nhạc Khmer.

7. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Ở Campuchia cũng có đàn Khưm Thum nhưng chưa được điều chỉnh thang âm như ở Việt Nam. Tại Trung Quốc cũng có nhạc cụ tương tự là đàn tam thập lục.

2.2. NHÓM NHẠC KHÍ DÂY GẨY

2.2.1. CHAPÂY CHOMRIÊNG

1. Giới thiệu sơ lược

Chapây Chomriêng còn được gọi là Chapây đonvêng, có cần đàn rất dài. Hình dáng đàn Chapây Chomriêng có nhiều kiểu như : Hình thang cân, hình tứ giác, hình lá bồ đề hoặc hình như trái thơm. Đàn Chapây Chomriêng là nhạc khí đã có từ rất lâu đời của người Khmer Nam Bộ. Ngày nay, đàn Chapây Chomriêng vẫn giữ nguyên hình dáng cũ, không có thay đổi gì nhiều. Hình dáng gần giống đàn Đáy của người Việt nhưng 4 góc thùng đàn được cắt tròn chứ không vuông góc.

2. Xếp loại

Đàn Chapây Chomriêng là nhạc khí dây gẩy loại có dọc *(cần đàn)* của dân tộc Khmer Nam Bộ. Đàn Chapây Chomriêng có hình dáng gần giống

đàn Đáy của người Việt nhưng cần đàn dài hơn và thùng đàn to hơn. Đàn Chapây Chomriêng có 12 phím đàn, theo hệ thống thang âm ngũ cung.

3. Hình thức - Cấu tạo

Đàn Chapây Chomriêng là nhạc khí dây gẩy được cấu tạo như sau :

1- Thùng đàn.

2- Dọc đàn (cần đàn).

3- Dây đàn.

4- Bộ phận lên dây.

5- Phím gảy đàn.

✶ *Thùng đàn :* có hình dáng gần giống trái thơm, phần trên tiếp giáp cần đàn to hơn phần dưới. Kích thước thùng đàn chiều dài 40 cm, chiều ngang mặt trước : 37 cm, chiều ngang mặt sau : 30 cm, thành đàn thấp khoảng 6 cm. Thùng đàn làm gỗ tốt,

chắc. Trên mặt đàn có gắn bộ phận mắc dây đàn đồng thời cũng là ngựa đàn.

✶ *Cần đàn :* làm bằng gỗ cứng, dài khoảng 120 cm, ngọn cần đàn được uốn cong và chạm trổ hoa văn rất tinh xảo. Cần đàn có gắn 12 phím đàn. Ngày xưa các phím đàn có xỏ dây nối kết với nhau phòng hờ bị rớt mất, đồng thời cũng xác định khoảng cách các phím để tạo âm chuẩn khi diễn tấu.

✶ *Dây đàn :* có 2 dây làm bằng tơ se lại, một to, một nhỏ, nay chỉ sử dụng bằng dây nylon. Hai dây buông cách nhau quãng 5 đúng. Ngày xưa, có 3 dây nhưng ngày nay chỉ còn 2 dây là phổ biến.

✶ *Bộ phận lên dây : n*gày xưa, trục lên dây có 4 cái, nay chỉ còn 3 cái nhưng chỉ có 2 dây đàn, được lên dây theo 2 âm : âm "*mẫu*" và âm "*câm*".

✶ *Phím gảy đàn : n*gày xưa, nghệ nhân gảy đàn bằng móng tay dài của ngón trỏ, về sau đã dùng một đoạn ống tre nhỏ được mài dũa kỹ lưỡng,

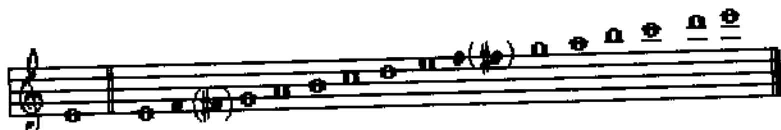
xỏ vào ngón tay trỏ để gảy đàn, tạo âm thanh giòn giã, linh hoạt và chuẩn xác hơn.

4. Màu âm - Tầm âm

Chapây Chomriêng có màu âm trầm ấm, sâu lắng, phù hợp với những thể loại nhạc tự sự, tình cảm êm đềm, lắng đọng.

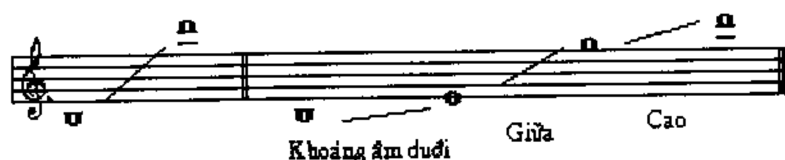
Tầm âm đàn Chapây Chomriêng khoảng 2 quãng 8.

- Thang âm "*mẫu*"



- Thang âm "*câm*"





5. Kỹ thuật diễn tấu

Do cấu tạo cần đàn khá đặc biệt và độc đáo, nên nghệ nhân cần phải có kỹ thuật tay trái linh hoạt và điêu luyện. Trong lúc diễn tấu, nghệ nhân vừa đàn từng đoạn nhạc, sau đó vừa tự hát từng câu ứng tác về một đề tài đã chuẩn bị sẵn nào đó. Bài bản không chỉ là những tác phẩm đã soạn sẵn mà còn do nghệ nhân ngẫu hứng tại chỗ.

6. Vị trí đàn Chapây Chomriêng trong dàn nhạc

Đàn Chapây Chomriêng thường được sử dụng cho đơn ca độc tấu, gọi là "ca kể chuyện", từ ngữ "Chapây Chomriêng" có nghĩa là "đàn ca hát". Ngoài ra, nhạc khí này còn được sử dụng trong dàn

nhạc lễ cưới hoặc cúng thần (gọi là "Chapây đonvêng"); sử dụng để đệm cho hát múa Aday đối đáp (song ca nam nữ đối đáp).

7. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Ở khu vực Đông Nam Á, có đàn Shamisen *(Nhật Bản)*, đàn đáy *(Việt Nam)* có hình dáng gần giống Chapây Chomriêng nhưng khác về số dây, thang âm và cấu tạo phím đàn. Ở Campuchia cũng có đàn Chapây Chomriêng, nhưng hiện nay đàn Chapây Chomriêng người Khmer Nam Bộ đã có những cải tiến về cấu tạo phím đàn cho phù hợp với hoàn cảnh sinh hoạt của mình.

2.2.2. TÀ KHÊ

1. Giới thiệu sơ lược

Đàn Tà Khê là nhạc khí dây gẩy được biến dạng từ đàn Chapây Chomriêng của dân tộc

Khmer. Tà Khê có hình dáng gần giống như con cá sấu đang nằm. Phần thùng đàn to, nối liền với phần dọc đàn hẹp hơn có gắn 12 phím. Thành đàn dày khoảng 10cm, chiều dài thân đàn khoảng 1,3m. Đàn Tà Khê có 3 chân hoặc 5 chân đế phía dưới, đàn được đặt nằm ngang trên một mặt phẳng khi diễn tấu. Nghệ nhân có thể ngồi ghế hoặc ngồi chiếu để diễn tấu, đàn đặt ngang tầm tay của nghệ nhân.

2. Xếp loại

Đàn Tà Khê là nhạc khí dây gẩy loại không có cần đàn (dọc đàn) đã có từ rất lâu đời tại vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tà Khê có 3 dây, 12 phím đàn, xếp theo hệ thống âm nhạc ngũ cung. Hiện nay, Tà Khê được xem là loại nhạc khí quý hiếm và độc đáo trong kho tàng nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ. Nghệ nhân sử dụng đàn Tà Khê hiện nay còn rất ít.

3. Hình thức - Cấu tạo

Đàn Tà Khê là nhạc khí dây gẩy được cấu tạo như sau :

1- Thùng đàn.

2- Mặt đàn.

3- Thân đàn.

4- Dây đàn.

5- Bộ phận lên dây (trục đàn).

6- Phím gảy đàn (móng đàn).

✶ *Thùng đàn* : Có hình dáng như con cá sấu đang nằm ngủ. Thùng đàn được làm bằng loại gỗ quý. Chiều dài thùng đàn khoảng 1,3 m. Thành đàn dày khoảng 10 cm.

✶ *Mặt đàn* : Làm bằng loại gỗ nhẹ như : Thông, Dông ....Mặt đàn có gắn bộ phận mắc dây đàn và 12 phím đàn làm bằng gỗ tốt hoặc có cẩn ngà voi, xương để tạo âm thanh chuẩn xác.

★ *Thân đàn* : Có 2 đầu hơi tròn, phần thùng đàn rộng hơn phần thân mắc dây đàn, thường gọi là *"Mán Tà Khê"*. Toàn thân đàn được đóng kín, phía dưới có lỗ thoát âm.

★ *Dây đàn* : Đàn Tà Khê có 3 dây bằng nylon. Dây thứ nhất gọi là: dây "mẫu", dây thứ hai gọi là dây "câm", dây thứ ba gọi là dây "đệm". Có thêm một ngựa đàn để chỉnh âm gọi là "con cóc".

★ *Trục đàn* : Có 3 trục đàn làm bằng gỗ tốt, được mắc 3 dây và điều chỉnh dây tùy theo hoành cảnh tham gia trong các tổ chức dàn nhạc khác nhau.

★ *Móng đàn* : Móng đàn được làm từ ống tre già, khi diễn tấu nghệ nhân xỏ ngón tay trỏ vào ống tre để gẩy dây đàn. Đầu ống tre để gẩy dây đàn phải được mài dũa kỹ lưỡng, tạo ra độ trơn khi tiếp xúc với dây đàn, giúp cho nghệ nhân thuận lợi trong khi diễn tấu các bài bản có tiết tấu nhanh, linh động. Đặc biệt là kỹ thuật Trémolo của tay trái, tạo nên âm thanh dòn dã, réo rất.

4. Màu âm - Tầm âm

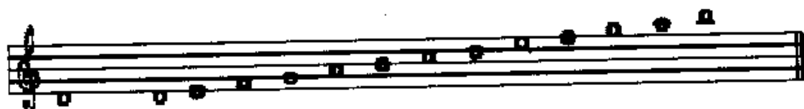
Đàn Tà Khê có màu âm hơi tối, trầm lắng, ít vang, phù hợp với những bài bản cổ điển nghiêm nghị, du dương biểu hiện tình cảm sâu sắc về nội tâm.

Đàn Tà Khê có 03 dây, theo hệ thống quãng 05 đúng :

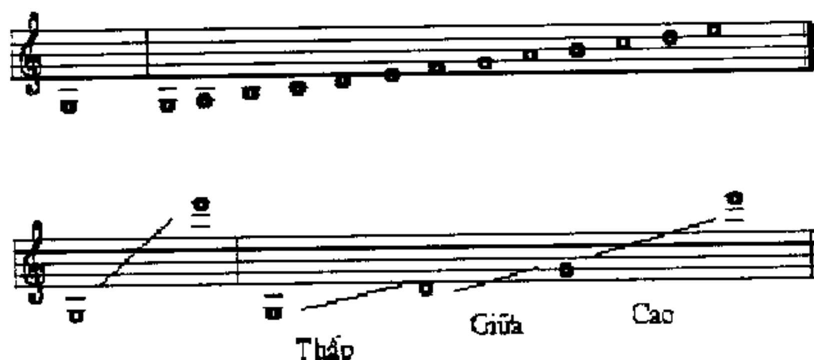
+ Hàng âm dây số 1 (dây EK = dây mẫu)



+ Hàng âm dây số 2 (dây Côr = day câm)



+ Hàng âm dây số 3 (dây đệm = Bantôr)



5. Kỹ thuật diễn tấu

a. Tư thế ngồi và cách gảy đàn

Nghệ nhân đặt đàn nằm ngang trước mặt, chân ngồi xếp trên chiếu, tay phải cầm móng đàn, tay trái bấm phím đàn theo chiều ngang của thân đàn.

b. Kỹ thuật của bàn tay phải

Bàn tay phải sử dụng móng đàn, gảy dây theo chiều lên xuống thành góc 90^0 với dây đàn, kỷ thuật của tay phải khó nhất là Trémolo làm sao cho

tiếng đàn không bị ngắt khoảng, tạo nên âm thanh mềm mại, du dương liên tục.

c. Kỹ thuật của bàn tay trái

Bàn tay trái xử lý phím đàn, đòi hỏi nghệ nhân phải có kỹ thuật cá nhân điêu luyện. Khi diễn tấu, nghệ nhân dùng 04 ngón tay *(trừ ngón cái)* duỗi thẳng góc với dây đàn để nhấn phím, đồng thời di chuyển các ngón tay theo chiều ngang của thân đàn. Đây là kỹ thuật rất khó, đòi hỏi phải khổ công tập luyện mới thành thạo được.

6. Vị trí của đàn Tà Khê trong các dàn nhạc

Đàn Tà Khê thường để độc tấu, đệm cho hát, múa .... Đàn Tà Khê là nhạc khí có mặt trong biên chế dàn nhạc Môhôri, dàn nhạc lễ cưới của dân tộc Khmer Nam Bộ.

Ngày nay, đàn Tà Khê là nhạc khí ít phổ biến trong các hoạt động văn hóa - nghệ thuật của người

Khmer do rất hiếm người biết sử dụng. Tuy nhiên, đàn Tà Khê được dân tộc Khmer xem là nhạc khí độc đáo nhất của mình và ra sức gìn giữ đến ngày nay.

7. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Trên thế giới, chưa có nhạc khí nào giống như đàn Tà Khê bởi hình dáng cấu tạo và kỹ thuật diễn tấu độc đáo của nó. Ở Campuchia cũng có đàn Tà Khê được sử dụng trong nghệ thuật ca kịch *"Dù kê"* và có mặt trong biểu diễn múa cung đình Hoàng gia.

* Trích đoạn nhạc dân gian Khmer Nam bộ :

BÀI " XĂC CRO VA " (HÒ)



2.2.3. CHHAY ĐIÊU

1. Giới thiệu sơ lược

Chhhay Điêu còn có tên gọi là Khsê Điêu, là nhạc khí dây gảy loại có dọc đàn *(cần đàn)*.

Chhay Điêu là nhạc khí độc đáo của người Khmer do có cấu tạo hết sức đặc biệt : cần đàn bằng gỗ tốt, thân đàn làm bằng vỏ trái bầu chín *(còn gọi là Bầu Càom)*, chỉ có một dây bằng đồng. Ở Tây Nguyên có đàn Broh, đàn Goong *(dân tộc Bahnar)* gần giống Say Điêu.

2. Xếp loại

Đàn Chhay Điêu là nhạc khí dây gảy loại có dọc đàn, được bảo tồn từ rất lâu đời của dân tộc Khmer tại vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hiện nay, Chhay Điêu rất hiếm thấy do bị mai một theo thời gian, hiện chỉ còn lưu giữ tại Bảo tàng văn hóa Khmer tỉnh Sóc Trăng.

3. Hình thức - Cấu tạo

Đàn Chhay Điêu được cấu tạo như sau :

1- Thân đàn

2- Dọc đàn (cần đàn)

3- Dây đàn

4- Trục đàn

★ ***Thân đàn*** : Được chế tác bằng vỏ trái bầu chín, người Khmer gọi là trái bầu cà om. Vỏ bầu được cưa đôi, một đầu gắn chặt vào thân đàn bằng một sợi chỉ. Vỏ bầu chính là bộ phận cộng hưởng của đàn Chhay Điêu, cho nên được mài dũa rất kỹ lưỡng, khéo léo tạo nên âm thanh trầm ấm.

★ ***Dọc đàn (cần đàn)*** : Được làm bằng gỗ quý như gỗ mun hoặc cẩm lai. Cần đàn dài 80cm, đầu cần đàn to và nhỏ dần ở cuối cần đàn. Cuối cần đàn được uốn cong để mắc dây đàn. Đầu và ngọn cần đàn được khắc hình rồng, rắn để tô thêm vẻ đẹp cho cây đà. Cuối cần đàn có khoét lỗ để gắn trục đàn.

★ ***Dây đàn*** : Có một dây làm bằng đồng hoặc thép được căng từ trục đàn đến cuối cần đàn. Dây

càng căng thì cường độ âm thanh càng lớn và vang. Tùy theo trường hợp thuận lợi, dây càng to thì âm thanh càng trầm. Muốn cho âm thanh cao vút, người ta mắc dây cỡ nhỏ.

✶ ***Trục đàn*** : Được làm bằng loại gỗ tốt, chắc, dài khoảng 15cm. Đầu trục đàn có gắn một núm gỗ hình nón để lên dây đàn, ngọn trục đàn có khoét lỗ để xỏ dây đàn. Để đảm bảo cho trục đàn được vững chắc, người ta bịt ngay đầu cần đàn bằng lá nhôm, có khoét lỗ vừa vặn với trục đàn xuyên qua, giữ cho dây không bị chùn.

4.Màu âm - tầm âm

Đàn Chhay Điêu là nhạc khí có âm sắc rất độc đáo của người Khmer. Màu âm trầm ấm, gợi nhớ, tạo cảm giác lâng lâng, mộng mơ, nhẹ nhàng.

Tầm âm của đàn Say Điêu khoảng 2 quãng 8. Do không có phím bấm, nghệ nhân phải xử lý bằng tai nghe và cảm giác âm thanh bằng sự nhạy cảm của bản thân khi diễn tấu. Tầm âm được nghệ nhân

xử lý một cách linh hoạt, có đôi khi được nhấn dây tạo những âm thanh lưng lửng giữa các quãng 2 thứ và 2 trưởng *(quãng chênh lệch trong hệ thống côma).*

5. Kỹ thuật diễn tấu

① ***Tư thế ngồi và cách gảy đàn*** : Nghệ nhân đặt đàn Chhay Điêu trước mặt, tay trái cầm ngay thân đàn, úp mặt vỏ bầu vào lồng ngực và dùng ngón tay gảy ngay dây đàn để tạo âm thanh "*Tum tum tum ...*". Tay phải cầm gần ngọn cần đàn, dùng ngón tay để bấm dây đàn tạo ra giai điệu khi diễn tấu. Nếu muốn cho âm thanh ngân rung, nghệ nhân vừa nhấn dây vừa rung vỏ bầu và ép sát vào lồng ngực, tạo ra âm thanh rất độc đáo và lạ tai. Nghệ nhân dùng móng khảy bằng đồng hoặc nhựa xỏ vào ngón trỏ phải để gảy dây đàn.

② ***Kỹ thuật của tay phải*** : Nghệ nhân dùng tay phải nhấn dây đàn để diễn tấu bản nhạc. Các ngón tay đòi hỏi phải rất linh hoạt khéo léo do cần đàn không có phím. Sự kết hợp hài hòa giữa tay trái và tay phải là một kỹ thuật khó, đòi hỏi người diễn tấu phải ra sức khổ công tập luyện mới đạt được kết quả.

③ ***Kỹ thuật của tay trái*** : Kỹ thuật tay trái rất quan trọng trong lúc diễn tấu. Nghệ nhân vừa cầm thân đàn để ép mặt vỏ bầu vào ngực vừa dùng ngón tay để gảy dây đàn tạo ra âm thanh lớn, nhỏ, nhanh, chậm, vừa xử lý cho âm thanh ngân rung theo ý muốn. Nghệ nhân phải có kỹ năng điêu luyện mới có thể diễn tấu hay.



6. Vị trí của đàn Say Điêu trong dàn nhạc

Đàn Chhay Điêu là nhạc khí thường để độc tấu là chủ yếu do âm sắc khá đặc biệt của nó, đồng thời cường độ âm thanh ít vang nên ít được tham gia vào các tổ chức dàn nhạc dân tộc Khmer. Tuy nhiên, có đôi lúc đàn Say Điêu cũng được dùng để đàn cho nhảy múa dân gian sau giờ lao động mệt nhọc.

7. *Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á*

Ở khu vực Đông Nam Á, có một số nhạc khí gần giống như Chhay Điêu nhưng có một số đặc điểm cấu tạo khác biệt như : Đàn Broh *(của dân tộc Bahnar)* cần đàn bằng ống nứa, có 3 hoặc 4 dây, Đàn Goong *(dân tộc JRai)* cần đàn bằng ống nứa, có từ 10 đến 18 dây ...

Có thể nói, đàn Say Điêu là một loại nhạc khí độc nhất của dân tộc Khmer Nam Bộ Việt Nam và dân tộc Khmer ở Campuchia.

2.3. NHẠC KHÍ DÂY KÉO (cung vĩ)

2.3.1. TRUÔ SÔ

1. Giới thiệu sơ lược

Đàn Truô Sô là nhạc khí dây kéo *(cung vĩ)* của người Khmer Nam Bộ từ rất lâu đời. Đàn Truô Sô có 2 loại : Truô Sô lớn và Truô Sô nhỏ.

Đàn Truô Sô là nhạc khí rất phổ biến của nhiều dân tộc Việt Nam cũng như trên thế giới với nhiều tên gọi khác nhau như : Đàn Cò *(dân tộc Việt)*, đàn Cò Ke *(dân tộc Mường)*, đàn Xixơlo *(dân tộc Thái)*, đàn Cửa *(dân tộc Tày)*, đàn Nhị Hồ *(Trung Quốc)*, đàn Soduang *(Thái Lan)*, đàn So-i và So-u *(Lào)* ...v.v...

2. Xếp loại

Đàn Truô-Sô là nhạc khí dây kéo *(cung vĩ)* của dân tộc Khmer Nam Bộ và một số nước Châu Á với nhiều tên gọi khác nhau. Đối với mỗi dân

tộc, đàn Truô - Sô được cải tiến về hình dáng cấu tạo, kích thước, cũng như chất liệu. Đàn Truô - Sô được sử dụng rất phổ biến trong các Phum, Sróc của dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

3. Hình thức - cấu tạo

1- Bầu cộng hưởng (thân đàn)

2- Dọc đàn (cần đàn)

3- Trục đàn

4- Ngựa đàn

5- Dây đàn

6- Khuyết đàn (nơ đàn)

7- Cung vĩ (Archet)

★ ***Thân đàn (bầu cộng hưởng)*** : Thân đàn Truô Sô được làm bằng ống tre hoặc gỗ cứng dáng dấp như mu rùa. Đàn Truô Sô lớn kích thước thân

đàn thường không có định mức chuẩn, thường có chiều dài khoảng 12cm, đường kính khoảng 9cm. Mặt đàn được bịt bằng da trăn hoặc da rắn, trên mặt đàn được gắn ngựa đàn để kê dây tạo ra âm thanh du dương, réo rắt, âm thanh vang xa.

✶ ***Cần đàn (dọc Truô)*** : Cần đàn được làm bằng loại gỗ cứng như gỗ trắc hoặc gỗ mun có sức chịu đựng khi lên dây thẳng. Cần đàn dài khoảng 62 - 65cm. Phần dưới cần đàn hình tròn được xuyên thủng qua bầu cộng hưởng cách mặt da khoảng 2cm, phần ngọn cần đàn hơi cong như cổ cò có chạm trổ hoa văn hoặc chạm bằng xương hoặc ngà voi tạo vẻ đẹp.

✶ ***Trục đàn*** : Có 2 trục đàn làm bằng gỗ cứng được cắm xuyên qua cần đàn, nằm xuôi theo thân đàn *(bầu cộng hưởng)*. Trục đàn có một đầu nhỏ được khoét lỗ nhỏ để xỏ dây, đầu lớn hình lục lăng để lên dây, thường được chạm trổ hoa văn để tăng thêm vẻ đẹp. Trục đàn dài khoảng từ 12 - 4cm.

★ ***Ngựa đàn*** : Ngựa đàn làm bằng gỗ cứng hoặc xương hay ngà voi được đặt trên khoảng giữa mặt da, tạo nên âm thanh cộng hưởng khi diễn tấu. Ngựa đàn rất nhỏ dài khoảng 1cm, cao khoảng 0,8cm.

★ ***Dây đàn*** : Đàn Truô Sô có 2 dây, ngày xưa dây được làm bằng sợi tơ se, ngày nay thường dùng dây đồng hoặc thép nhầm giúp cho âm thanh được chuẩn xác. Dây đàn được lên theo quãng5 đúng *(dây buông).*

★ ***Khuyết đàn (Nơ đàn)*** : Nơ đàn là những sợi lông đuôi ngựa hoặc bằng sớ của cây thơm, đôi khi cũng làm bằng dây nhựa nylon cực nhỏ. Nơ đàn được mắc vào 2 đầu của cung vĩ, được kéo căng thẳng trước khi đàn. Khi diễn tấu, nghệ nhân thường phải dùng nhựa thông chà xát lên nơ đàn để tạo độ bám khi đàn, thông thường người ta dùng nhựa thông đốt và nhỏ lên thân đàn, nơi tiếp xúc

với nơ đàn khi diễn tấu, giúp cho tiếng đàn có độ vang liên tục, êm ái.

✶ ***Cung vĩ (Archet)*** : Cung vĩ được làm bằng tre hoặc gỗ cứng, được uốn cong như hình cánh cung. Cung vĩ có chiều dài khoảng 75cm, được mắc lông đuôi ngựa ở 2 đầu. Nơ đàn được đưa vào nằm giữa 2 dây đàn, không lấy ra được. Nghệ nhân dùng tay trái cầm cung vĩ kéo và đẩy cho nơ đàn chạm vào dây để phát ra âm thanh, tay trái bấm dây đàn ngay khoảng giữa thân đàn tạo ra giai điệu.

Cách từ trục đàn xuống khoảng một gang tay, có sợi dây bằng tơ se hoặc dây đồng có bọc một lớp vỏ gọi là "dây thất cổ đàn"; dây này được buộc ngang từ dọc đàn với dây đàn, có tác dụng điều chỉnh âm thanh cho chuẩn xác. Dây thất cổ đàn càng gần bầu cộng hưởng chừng nào thì âm thanh phát ra càng cao (quãng phát âm ngắn) và ngược lại.

4. Màu âm - tầm âm

Đàn Truô Sô có màu âm trong trẻo, mềm mại, réo rắt gần giống như giọng nữ cao, tiếng chim hót ...

Tầm âm của đàn Truô Sô rộng khoảng 2 quãng 8. Khi độc tấu, nghệ nhân có thể sử dụng kỹ xảo để đánh những âm thanh cực cao, nhưng khi hòa tấu thường chơi những nốt nhạc có tầm âm tốt nhất.

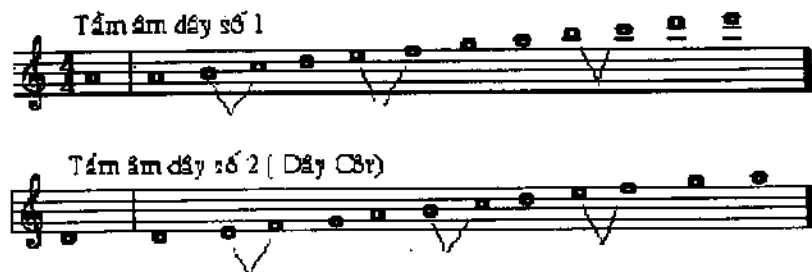
Tầm âm sử dụng trong dàn nhạc Môhôri :

① ***Tầm âm*** : Của đàn Truô Sô chia thành 4 khoảng âm.

- Khoảng âm trầm và khoảng âm trung : âm thanh rõ ràng, mềm mại, đẹp phù hợp giai điệu trữ tình.

- Khoảng âm cao và khoảng âm cực cao : âm thanh sáng sủa, réo rắt. Các âm cực cao có cảm

giác gay gắt, chói tai phù hợp cho độc tấu và biểu diễn kỹ xảo.



② ***Thang âm, điệu thức***

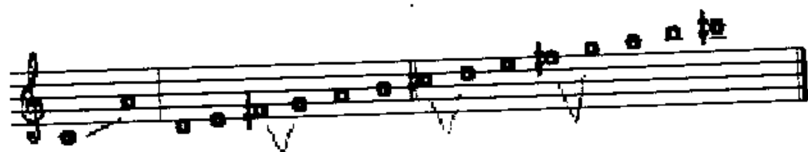
a/. Hàng âm sử dụng trong các làn điệu trưởng (DUR):



b/. Hàng âm sử dụng trong các làn điệu thứ (MOLL):



c/. Hàng âm sử dụng trong Dù Kê (LaKhône Bassăk):



*Trích đoạn bản nhạc trong ca kịch sân khấu Dù Kê :

Bài "Lênh suôn"(Dạo vườn hoa)



5. Kỹ thuật diễn tấu

Đàn Truô Sô có âm thanh rất đẹp, gần giống với tiếng người của giọng nữ cao. Có nhiều thư pháp diễn tấu như : cung vĩ liền, cung vĩ ngắt, ngón nhấn, ngón vuốt .... Người diễn tấu xử lý cường độ, sắc thái bằng cung vĩ để diễn đạt tình cảm êm dịu hoặc sinh động trong mọi tình huống.

Đàn Truô Sô có thể dùng để hòa tấu trong các tổ chức dàn nhạc dân tộc Khmer, hoặc độc tấu những tác phẩm âm nhạc có kỹ thuật cao hoặc mô phỏng tiếng chim, tiếng gà gáy, tiếng chó sủa ....

① *Các tư thế diễn tấu*

Có 3 tư thế diễn tấu:

+ *Tư thế ngồi ghế* : Nghệ nhân ngồi thẳng người trên ghế, bầu cộng hưởng đặt trên đùi hướng loa cộng hưởng xiên về bên hông trái. Tay phải cầm cung vĩ, tay cầm cần đàn và bấm dây tạo giai điệu. Tư thế này rất thuận lợi và thoải mái trong lúc

diễn tấu. Ngoài ra, nghệ nhân có thể ngồi xếp chân trên chiếu hoặc có thể đứng để diễn tấu tùy từng điều kiện khi bố trí biểu diễn.

② ***Kỹ thuật tay phải***

Kỹ thuật chủ yếu của tay phải là sử dụng cung vĩ để kéo và đẩy, chuyển động hài hòa bằng cách đẩy từ phải sang trái và kéo từ trái sang phải. Tùy theo tính chất nội dung bài bản, nghệ nhân xử lý cung vĩ một cách uyển chuyển tạo nên sắc thái buồn, vui, mạnh, nhẹ, nhanh, chậm .... Trong lúc diễn tấu, nếu muốn cho âm thanh vang to, nghệ nhân phải miết mạnh nơ đàn vào dây đàn tạo độ ma sát cao, âm thanh chắc và khỏe.

a/. Kỹ thuật tay phải có 3 loại chính

1/- Cung vĩ liền (Légato) :

Sử dụng kỹ thuật cung vĩ liền (gọi là cung luyến) giúp cho âm thanh mềm mại, du dương, êm ái ... nghệ nhân sử dụng cung vĩ để kéo hoặc đẩy

trên một đường cung vĩ sẽ bấm được nhiều nốt nhạc liền mạch nhau.

2/- Cung vĩ ngắt (Staccato):

Dùng để diễn tấu những âm có trường độ ngắn, dùng cung vĩ kéo hoặc đẩy để đánh từng âm một. Người ta thường dùng phần đầu của cung vĩ để xử lý tạo âm thanh gọn gẽ, rõ ràng từng tiếng. Kỹ thuật này rất được nghệ nhân Khmer sử dụng nhiều và ưa thích do phù hợp trong các loại âm nhạc dân vũ dân tộc Khmer có tính chất vui tươi, dí dỏm, hài hước. Bởi, âm nhạc người Khmer vốn dĩ đã mang tính nhảy múa, phóng khoáng và bay bổng. Kỹ thuật dùng cung vĩ ngắt tương đối khó vì nơ đàn không được rời khỏi dây đàn khi đánh các nốt ngắt, đòi hỏi người đàn phải tập luyện công phu.

3/- Cung vĩ rời:

Là cách dùng mỗi đường cung vĩ kéo hoặc đẩy để đàn từng âm. Nghệ nhân thường kết hợp

giữa kỹ thuật kéo cung vĩ và đẩy cung vĩ xen kẽ nhau trong lúc diễn tấu do cung vĩ của đàn Truô Sô khá ngắn. Kỹ thuật dùng cung vĩ rời tạo nên tiếng đàn chắc, khỏe, đầy tính linh hoạt, mạnh mẽ, nồng nhiệt. Kỹ thuật cung vĩ rời thường được dùng trong lúc diễn tấu các bản nhạc nhảy múa dân gian của người Khmer Nam bộ.

4/- Cung vĩ nhấn:

Nghệ nhân dùng cung vĩ đánh gần giống như kỹ thuật của cung vĩ ngắt để tạo ra các âm trên một đường cung vĩ, dùng nơ đàn để nhấn từng âm nhưng các âm vẫn luyến với nhau. Nghệ nhân dùng cung vĩ để đánh vào từng âm và sau mỗi âm lại nhấc lạc nhấc cung vĩ một lần, một nên tính chất nặng nề, dứt khoát.

5/- Cung vĩ rung:

Nghệ nhân dùng tay phải kéo, đẩy cung vĩ thật nhanh trên một âm nào đó để tạo ra tiếng ngân

rung liên tục, giống như kỹ thuật Trémolo một nốt của các đàn dây gẩy. Kỹ thuật này tạo nên cảm giác rộn rã, thúc giục, khẩn trương ... có thể sử dụng để làm nền hòa thanh trong hòa tấu dàn nhạc.

6/- Cung vĩ nẩy:

Có 2 cách đánh cung vĩ nẩy là:

+ *Cung vĩ nẩy rời* : đánh ngắt từng âm, mỗi âm nhấc cung vĩ một lần trên một đường cung vĩ.

+ *Cung vĩ nẩy liền* : đánh ngắt từng âm, trên mỗi đường cung vĩ đánh được nhiều âm.

Kỹ thuật này thường diễn tấu những bản nhạc vui tươi, dí dỏm, rộn rã với tốc độ nhanh, linh hoạt.

③ ***Kỹ thuật tay trái:***

Có một số ngón bấm chủ yếu như :

• *Ngón rung* : Để tạo cho tiếng đàn có độ ngân vang dìu dặt, êm ái, nghệ nhân thường dùng

ngón tay trái bấm dây đàn vừa nhấn nhẹ liên tục trên một âm nào đó, làm cho âm thanh ngân rung như tiếng hát của giọng người.

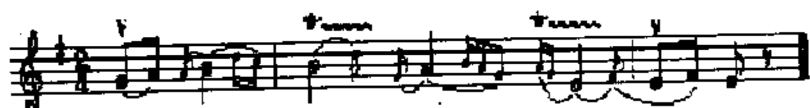
Ngón rung thường được sử dụng đối với các nốt có trường độ dài.



• *Ngón vuốt* : Nghệ nhân di chuyển ngón tay trên dây đàn từ trên vuốt xuống hoặc từ dưới vuốt lên, làm cho âm thanh êm ái, uyển chuyển liền mạch với nhau.



• *Ngón nhấn* : Làm cho âm thanh tăng lên nửa cung hoặc một cung bằng cách bấm vào một âm nào đó rồi nhấn xiết vào dây đàn làm cho dây căng lên, âm thanh vang lên mềm mại, liền bậc.



Trong kỹ thuật diễn tấu, nghệ nhân thường hay sử dụng kiểu nhấn láy hoặc láy rền bằng cách : ngón trỏ trái vừa bấm dây vừa nhấn, còn ngón giữa, ngón áp út và ngón út chạm nhẹ vào những âm nối tiếp tạo cho âm thanh phát ra như làn sóng lóng lánh, vang rền biểu hiện tình cảm ngọt ngào gợi nhớ ...

Trích đoạn bài "BOMPÊ KÔN" (RU CON)



6. Vị trí đàn Truô Sô trong dàn nhạc

Truô Sô lớn thường tham gia trong tổ chức dàn nhạc Môhôri, dàn nhạc lễ cưới, dàn nhạc LaKhône Bassăk. Truô Sô nhỏ thường được tham gia nhiều tổ chức dàn nhạc của dân tộc Khmer Nam bộ.

Đàn Truô Sô dùng để độc tấu, song tấu, hòa tấu ... và được xem là một nhạc khí phổ biến trong các dàn nhạc, đặc biệt là trong nghệ thuật sân khấu Dù Kê Khmer Nam Bộ *(LaKhône Bassăk).*

7. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á và các nước

Tương tự với đàn Truô Sô, ở Campuchia có đàn Trôchey, Thái Lan có đàn Soduang, Lào có đàn So-i, Trung Quốc có đàn Erhu (Nhị), dân tộc Việt (Việt Nam) có đàn cò Nhị, Iran có đàn Kamanche, Châu Âu có đàn Cò cổ xưa du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ XII.

2.3.2. TRUÔ NGUK

1. Giới thiệu sơ lược

Đàn Truô Nguk còn có tên gọi là : Truô Ou, Truô Lea, là nhạc khí dây kéo *(cung vĩ)* của người Khmer Nam Bộ. Đàn Truô Nguk gần giống với đàn Hồ Cầm của Trung Quốc về hình dáng cấu tạo và tính năng diễn tấu. Theo GS. Tô Vũ : *"Đàn Gáo và Cò là sáng tạo ngôn ngữ có tính cách dân gian Nam Bộ ..."*.

2. Xếp loại

Đàn Truô Nguk là nhạc khí dây kéo *(cung vĩ)*, được kế thừa và cải biên từ đàn Nhị Hồ của Trung Quốc, được du nhập vào đồng bằng sông Cửu Long, đã trở thành nhạc khí của người Khmer từ rất lâu đời.

Đàn Truô Nguk được xem là nhạc khí phổ biến nhất của người Khmer và có rất nhiều người biết sử dụng.

3. Hình thức cấu tạo : Đàn Truô Nguk có cấu tạo như sau :

1- Bầu cộng hưởng (thân đàn)

2- Dọc đàn (cần đàn)

3- Trục đàn

4- Ngựa đàn

5- Dây đàn

6- Khuyết đàn (Nơ đàn)

7- Cung vĩ (Archet)

★ ***Bầu cộng hưởng (thân đàn) :*** Bầu cộng hưởng được làm bằng gáo dừa *(nên có tên gọi là Truô Rô Lea)* ; Nếu dùng trong nghệ thuật sân khấu LaKhône Bassăk thì phải chọn gáo dừa thật to nhằm tạo ra âm thanh trầm ấm, trữ tình, sâu lắng ... để đệm cho các nhân vật trong vở diễn, cũng như làm nền cho các tình huống trong lúc biểu diễn. Mặt đàn được bịt bằng da trăn hoặc gỗ thông, đường kính khoảng 15-16 cm.

★ ***Cần đàn*** : Làm bằng gỗ cứng để chịu đựng khi lên dây, thân cần đàn có hình tròn, cuối cần đàn có hình vuông phía trên hơi cong có khoét 2 lỗ để xỏ trục đàn phía dưới cần đàn được xỏ xuyên thủng bầu cộng hưởng khoảng 3cm về phía mặt da. Cần đàn thường dài khoảng 75cm.

★ ***Trục đàn*** : Còn gọi là trục dây, dùng để lên dây. Có 2 trục cắm xuyên qua đầu cần đàn, nằm xuôi theo hướng của bầu cộng hưởng. Trục đàn dài khoảng 18-19cm, làm bằng gỗ cứng một đầu to một đầu nhỏ. Trục đàn có hình lục lăng để lên dây, đôi khi được khắc hoặc chạm trổ cho đẹp.

★ ***Ngựa đàn*** : Làm bằng gỗ, tre hoặc vỏ sò đặt ngay giữa mặt đàn, tạo âm thanh cộng hưởng khi diễn tấu.

★ ***Dây đàn*** : Đàn Truô Nguk có 2 dây, ngày xưa dây được làm bằng sợi tơ xe hoặc dây nylon. Ngày nay, thường dùng dây đồng có vỏ bọc, một

dây to và một dây nhỏ hơn. Có 2 dây buông được lên theo quãng 5 đúng : Dây *"mẫu"* và dây *"câm"*.

★ ***Khuyết đàn (nơ đàn)*** **:** Nơ đàn là những sợi lông đuôi ngựa, sớ của cây thốt nốt hoặc bằng dây nhựa nylon. Nơ đàn được mắc vào 2 đầu cung vĩ; khi đàn, phải chà xát nhựa thông lên nơ đàn để tạo độ bám. Thông thường người ta dùng nhựa thông đốt và nhỏ lên thân đàn, nơi tiếp xúc với nơ đàn tạo âm thanh vang liên tục, êm ái.

★ ***Cung vĩ (Archet)*** **:** Cung vĩ được làm bằng tre hoặc gỗ được uốn cong hình cánh cung. Cung vĩ dài khoảng 75-85cm, được mắc nơ đàn ở hai đầu. Nghệ nhân dùng tay trái cầm cung vĩ kéo và đẩy cho nơ đàn chạm vào dây để tạo ra âm thanh.

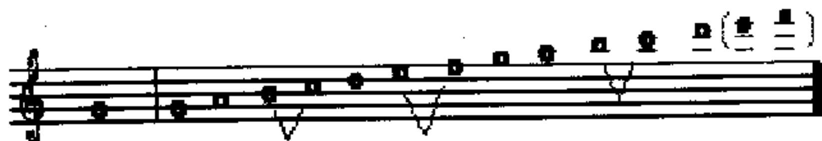
4. Màu âm - tầm âm

Đàn Truô Nguk có màu âm trầm hơn đàn Truô Sô, âm sắc đẹp, truyền cảm, sâu lắng ... được

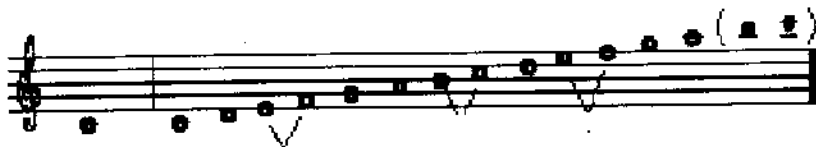
sử dụng chủ đạo cho nghệ thuật sân khấu Dù Kê Khmer Nam Bộ.

Tầm âm của đàn Truô Nguk rộng khoảng 2 quãng 8.

★ Hàng âm sử dụng trong dàn nhạc Khmer:



+ Hàng âm dây số 1 (Dây Ek=Mẫu) :

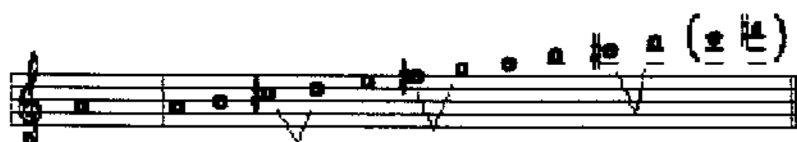


+ Hàng âm dây số 2 (Dây Côk=Câm) :



✶ Hàng âm sử dụng trong dàn nhạc LaKhône Bassăk :

+ Hàng âm dây số 1 (Dây Ek=Mẫu) :



+ Hàng âm dây số 2 (Dây Côk=Câm) :



* Trích làn điệu trong Nghệ thuật Sân khấu Dù Kê :



5. *Kỹ thuật diễn tấu*

Các kỹ thuật diễn tấu của đàn Truô Nguk nói chung hạn chế hơn đàn Truô Sô, một số kỹ thuật khó như dùng cung vĩ ngắt, ngón láy, ngón vuốt ... ít được sử dụng. Đàn Truô Nguk phù hợp với giọng hát trữ tình, trầm lắng nên thường được dùng để đệm cho hát trong nghệ thuật Dù Kê, hòa tấu dàn nhạc Khmer nên thường dùng cung vĩ liền (đán légato) là chủ yếu.

Nghệ nhân sử dụng đàn Truô Nguk trong dàn nhạc sân khấu Dù Kê được xem là người "nhạc trưởng" có vai trò mở đầu cho các bài bản trong vở diễn, các nhạc khí khác phụ họa theo sau.

① ***Ngón*** rung : Nghệ nhân dùng ngón tay trái bấm dây, vừa nhấn nhẹ liên tiếp tại một âm có độ dài nào đó, sẽ tạo ra âm thanh ngân vang như làn sóng. Kỹ thuật này thường được sử dụng rất thường xuyên trong một bản nhạc được nghệ nhân diễn tấu.

② ***Ngón vuốt*** : Nghệ nhân di chuyển ngón tay trên dây đàn từ dưới lên trên và từ trên xuống, làm cho tiếng đàn thêm êm dịu, mềm mại, liền mạch với nhau.

③ ***Ngón luyến*** : Kéo cung vĩ hoặc đẩy cung vĩ để đàn được nhiều âm trên một đường cung. Thường sử dụng cung vĩ liền để tạo ra âm thanh mềm mại, liền mạch với nhau.

Đàn Truô Nguk rất phù hợp cho kỹ thuật ngón luyến do màu âm trữ tình, trầm ấm, sâu lắng.

④ ***Ngón láy*** : Nghệ nhân dùng ngón trỏ trái bấm dây đàn, còn các ngón kế tiếp chạm nhẹ liên tục vào các âm cao hơn tạo ra âm thanh vang rền liên tiếp, thường dùng những nốt có trường độ dài.

⑤ ***Ngón vê (cung vĩ rung)*** : Là cách dùng tay phải kéo, đẩy thật nhanh trên một âm nào đó, để tạo tiếng ngân rung liên tục, giống như kỹ thuật trémolo một nốt của các đàn dây gảy. Kỹ thuật này

tạo nên cảm giác rộn rã, thúc giục, khẩn trương ... có thể sử dụng để làm nền hòa thanh trong hòa tấu dàn nhạc.

⑥ ***Ngón ngắt (cung vĩ ngắt rời)*** : Dùng để diễn tấu những âm có trường độ ngắn, dùng cung vĩ để kéo hoặc đẩy để đánh từng âm một. Người thường dùng phần đầu của cung vĩ để xử lý ngón giật, tạo âm thanh gọn gẽ, rõ ràng từng tiếng. Kỹ thuật này thường được phổ biến để diễn tấu những bản nhạc nhảy múa dân gian Khmer tạo nên tính chất vui tươi, dí dỏm, hài hước.

6. Vị trí đàn Truô Nguk trong dàn nhạc

Đàn Truô Nguk có mặt trong các tổ chức dàn nhạc Khmer, dàn nhạc Môhôri, dàn nhạc lễ cưới, dàn nhạc LaKhône Bassăk ... dùng để đệm cho ca, múa, độc tấu, song tấu, hòa tấu. Đàn Truô Nguk thường đánh đồng âm với đàn Truô Sô trong các tổ chức dàn nhạc của dân tộc Khmer Nam Bộ.

7. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á và các nước

Tương tự với đàn Truô Nguk, ở Campuchia có Truô -u, ở Thái Lan có đàn Sou, ở Trung Quốc có đàn Huquin (Hồ cầm), ở Lào có đàn So -Tu

2.3.3. TRUÔ KHMER

1. Giới thiệu sơ lược

Đàn Truô Khmer còn có tên gọi là Truô Khse bây (nghĩa là đàn 3 dây), là nhạc khí dây kéo *(cung vĩ)* của dân tộc Khmer Nam Bộ đã có từ rất lâu đời, được gìn giữ và lưu truyền cho đến ngày nay.

Trên thế giới có một vài cây đàn có dáng dấp gần giống với đàn Truô Khmer như đàn Kamanche của Iran, đàn K'Ni *(Bắc Tây Nguyên Việt Nam)* có 2 dây, nhưng về tính năng có những điểm khác biệt với đàn Truô Khmer.

2. Xếp loại

Đàn Truô Khmer là nhạc khí dây kéo *(cung vĩ)* loại có dọc đàn *(cần đàn)* của dân tộc Khmer Nam Bộ.

Đàn Truô Khmer là nhạc khí dây kéo cung vĩ duy nhất của dân tộc Khmer có 3 dây, âm sắc độc đáo và kỹ thuật diễn tấu khác lạ, được người Khmer rất yếu quý gìn giữ. Ngày nay, Truô Khmer rất hiếm người biết sử dụng do thiếu kế thừa từ những nghệ nhân đi trước.

3. Hình thức - Cấu tạo

Đàn Truô Khmer có cấu tạo như sau :

1- Bầu cộng hưởng (thân đàn)

2- Dọc đàn (cần đàn)

3- Trục đàn

4- Ngựa đàn

5- Dây đàn

6- Khuyết đàn (nơ đàn)

7- Cung vĩ (Archet)

★ ***Bầu cộng hưởng (thân đàn)*** : Bầu cộng hưởng được làm bằng gáo dừa xẻ làm đôi. Kích thước của bầu cộng hưởng lớn, nhỏ, dài, ngắn thường không thống nhất nhau tùy theo từng vùng hoặc từng địa phương. Mặt đàn được làm bằng da trăn, da rắn hoặc da nhím. Trên mặt đàn có gắn ngựa đàn; bên cạnh ngựa đàn còn được gắn thêm một cục chì pha sáp *(Pro mô)* để tạo cho âm sắc ngọt ngào, truyền cảm.

★ ***Cần đàn*** : Được làm bằng loại gỗ cứng, chắc. Cần đàn có hình tròn, 2 đầu to, đoạn giữa nhỏ hơn. Đầu cần đàn được cắm xuyên qua bầu cộng hưởng khoảng 5cm làm chân dựng đàn và làm trụ để kẹp vào ngón chân trái trong lúc diễn tấu. Cần đàn được chạm khắc hoa văn, kiểu cách để tăng thêm vẻ thẩm mỹ.

★ ***Trục đàn*** : Có 3 trục đàn làm bằng gỗ cứng, một đầu to hình lục lăng để lên dây, đầu nhỏ được cắm xuyên qua thân đàn để xỏ dây. Trục đàn cũng được chạm khắc kiểu cách công phu để tăng thêm vẻ đẹp. Cách trục đàn khoảng một gang tay, có dây cột ngang các dây đàn, gọi là "dây thắt cổ đàn".

★ ***Ngựa đàn*** : Ngựa đàn có hình thang cân, làm bằng gỗ tốt, mặt trên thường được nạm xương hoặc ngà voi hơi uốn cong như cầu vồng để kê 3 dây đàn phía trên. Tác dụng của ngựa đàn có hình cầu vồng (giống như ngựa đàn của Violon) nhằm tạo cho các dây đàn không nằm trên một mặt phẳng, mà nằm trên đường cong, giúp cho cung vĩ tiếp xúc từng dây đàn riêng lẻ trong lúc diễn tấu.

★ ***Dây đàn*** : Đàn Truô Khmer có 3 dây làm bằng tơ xe, dây nylon hoặc dây đồng. Dây buông của đàn Truô Khmer được sắp xếp theo quãng 5 đúng.

★ ***Khuyết đàn (nơ đàn)*** : Nơ đàn được làm bằng lông đuôi ngựa, xớ tàng của cây thốt nốt hoặc bằng dây nhựa nylon cực nhỏ.

Nơ đàn được mắc vào 2 đầu của cung vĩ, được căng thẳng khi diễn tấu. Người ta dùng nhựa thông để chà xát vào nơ đàn để tạo độ bám trước khi diễn tấu.

★ ***Cung vĩ (Archet)*** : Cung vĩ được làm bằng gỗ cứng, hoặc bằng tre có độ dẻo, hình cánh cung. Cung vĩ là bộ phận tách rời ngoài thân đàn Truô Khmer *(giống như Archet của đàn Violon),* tạo nên sự linh hoạt, thoải mái trong lúc diễn tấu.

4. Màu âm - Tầm âm

Đàn Truô Khmer có màu âm trầm lắng, du dương, giàu cảm xúc, phù hợp với những biểu hiện về nội tâm con người. Âm sắc của đàn Truô Khmer hơi tối, ít vang xa như đàn Truô Nguk hoặc Truô Sô. Cường độ của đàn Truô Khmer gần tương đương

với đàn Tà Khê hoặc Chapây Chomriêng, nên thường được diễn tấu những bài bản có tính chất sâu lắng, du dương, nội tâm sâu sắc. Những bản nhạc có tốc độ nhanh, vui ít được sử dụng do không phù hợp màu âm của đàn Truô Khmer.

Tầm âm của đàn Truô Khmer tương đối ngắn, khoảng 1 quãng 8. Đàn Truô Khmer có 3 dây, theo hệ thống quãng 5 đúng.

+ Hàng âm dây số 1 (Dây Ek = dây mẫu)



+ Hàng âm dây số 2 (Dây Côr = dây câm)



+ Hàng âm dây số 3 (Dây Bantôr = dây đệm)



5. Kỹ thuật diễn tấu

Nghệ nhân ngồi xếp chân trên chiếu hoặc ván ngựa, tay phải cầm cung vĩ để đàn, tay trái cầm cần đàn và bấm dây để diễn tấu.

Trong lúc diễn tấu, cung vĩ luôn thẳng góc với dây đàn, tay trái của nghệ nhân vừa bấm nốt đàn vừa xoay cần đàn cho các dây chập vào nơ đàn ở một góc thẳng. Cung vĩ có thể đánh từng âm hoặc có thể tạo ra 2 âm cùng một lúc. Muốn tấu được âm thức ba, nghệ nhân phải xoay cần đàn về hướng cung vĩ, tạo ra quãng giai điệu khi cần thiết.

Hiệu quả đánh quãng giai điệu khi diễn tấu :



6. Vị trí đàn Truô Khmer trong dàn nhạc

Đàn Truô Khmer có mặt trong các tổ chức dàn nhạc :

Dàn nhạc Khmer, dàn nhạc lễ cưới, dàn nhạc Arăk, dùng để độc tấu, song tấu, tam tấu, hòa tấu ....

Ngày nay, đàn Truô Khmer ít được sử dụng trong các tổ chức dàn nhạc dân tộc Khmer do không có người biết sử dụng; hoặc ở nhiều phum Sróc người Khmer hiện nay không còn đàn Truô Khmer do bị hư hỏng hoặc đã bị thất lạc.

7. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á và các nước

Nhạc khí tương tự với đàn Truô Khmer, ở Iran có đàn Kamanche *(có 3 dây nhưng ngắn hơn)*, ở Bắc Tây Nguyên Việt Nam có đàn K'Ni *(có 2 dây)*, ở Campuchia cũng có đàn Truô Khse bây nhưng rất ít phổ biến.

CHƯƠNG III

NHẠC KHÍ HƠI

3.1. NHẠC KHÍ HƠI LỖ THỔI

3.1.1. KHLÔY

1. Giới thiệu sơ lược

Khlôy là nhạc khí thổi dọc của dân tộc Khmer Nam Bộ, đã có từ lâu đời và rất phổ biến, được nhiều người yêu thích. Một số dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam cũng có nhạc khí gần giống như Khlôy, như : Dân tộc Việt có ống tiêu, dân tộc Êđê có Đinh Klía, dân tộc Mường có ống ối, dân tộc Thái có PíThiu ... một vài nước Châu Á cũng có ...

2. Xếp loại

Khlôy là nhạc khí thổi hơi lỗ thổi, rất phổ biến trong các tổ chức dàn nhạc dân tộc Khmer Nam Bộ. Trong các Phum Sróc người Khmer có rất nhiều Khlôy với nhiều kích cỡ khác nhau, không quy định mức chuẩn cụ thể.

3. Hình thức - cấu tạo

Khlôy thường được làm bằng ống trúc hoặc bằng lõi gỗ tốt được khoét ruột làm thành thân Khlôy, rỗng hai đầu. Đường kính thường được đo khoảng 1cm, dài khoảng 25cm. Đầu Khlôy được trám vào bằng một loại gỗ mịn *(như ổi hoặc cật bần ...)* có một đường thông hơi để thổi. Cách đầu Khlôy khoảng 2cm có khoét một lỗ hình vuông để âm thanh phát ra. Ngày xưa, Khlôy có 4 lỗ bấm hình tròn dọc theo thân và một lỗ bên dưới *(gọi là lỗ thoát âm).* Về sau, Khlôy được cải tiến thành 6 lỗ hoặc 8 lỗ thổi theo thang âm ngũ cung.

4. Màu âm - tầm âm

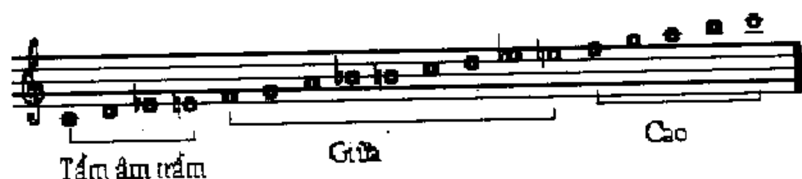
Khlôy có âm sắc trầm ấm, trữ tình, du dương, êm dịu. Ở tầm âm thấp, Khlôy biểu hiện những tình cảm sâu lắng có tính diễn cảm nội tâm. Ở tầm âm giữa, màu sắc đẹp, truyền cảm. Ở tầm âm cao, có màu sắc sáng chói, thánh thót và vang xa như tiếng chim hót. Nếu thổi những nốt quá cao nghe chói tai và dễ bị *"bể"* tiếng.

Tầm âm của Khlôy khoảng 2 quãng 8. Khi hòa tấu, thường thổi ở tầm âm giữa, tạo ra giai điệu đẹp.

• Tầm âm của Khlôy 7 lỗ :



• Tầm âm của Khlôy 8 lỗ :



5. Kỹ thuật diễn tấu

Nghệ nhân dùng hơi để thổi tạo ra âm cao hoặc thấp tùy theo ý thích *(dùng hơi mạnh tạo ra âm thanh cao lên 1 quãng 8)*. Kỹ thuật diễn tấu rất phong phú và linh hoạt.

① ***Vuốt :*** Kỹ thuật dùng các ngón tay mở lần lượt từ nốt thấp ban đầu lên dần đến các nốt cao hơn hoặc đóng ngón tay lần lượt xuống dần các nốt thấp, tạo âm thanh nối tiếp liền bậc, mềm mại, sinh động.



② ***Láy :*** Thổi những nốt hoa mỹ *(Petit note)* đứng trước các nốt chính, tạo cho giai điệu thêm bóng bẩy, sinh động về màu sắc. Đặc biệt là sử dụng trong độc tấu, đòi hỏi nghệ nhân phải điêu luyện về ngón bấm cũng như kỹ thuật sử dụng hơi.



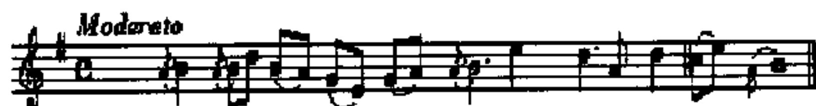
③ ***Ngân :*** Nghệ nhân thổi những nốt có trường độ kéo dài thường biết xử lý hơi làm cho âm thanh mềm mại hơn, ngân nga như gợn sóng. Trước khi thổi những nốt ngân dài, thường được lấy hơi đầy lồng ngực và thổi ra từ từ cho đến dứt trường độ. Hơi thổi ra chậm và đều.

④ ***Rung :*** Muốn cho âm thanh mềm mại và êm ả hơn, nghệ nhân lấy nhiều hơi vào lồng ngực,

sau đó đưa ra lúc mạnh lúc nhẹ, làm cho âm thanh có cảm giác dìu dặt, lúc gần lúc xa xăm, gợi nhớ ....



⑤ ***Luyến :*** Làm cho âm thanh liền bậc, mềm mại, giai điệu mượt mà, sâu lắng như kỹ thuật Légato.



⑥ ***<u>Láy rền</u> :*** Dùng ngón tay bấm mở thật nhanh trên một nốt nào đó, hoặc bấm một âm còn một âm kế tiếp đập thật nhanh ngón tay trên lỗ để tạo ra âm láy rền.



6. Vị trí Khlôy trong dàn nhạc

Khlôy tham gia trong rất nhiều tổ chức dàn nhạc dân tộc Khmer Nam Bộ, như : dàn nhạc Khmer, dàn nhạc Môhôri, dàn nhạc lễ cưới, dàn nhạc LaKhône Bassăk. Ngoài ra còn biểu diễn độc tấu, song tấu, tam tấu, hòa tấu

7. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á và thế giới

Tương tự với Khlôy, ở Việt Nam có ống tiêu, ở Nam Mỹ có Kena, dân tộc Mường có ống ối, dân tộc Thái có PíThiu, dân tộc Êđê có Đinh Klia, Vân Kiều có Kơ lui.

3.1.2. PÂY PUÔC

1. Giới thiệu sơ lược

Pây - Puôc là nhạc khí hơi lỗ thổi của dân tộc Khmer Nam Bộ và một vài dân tộc khác ở Châu Á.

Nhạc khí này thường dùng để độc diễn hoặc sử dụng để mở đầu cho các làn điệu trong dàn nhạc Arắk *(dàn nhạc tế thần)*. Ngoài ra, còn diễn tấu một số làn điệu phục vụ cho múa sinh hoạt dân gian dân tộc Khmer. Pây - Puôc khá phổ biến trong sinh hoạt văn hóa văn nghệ của người Khmer Nam bộ.

2. Xếp loại

Pây - Puôc là nhạc khí hơi lỗ thổi, đặt nằm ngang khi diễn tấu *(gần giống với sáo ngang của người Việt)*. Tuy nhiên, điểm khác biệt của Pây - Puôc là trong lúc diễn tấu, phải đặt đầu ống Pây - Puôc vào trong miệng để thổi. Trên thế giới ít thấy nhạc cụ nào có cách thổi độc đáo như vậy.

3. Hình thức - cấu tạo

Pây - Puôc được làm bằng ống tre già *(hoặc trúc)*, đường kính khoảng 2cm, dài khoảng 25cm. Một đầu Pây - Puôc được bịt kín hơi, cách đầu Pây -

Puôc khoảng 1cm có khoét một lỗ hình chữ nhật có gắn dăm, làm bằng miếng đồng mỏng. Khi thổi, dăm sẽ rung động tần số tạo ra âm thanh trầm bổng.

Pây - Puôc có 6 lỗ dọc theo thân và một lỗ phía dưới ở gần cuối thân ống gọi là lỗ thoát âm.

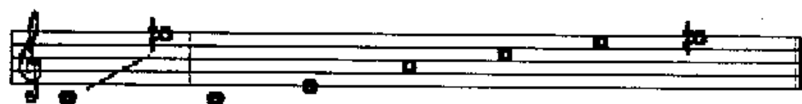
4. Màu âm - tầm âm

Màu âm của Pây - Puôc trầm ấm, sâu lắng, du dương và êm dịu.

- Khoảng âm thấp : trầm buồn, tình cảm sâu lắng.
- Khoảng âm giữa : âm thanh êm dịu, đầy đặn, trữ tình.
- Khoảng âm cao : trong sáng, vang xa.

Tầm âm của Pây - Puôc hạn chế, khoảng trên 1 quãng 8. Pây - Puôc phù hợp với những làn điệu êm ái, du dương, có tiết tấu chậm rãi hoặc vừa phải.

Nếu diễn tấu ở tốc độ nhanh, âm thanh không được chuẩn xác và rất tốn hơi.



5. Kỹ thuật diễn tấu

Nghệ nhân dùng tay phải cầm đầu thân Pây - Puôc, đưa đầu Pây - Puôc vào phía cổ họng. Tay trái cầm phía đuôi Pây - Puôc. Cả hai tay đều bấm lỗ trên Pây - Puôc, mỗi tay sử dụng 3 lỗ bấm.

Các kỹ thuật diễn tấu của Pây - Puôc hạn chế hơn Khlôy do không được linh hoạt bằng. Một vài kỹ thuật thường dùng như : ngón vuốt, ngón láy, ngân rung, ngón luyến hoặc láy rền đều tạo ra được hiệu quả nhất định. Do yếu tố tốn nhiều hơi, nên Pây - Puôc thường diễn tấu những đoạn nhạc tương đối ngắn, những nốt ngân dài cũng phải có chỗ ngắt để lấy hơi.

6. Vị trí Pây-Puôc trong dàn nhạc

Pây - Puôc có mặt trong các tổ chức dàn nhạc dân tộc Khmer như : Dàn nhạc Khmer, dàn nhạc Arăk; dùng để độc tấu, song tấu với cặp trống tay *(Skô Day)* trong lễ cầu phước hoặc cúng thần.

7. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Tương tự với Pây - Puôc, có Sáo ngang *(Việt Nam)*, Sáo Kena *(Nam Mỹ)*, Sáo Nose Flute *(quần đảo Thái Bình Dương)*, Sáo Nay *(Bắc Phi)*, Sáo Shakuhachi *(Nhật Bản)*, Sáo Fife *(Châu Âu)*, Sáo Di *(Trung Quốc)*, Sáo One - Keyed Flute.

3.2. NHẠC KHÍ HƠI DĂM KÉP

3.2.1. SROLAY PƯNPÉT

1. Giới thiệu sơ lược

Srolay Pưnpét là nhạc khí thổi hơi của dân tộc Khmer Nam Bộ. Srolay Pưnpét có 2 loại : Srolay Tôch *(kèn nhỏ)* và Srolay Thum *(kèn lớn)*. Đây là nhạc khí hơi đặc biệt chỉ sử dụng trong dàn nhạc Pưnpét *(dàn nhạc ngũ âm)*, là một trong 5 chất liệu tạo nên dàn nhạc ngũ âm *(gỗ, đồng, sắt, da và hơi)*. Kèn Srolay Pưnpét được coi là loại nhạc khí quý hiếm vì có cấu tạo phức tạp, tinh tế cũng như hiếm về người biết sử dụng trong thời đại ngày nay.

2. Xếp loại

Srolay Pưnpét là nhạc khí thổi hơi loại dăm kép không có loa, là một trong năm thành viên quan trọng cấu thành năm âm sắc của dàn nhạc Pưnpét *(dàn nhạc ngũ âm)* của dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

3. Hình thức - Cấu tạo

Srolay Pưnpét ngày xưa còn được gọi là kèn Srolay Nok. Kèn Srolay Nok được làm bằng loại gỗ quý *(thường bằng lỏi gỗ mun)*, được khoét lỗ từ đầu đến cuối thân kèn, phía trên đầu kèn được gắn dính bằng một ống thông hơi được cột dính với dăm kèn. Dăm kèn thuộc loại dăm kép được làm bằng lá thốt nốt hoặc bằng tre gọt mỏng.

* ***Dăm kèn :*** Là loại dăm kép, làm bằng lá thốt nốt gấp làm tư hoặc bằng tre già gọt mỏng. Dăm kèn có một đầu dẹp, một đầu tròn được cột chặt vào một ống thông hơi. Ống thông hơi làm bằng đồng nối liền giữa dăm kèn với thân kèn. Dăm kèn có vai trò quan trọng đặc biệt : không được khô cứng quá, cũng không được mềm mỏng quá sẽ khó xử lý âm sắc trong lúc diễn tấu. Điều đặc biệt hơn cả là dăm kèn phải đảm bảo độ vang liên tục từ đầu bài đến cuối bài do yếu tố bắt buộc

đã được quy định từ xa xưa, tiếng kèn không được ngắt ngang khi chưa chấm dứt bản nhạc.

★ ***Thân kèn :*** Có hình ống, hai đầu to nhỏ dần về phía trong, đoạn giữa phình to là nơi có khoét lỗ bấm *(chiếm ½ thân kèn)* Srolay Pưnpét có 6 lỗ bấm khoảng cách đều nhau. Thân kèn được nối với ống thông hơi bằng một loại sáp để dán kín hơi.

Thân kèn Srolay Pưnpét có đường kính khoảng 2 cm, chiều dài khoảng 40 cm. Phần giữa thân kèn được chạm khắc công phu nhằm làm tăng vẻ đẹp của nhạc khí này.

4. Màu âm - tầm âm

Màu âm của Srolay Pưnpét rất êm dịu, hòa quyện với các nhạc khí gõ trong dàn nhạc pưnpét, làm cho âm thanh tổng hợp của dàn nhạc trở nên hài hòa, đa âm sắc nhưng không bị gay gắt, chói tai.

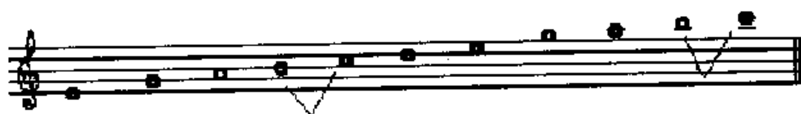
Có thể nói rằng, năm âm sắc từ năm chất liệu khác nhau của dàn nhạc ngũ âm được hòa chung

làm một đã tạo cho dàn nhạc này có một tính chất độc đáo, phong phú về âm sắc, đa dạng về tiết tấu mà không có một loại tổ chức dàn nhạc nào có thể sánh bằng.

• Tầm âm kèn Srolay Pưnpét lớn :



• Tầm âm kèn Srolay Pưnpét nhỏ :



5. Kỹ thuật diễn tấu

Lúc diễn tấu, nghệ nhân đặt ăm kèn thẳng đứng cắt ngang lưỡi và thổi để tạo ra âm thanh. Kỹ thuật khó nhất để diễn tấu kèn Srolay Pưnpét là

phương pháp lấy hơi. Nghệ nhân phải vừa thổi bằng lồng ngực và đồng thời lấy hơi bằng đường mũi, tạo cho âm thanh phát ra liên tục không hề đứt quãng từ đầu cho tới khi kết thúc bản nhạc. Khi diễn tấu, nghệ nhân dùng lưỡi kê sát dăm kèn hoặc dùng kỹ thuật *"chẻ lưỡi"* để tạo cho âm thanh thêm phong phú và đạt nhiều nốt hơn. Kỹ thuật diễn tấu kèn Srolay Pưnpét rất khó, đòi hỏi người học phải tốn công sức rèn luyện.

① ***Cách thổi hơi :***

a/. Lấy hơi - luyến hơi : Lấy hơi là một kỹ thuật rất khó và độc đáo, nghệ nhân lấy hơi bằng mũi trong lúc đang thổi. Hơi được chứa trong lồng ngực và thổi ra từ từ, đồng thời hai bên má của nghệ nhân cũng có tác dụng chứa hơi và đẩy hơi ra, tạo cho tiếng kèn ngân vang hàng giờ mà không bị ngắt tiếng. Với phương pháp này, nghệ nhân luyến được nhiều âm thanh phong phú *(đa âm sắc)* trong diễn tấu.



b/. Rung hơi : Nghệ nhân dùng hơi thổi vào dăm kèn lúc mạnh, lúc nhẹ tạo ra âm thanh ngân rung từng đợt như tiếng gió nhẹ, lúc như gần, lúc như xa. Kỹ thuật rung hơi thường sử dụng ở những nốt ngân dài, hoặc tạo cao trào.



c/. Đánh lưỡi : Nghệ nhân dùng lưỡi chạm vào dăm kèn trong lúc diễn tấu, tạo ra âm thanh vang rền ở một âm nào đó, gần giống với kỹ thuật Triolé của nhạc khí dây gẩy. Kỹ thuật này chỉ sử dụng ở những âm kéo dài. Do rất khó xử lý nên ít được sử dụng trong hòa tấu với dàn nhạc pưnpét.



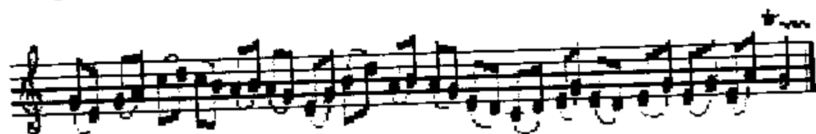
d/. Vuốt hơi : Nghệ nhân xử lý hơi lúc mạnh lúc nhẹ để tạo cho âm thanh được liền mạch trong những nốt có quãng xa. Kèn Srolay Pưnpét còn có khả năng dùng hơi để nối liền hai âm cách nhau một quãng 8 đúng, cần phải dùng hơi thật mạnh, xử lý hơi khéo léo, mềm mại.



② ***Các ngón bấm***

a/. Ngón láy : Nghệ nhân sử dụng ngón bấm mở thật nhanh trên một âm nào đó để tạo ra tiếng láy ngắn hoặc tiếng láy rền. Kỹ thuật này rất thông dụng được sử dụng rất nhiều trong một bài diễn tấu.

b/. Ngón vuốt : Nghệ nhân dùng ngón bấm vuốt nhẹ vào âm nối tiếp tạo cho tiếng kèn mềm mại, liền mạch, êm dịu ... tương tự như kỹ thuật Légato.



c/ Ngón rung : Nghệ nhân kết hợp giữa ngón láy rền và kỹ thuật đánh lưỡi để tạo ra âm thanh vừa rung vừa vang rền trên một nốt nhạc ngân dài. Kỹ thuật này rất khó nên ít được sử dụng trong hòa tấu với dàn nhạc.



6. Vị trí kèn Srolay Pưnpét trong dàn nhạc

Ngày xưa, kèn Srolay Pưnpét thường được tấu để mở đầu các bài bản cổ truyền trong dàn nhạc pưnpét, đồng thời làm nền hòa thanh cho các nhạc khí khác. Âm sắc của kèn Srolay Pưnpét khi hòa tấu chung các nhạc khí gõ sẽ làm cho âm thanh cả dàn nhạc trở nên êm dịu, hài hòa.

Ngày nay, kèn Srolay Pưnpét còn tham gia trong tổ chức dàn nhạc Môhôri, dàn nhạc Khmer. Hiện nay, trong các buổi hòa tấu dàn nhạc Pưnpét

thường hay vắng mặt kèn Srolay do ít người biết sử dụng.

7. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á và thế giới

Ở các nước trên thế giới có nhiều loại nhạc khí hơi dăm kép, có loa kèn. Nhưng không thấy loại nào có cấu tạo hình dáng như Srolay Pưnpét (không có loa kèn) của dân tộc Khmer.

Hiện nay, ở Ấn Độ, Campuchia, Thái Lan cũng có kèn Srolay sử dụng trong dàn nhạc ngũ âm, nhưng ở mỗi nơi, kèn Srolay có cải tiến biến đổi chút ít.

3.2.2. SROLAY RÔBĂM

1. Giới thiệu sơ lược

Srolay Rôbăm có 2 loại : Srolay Rôbăm Thum và Srolay Rôbăm Tôch, Srolay Rôbăm là nhạc khí hơi, sử dụng dăm kép.

Kèn Srolay Rôbăm là nhạc khí chủ đạo trong nghệ thuật sân khấu kịch múa Rôbăm *(một loại hình nghệ thuật sân khấu mặt nạ)* cổ truyền của người Khmer Nam bộ.

Srolay Rôbăm cùng họ Oboe với một số nhạc khí các dân tộc ở Châu Á, Châu Âu và vùng Trung Đông.

2. Xếp loại

Srolay Rôbăm là nhạc khí hơi dăm kép, được bảo tồn từ rất lâu đời theo lịch sử phát triển của nền nghệ thuật sân khấu Rôbăm của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng và một số tỉnh khu vực Nam Bộ. Kèn Srolay Rôbăm được du nhập vào vùng đồng bằng sông Cửu Long và trở thành nhạc khí của người Khmer.

3. Hình thức - Cấu tạo

Srolay Rôbăm được làm từ loại gỗ tốt, quý như : cẩm lai, gõ, mun.... Từ một khúc gỗ, được gọt

giữa thành hình tròn, đầu trên to, đầu dưới nhỏ dần. Bên trong được khoét lỗ toàn thân kèn, phía trên có 7 lỗ bấm âm. Đầu thân kèn được gắn, loa kèn để khuếch đại âm thanh. Cuối thân kèn được cắm vào một ống nhỏ thông hơi nối liền giữa dăm kèn với thân kèn. Nơi tiếp giáp giữa dăm kèn và thân kèn, có gắn một bộ phận để chặn môi được làm bằng gỗ hoặc gáo dừa, hình cánh cung. Bộ phận này còn có tác dụng ngăn không cho hơi bị thoát ra ngoài lúc thổi.

✶ *Dăm kèn :* Là loại dăm kép. Dăm kèn được làm từ lá thốt nốt non xếp làm bốn , đầu dăm mỏng như lông vịt, cuối dăm cuốn tròn và được buộc vào ống thông hơi (*gọi là Chompuôch*). Trước khi diễn tấu, nghệ nhân thường đổ nước vào ống kèn cho thấm đến dăm kèn nhằm đảm bảo cho âm sắc được chuẩn xác, trong trẻo, không bị lạc giọng.

✶ *Thân kèn :* được làm bằng lõi gỗ quý, tốt như : cẩm lai , gõ, mun. Thân kèn Srolay

Rôbăm có hình ống, cuối thân nhỏ và to dần ở phần đầu thân kèn. Phần đầu kèn được gắn với loa kèn để khuếch đại âm thanh. Loa kèn được làm bằng đồng (có loại cũng làm bằng gỗ).

Thân Srolay Rôbăm có chiều dài khoảng 24 cm. Có 7 lỗ bấm khoảng cách đều nhau, có thể thổi được thang âm 7 cung đều hoặc hệ thống crômatic.

4. Màu âm - tầm âm

Kèn Srolay Rôbăm có âm sắc vang, khoẻ, sáng chói .

* Khoảng âm thấp : ít vang, thâm trầm, thường diễn tả tình cảm sâu lắng hoặc tình huống buồn bã , đau thương .

* Khoảng âm giữa : âm thanh rõ ràng, vang xa, khoẻ khoắn, biểu hiện sức sống mãnh liệt .

* Khoảng âm cao : Rát vang, chói tai, xử lý những tình huống căng thẳng có tính cao trào . Khoảng âm cao thổi rất tốn hơi và dễ bị

tắt tiếng, chỉ sử dụng trong trường hợp đặc biệt.

• Tầm âm kèn Srolay Rôbăm Thum (Srolay Rôbăm lớn) :

Khoảng âm trầm giữa cao

• Tầm âm kèn Srolay Rôbăm Tôch (Srolay Rôbăm nhỏ) :

Khoảng âm trầm giữa cao

5. Kỹ thuật diễn tấu

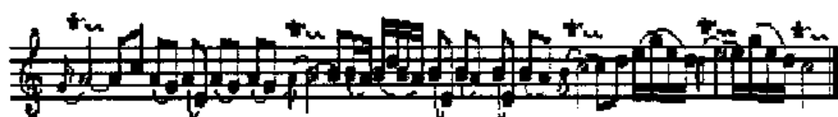
Kèn Srolay Rôbăm có nhiều kỹ thuật diễn tấu độc đáo, đặc biệt là ở kỹ thuật lấy hơi để thổi liên tục hàng giờ không hề ngắt tiếng. Một số kỹ

thuật thông dụng như: luyến hơi, rung hơi, vuốt hơi, đánh lưỡi ... các ngón bấm thường xuyên sử dụng là: ngón láy, ngón vuốt.

Kỹ thuật diễn tấu Srolay Rôbăm tương đối khó, cần phải tập luyện công phu, vì thế hiện nay còn rất ít người biết sử dụng.

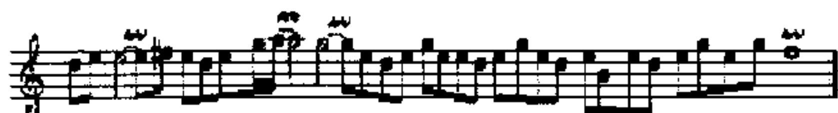
Cách thổi hơi

a/. Lấy hơi - Luyến hơi : Kỹ thuật lấy hơi và luyến hơi là một trong những kỹ thuật khó nhất. Nghệ nhân vừa thổi vừa lấy hơi bằng đường mũi để tạo ra âm thanh liên tục không dứt.



b/. Rung hơi : Dùng hơi thổi vào dăm kèn lúc nhấn mạnh lúc thổi nhẹ ở những nốt ngân dài, tạo cho âm thanh ngân rung từng đợt, có cảm giác lúc gần lúc xa xăm, thường được sử dụng ở những tình

huống cao trào, sự mâu thuẫn và đấu tranh của các tuyến nhân vật trong Rôbăm.



c/. Đánh lưỡi : Nghệ nhân dùng lưỡi chạm vào dăm kèn, hoặc dùng kỹ thuật *"chẻ lưỡi"* ở một âm nào đó, dùng hơi thổi rất mạnh tạo ra âm thanh vang rền. Kỹ thuật này rất tốn hơi, người diễn tấu phải có thể lực tốt mới đạt hiệu quả cao.



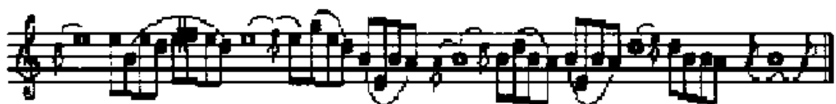
d/. Vuốt hơi : Dùng hơi để đẩy từ một nốt thấp lên cao hoặc từ nốt cao xuống thấp mà âm thanh không bị gián đoạn. Kỹ thuật này thường dùng để diễn đạt nội tâm nhân vật với những tình

huống bức xúc, tình cảm dào dạt của tuyến nhân vật trong nghệ thuật Rôbăm.



. *Các ngón bấm*

a/. Ngón láy : Sử dụng các ngón tay bấm mở thật nhanh nhiều lần trên một âm nào đó để tạo ra tiếng láy rền, có thể láy một âm hoặc nhiều âm trong lúc diễn tấu.



b/. Ngón vuốt : Làm cho âm thanh mềm mại, liền mạch, có cảm giác như tiếng người, phù hợp với những tình huống nội tâm trầm lắng. Nghệ nhân dùng ngón bấm vuột nhẹ vào âm nối tiếp, tạo hiệu quả tương tự như kỹ thuật Légato.



c/. Ngón rung : Nghệ nhân kết hợp giữa ngón láy rền và kỹ thuật đánh lưỡi để tạo ra âm thanh vừa rung vừa vang rền trên một nốt nhạc ngân dài. Kỹ thuật này rất khó nên ít được sử dụng trong hòa tấu với dàn nhạc.



6. Vị trí kèn Srolay Rôbăm trong dàn nhạc

Kèn Srolay Rôbăm là nhạc khí chủ đạo định âm duy nhất để phục vụ cho nghệ thuật kịch múa Rôbăm của dân tộc Khmer Nam Bộ. Cùng diễn tấu với Srolay Pưnpét là bộ trống lớn *(Skô Thum)* và Côông. Do yếu tố đặc thù của nghệ thuật sân khấu Rôbăm, nên kèn Srolay Rôbăm đã đảm nhiệm toàn

bộ các tính cách nhân vật trong lúc diễn tấu. Nghệ nhân sử dụng kèn Srolay Rôbăm là người đóng vai trò chính đảm bảo về yếu tố nhạc nền xuyên suốt vở diễn.

7. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Tương tự với kèn Srolay Rôbăm, có kèn Bầu, kèn Loa *(Việt Nam)*, kèn Saroenai *(Mã . ai)*, kèn Saroene *(Indonexia)*, kèn Hne *(Mianma)*, kèn Shanai *(Ấn Độ)*, kèn Suona *(Trung Quốc)*, kèn Zurna *(Thổ Nhĩ Kỳ, Ả Rập)*, kèn Sorna *(Ba Tư)* ...

3.2.3. PÂY - O

1. Giới thiệu sơ lược

Pây - O là nhạc khí hơi cổ truyền của dân tộc Khmer, được ra đời trước thời đại Ăngkor, tồn tại đến ngày nay. Trong dàn nhạc, tất cả các nhạc khí

khác phải chỉnh âm *(giọng)* theo Pây - O vì âm của nó cố định không điều chỉnh được. Pây - O là nhạc khí luôn có mặt trong dàn nhạc lễ cưới và dàn nhạc Arăk *(dàn nhạc cúng thần)*. Pây -O được du nhập vào vùng đồng bằng sông Cửu Long từ rất lâu đời và trở thành nhạc khí của dân tộc Khmer Nam Bộ.

2. Xếp loại

Pây - O là nhạc khí thổi hơi, loại dăm kép. Pây - O cùng họ Oboe với một số nhạc khí thổi hơi khác trong khu vực Đông Nam Á và Châu Âu.

Tính năng của Pây - O gần giống với Srolay Pưnpét và Srolay Rôbăm của dân tộc Khmer Nam Bộ. Đặc biệt, Pây - O là nhạc khí thổi hơi có vai trò quan trọng nhất trong dàn nhạc lễ cưới và dàn nhạc Arăk.

3. Hình thức - Cấu tạo

Pây - O có hình ống, không đáy. Thân Pây - O có khoét tất cả 9 lỗ tròn gồm : 7 lỗ bấm phía trên,

một lỗ phía dưới và một lỗ bên hông kèn được dán một loại giấy mỏng nhằm tạo cho âm sắc của Pây - O có tiếng vang *"rè rè"*. Đây là âm sắc đặc biệt độc đáo không thể nhầm lẫn với bất cứ một nhạc khí nào trong kho tàng nhạc khí của người Khmer.

★ ***Dăm kèn :*** Là một bộ phận đặc biệt được làm từ ống sậy. Phần đầu dăm kèn gồm 2 miếng nẹp mỏng được xếp vào nhau. Phần cuối dăm kèn hình tròn gắn vào thân kèn. Bộ phận của dăm có chiều dài khoảng 10cm, người Khmer gọi là *"Lăm"*. Lăm được bảo quản rất kỹ lưỡng đảm bảo cho âm sắc Pây - O vang đẹp, rõ tiếng và êm ái.

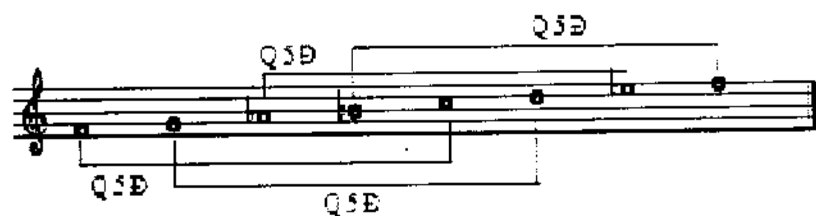
★ ***Thân kèn :*** Thân kèn được làm từ tre tầm vông, ruộc có lỗ nhỏ. Chiều dài thân Pây-O khoảng 25cm, phía trên thân kèn có khoét 7 lỗ bấm, phía dưới có khoét 1 lỗ và bên hông 1 lỗ được dán kín bằng một loại giấy mỏng để khi diễn tấu, âm thanh tác động vào giấy tạo ra một âm sắc lạ, rền rền êm tai.

Thân kèn Pây - O có độ dày, lỗ nhỏ bên trong *(cấu tạo tự nhiên của tre tầm vông)* nên âm thanh phát ra rất trầm ấm, lắng sâu, khác hẳn với âm thanh của Srolay Rôbăm *(sáng chói).*

4. Màu âm - tầm âm

Kèn Pây - O có màu âm êm ái, du dương, truyền cảm, phù hợp với những giai điệu có tiết tấu chậm, sâu lắng. Vì vậy, Pây - O được sử dụng để diễn tấu những bài bản lễ nghi cổ truyền dân tộc như : lễ cưới, lễ cúng thần ... Do có cấu tạo đặc biệt nên âm sắc của kèn Pây - O rất đặc thù không hòa lẫn với các loại kèn khác của người Khmer Nam Bộ. Cường độ âm thanh của kèn Pây-O vang đều, sâu lắng nhưng thật sự tần số vang rất xa, dễ nhận biết khi dàn nhạc đang hòa tấu.

Tầm âm kèn Pây - O tương đối hẹp, chỉ khoảng trên 1 quãng 8 đúng, được sắp xếp theo hệ thống ngũ cung.



5. Kỹ thuật diễn tấu

① ***Cách thổi hơi***

a/. Luyến hơi Lúc diễn tấu, nghệ nhân đặt dăm kèn thẳng đứng cắt ngang lưỡi để thổi. Kỹ thuật quan trọng để diễn tấu kèn Pây - O là phương pháp lấy hơi và giữ hơi. Pây - O là nhạc khí thổi hơi rất tốn hơi nên trong lúc diễn tấu nghệ nhân phải lấy hơi liên tục bằng mũi và ép hơi trong lồng ngực để thổi từ từ cho âm thanh vang liên tục. Từ đó, nghệ nhân có thể xử lý kỹ thuật luyến âm đều đặn, không ngừng nghỉ.



b/. Rung hơi : Nghệ nhân dùng hơi thổi vào dăm kèn lúc mạnh lúc nhẹ làm cho âm thanh ngân rung từng đợt như tiếng gió reo, lúc như gần, lúc như xa. Thường rung hơi ở cuối câu có âm ngân dài.



c/. Đánh lưỡi : Dùng lưỡi chạm vào dăm kèn trong lúc diễn tấu, làm cho âm thanh vang rền ở một âm nào đó.



d/. Vuốt hơi : Nghệ nhân thổi hơi vào dăm kèn lúc mạnh lúc nhẹ, tạo ra âm thanh liền mạch từ quãng gần đến quãng xa. Đôi khi dùng hơi thật mạnh để chuyển âm thanh lên một quãng 5, quãng 6 hoặc 8 đúng.



② ***Các ngón bấm***

a/. Ngón láy : Nghệ nhân dùng tay bấm mở thật nhanh trên một âm nào đó để tạo ra tiếng láy ngắn hoặc tiếng láy rền. Đây là kỹ thuật thông dụng trong các loại nhạc khí thổi hơi của dân tộc Khmer Nam Bộ nói chung.

• Trích đoạn bài "XĐach Đơơ" (nhạc trong lễ cưới) :



b/. Ngón vuốt : Nghệ nhân dùng ngón bấm vuốt nhẹ vào âm nối tiếp tạo cho tiếng kèn mềm

mại, liền mạch, êm dịu ... tương tự như kỹ thuật Légato.



c/. Ngón rung : Nghệ nhân kết hợp giữa ngón láy rền và kỹ thuật đánh lưỡi để tạo ra âm thanh vừa rung vừa vang rền trên một nốt nhạc ngân dài, ít sử dụng trong hòa tấu vì rất khó.



6. Vị trí Pây - O trong dàn nhạc

Kèn Pây - O là thành viên chính thức có vai trò rất quan trọng trong dàn nhạc lễ cưới, dàn nhạc Arăk *(cúng thần)* ; Đồng thời cũng có mặt trong tổ chức dàn nhạc Khmer. Kèn Pây - O thường làm chức năng pha màu cho các dàn nhạc, ít khi sử dụng độc tấu vì khả năng xử lý giai điệu bị hạn chế.

7. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á và thế giới

Tương tự với kèn Pây - O, ở Campuchia cũng có kèn Pây - O sử dụng trong dàn nhạc lễ cưới, nhưng giữ nguyên gốc chưa có cải tiến như của dân tộc Khmer Nam Bộ. Trên thế giới có kèn Sahnai *(Ấn Độ)*, kèn Suona *(Trung Quốc)* nhưng không giống như kèn Pây - O của dân tộc Khmer ở một vài chi tiết về cấu tạo .

3.3. NHẠC KHÍ HƠI MÔI (HƠI BÚP)

3.3.1. PÂY SNENH

1. Giới thiệu sơ lược

Pây Snenh là nhạc khí hơi môi của dân tộc Khmer đồng bằng sông Cửu Long và một số dân tộc thiểu số Việt Nam như : dân tộc Banar có Tơ Nuôt, dân tộc Mạ có KeNung, dân tộc Do Thái cổ có Tù Và Shofa, dân tộc Kias *(Việt Nam)* có Tù Và.

2. Xếp loại

Pây Snenh là nhạc khí hơi môi (hơi búp) của dân tộc Khmer Nam Bộ và một số dân tộc thiểu số *(vùng Tây Nguyên)* tạo ra. Pây Snenh có 2 loại : một loại không dăm và một loại có dăm. Loại Pây Snenh có dăm thổi được những nốt định âm.

3. Hình thức, cấu tạo

Pây Snenh làm bằng sừng trâu, sừng bò ... Đầu nhọn của Pây Snenh được cưa thủng mài giũa

bằng phẳng để thổi. Khi thổi, dùng môi ngậm trực tiếp để thổi. Không khí từ môi chuyển vào bên trong làm chấn động cột không khí, phát ra âm thanh. Người ta thường đút ngón trỏ phải để bịt hoặc mở ra trong lúc thổi. Tay trái còn sử dụng để hãm tiếng khi thổi, loại Pây Snenh có dăm được gắn vào đầu sừng, dăm làm bằng tre vuốt mỏng gắn dính với thân Pây Snenh bằng một sáp.

4. Màu âm - tầm âm

Pây Snenh có âm sắc trầm lắng, mờ đục. Pây Snenh không có lỗ bấm nên không có định âm. Khi thổi mạnh âm thanh rất mạnh mẽ và vang xa. Khi thổi nhẹ, âm thanh nghe xa xăm, đìu dặt có màu sắc thần bí, hoang dã, khoáng đãng của chất đồng nội vùng đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài âm cơ bản, còn tạo ra một vài âm bồi khi thổi.

5. Kỹ thuật diễn tấu

Chủ yếu là dùng môi để thổi hơi trực tiếp vào Pây Snenh làm chấn động không khí để phát ra âm

thanh. Âm thanh lúc trầm lúc bổng là do dùng hơi thổi mạnh hoặc nhẹ.

6. Vị trí Pây Snenh trong dàn nhạc

Pây Snenh là nhạc khí của Nam giới, thường là của mục đồng dùng để gọi trâu bò quay về Phuôm Sróc trên cánh đồng bao la. Trong đời sống hàng ngày, Pây Snenh còn dùng để thông tin hoặc báo động khi có sự cố trong Phum Sróc. Ngày nay, Pây Snenh không có tác dụng xã hội nữa. Ngày xưa, nó có tác dụng thiết thực trong lúc lạc nhau khi đi săn trong rừng, dùng để gọi tìm nhau hoặc gọi voi về làng.

7. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á và thế giới

Tương tự với Pây Snenh, trên thế giới có nhiều dân tộc có nhạc khí giống thế. Người Môrơ có Olifaut, người Dogon ở Badiagare có Kanbomo (là loại Tù và dài gồm có 3 sừng con linh dương

cắm nối với nhau). Dân tộc Eđê có Kypa, người Do Thái cổ có Shofar ....

3.3.2. PÂY SLÂC

1. Giới thiệu sơ lược

Pây Slâc còn gọi là kèn lá, là nhạc khí dân gian thuần túy rất được ưa thích ở nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long. Pây Slâc thường dùng để độc diễn trong lúc nhàn rỗi sau buổi lao động mệt nhọc. Mục đồng rất ưa thích.

2. Xếp loại

Pây Slâc là nhạc khí hơi môi *(môi búp)* của dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long ; Một số dân tộc thiểu số vùng cao nguyên Việt Nam cũng có sử dụng.

3. Hình thức - Cấu tạo

Pây Slâc là một loại lá thiên nhiên, thường là lá đa. Người ta lấy lá uốn cong vào một nửa thành hình vuông-tròn phía đuôi, đặt vào miệng thổi. Âm thanh phát ra mạnh nhẹ tùy theo lực thổi; người thổi có thể diễn tấu những bài bản của mình ưa thích được phát ra từ chiếc lá.

4. Màu âm

Âm sắc của kèn lá réo rắt, trong sáng, du dương. Âm thanh nghe như tiếng sáo diều; mức độ truyền cảm tùy theo khả năng điêu luyện của người thổi. Có khi trầm lắng, có khi cao vút thánh thót như tiếng chim.

5. Kỹ thuật diễn tấu

Người diễn tấu đặt lá đã uốn cong vào mép môi trên để thổi, âm thanh phát ra do sự rung động của lá tiếp xúc với môi qua lực thổi. Có thể diễn tấu bất cứ bản nhạc nào mà mình yêu thích.

6. Vị trí Pây Slâc trong dàn nhạc

Pây Slâc thường được dùng để độc diễn trong lúc nhàn rỗi sau buổi lao động mệt nhọc trên đồng ruộng. Các mục đồng người Khmer rất thích sử dụng vì tiện lợi và phù hợp với môi trường sống trong lúc thảnh thơi ngồi trên lưng trâu.

7. Các nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Ở một số dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên *(Việt Nam)* cũng có sử dụng kèn lá như người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

CHƯƠNG IV

NHẠC KHÍ MÀNG RUNG
NHẠC KHÍ TỰ THÂN VANG

4.1. NHẠC KHÍ MÀNG RUNG

4.1.1. NHẠC KHÍ MÀNG RUNG GÕ

4.1.1.1. SKÔ YEAM

1. Giới thiệu sơ lược

Skô Yeam là loại trống lớn nhất của người Khmer. Âm thanh to, trầm và vang xa. Trong dàn nhạc trống lớn (Skô Thum), Skô Yeam đóng vai trò rất quan trọng trong lúc diễn tấu làm lễ, hoặc trong thời gian nhập hạ của các vị sư. Skô Yeam thường được đánh từ 4-5 giờ chiều và từ 4-5 giờ sáng để

quy y Phật. Trùng với giờ thức dậy ra đồng áng và trở về nhà lúc chiều tối của dân làng. Mỗi nhịp trống là thể hiện sự rung động cảm xúc. Mặt lớn có âm trầm, mặt nhỏ có âm thanh bổng hơn.

2. Xếp loại

Skô Yeam là nhạc khí màng rung gõ đã có từ rất lâu đời của dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long. Skô Yeam là trống không định âm, một số nước Đông Nam Á và thế giới cũng có loại trống tương tự.

3. Hình thức - cấu tạo

Skô Yeam có hình dáng gần giống trống Samphô của người Khmer Nam Bộ nhưng kích thước, chiều dài và chiều ngang lớn hơn. Thân trống làm từ loại gỗ quí như : cẩm lai, thốt nốt hoặc mít .... Thân trống có 2 mặt bên lớn, bên nhỏ được bịt bằng da trâu hoặc da bò, đóng bằng đinh tre hoặc gỗ, có 2 dùi bằng gỗ, đầu dùi được đẽo tròn

như đầu sọ khỉ dùng để đánh trống. Thân dùi làm từ gỗ tốt, nặng để tạo lực khi đánh, giúp cho tiếng trống vang xa, khỏe mạnh. Mặt trống có đường kính khoảng 1,20m, thân trống cao khoảng 1,50m, ở giữa phình ra.

4. Màu âm

Skô Yeam là loại trống lớn nhất của người Khmer. Âm thanh to, trầm và vang xa. Trong dàn nhạc Skô Thum, Skô Yeam đóng vai trò rất quan trọng trong lúc diễn tấu làm lễ tang, mỗi nhịp trống là sự thể hiện sự rung động cảm xúc xót thương của người thân đối với người quá cố. Mặt lớn có âm trầm, mặt nhỏ âm thanh bổng hơn.

5. Kỹ thuật diễn tấu

Skô Yeam thường được cất giữ trong chùa của người Khmer Nam Bộ. Skô Yeam có nhiều tác dụng trong đời sống cộng đồng dân tộc Khmer Nam Bộ, như : buổi sáng trước khi bình minh lên, nhà

chùa đánh các hồi trống để báo thức cho mọi người ra đồng. Trống Yeam cũng được sử dụng trong các lễ hội truyền thống dân tộc tại các ngôi chùa người Khmer. Trong lễ tang, trống được mang từ chùa đến nơi đó để đánh, đôi khi chỉ có trống mà thôi, không có dàn nhạc Skô Thum.

6. Một số nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Tương tự với Skô Yeam, các dân tộc khác cũng đều có nhiều loại trống bịt da với nhiều kích cỡ khác nhau. Một số trống có hình dáng giống như Skô Yeam như : trống Sấm, trống Đại (dân tộc Kinh), trống ODAIKO (Nhật Bản), ... một số dân tộc Tây Nguyên cũng có các loại trống bịt da, nhưng hình thức cấu tạo có nhiều điểm khác biệt.

4.1.1.2. SKÔ THUM

1. Giới thiệu sơ lược

Skô Thum là loại trống lớn, dùng trong tổ chức dàn nhạc PưnPét (dàn nhạc ngũ âm) của dân tộc Khmer Nam Bộ. Skô Thum luôn luôn được sử dụng một cặp (2 cái) khi hòa tấu trong dàn nhạc PưnPét. Skô Thum do người Khmer Nam Bộ chế tạo ra theo phương pháp cổ truyền từ lâu đời.

2. Xếp loại

Skô Thum là nhạc khí màng rung gõ của dân tộc Khmer Nam Bộ. Là thành viên không thể thiếu trong tổ chức dàn nhạc ngũ âm. Một số dân tộc khác cũng có loại trống tương tự.

3. Hình thức - Cấu tạo

Skô Thum có hình thức cấu tạo giống như Skô Yeam nhưng kích thước nhỏ hơn. Thân trống

được làm từ gỗ mít hoặc gỗ thốt nốt, ở giữa phình ra. Hai mặt trống bịt bằng da trâu, da bò hoặc da kỳ đà. Hai mặt trống có đường kính khoảng 40cm, thân trống cao khoảng 50cm. Cặp dùi trống làm từ gỗ tốt, chắc nặng để tạo lực cho trống vang xa. Cặp dùi trống dài khoảng 30cm, có 2 đầu vuốt tròn.

4. Màu âm

Tiếng trống Skô Thum khỏe, trầm, vang xa. Một trống có âm trầm và một có âm bổng. Khi diễn tấu, hai âm trầm và bổng hòa quyện với nhau làm tăng hiệu quả của dàn nhạc PưnPét.

5. Kỹ thuật diễn tấu

Nghệ nhân dùng hai dùi gỗ để đánh trống. Trước khi diễn tấu, hai trống được đặt trên một giá đỡ, nằm song song với nhau. Skô Thum thường được mở đầu cho dàn nhạc hòa tấu bằng một hồi trống dài, sau đó làm nhiệm vụ phần đệm tiết tấu cho cả dàn nhạc. Trước khi kết thúc bản hòa tấu, là

một hồi trống dài của Skô Thum, cũng như tạo cao trào cho dàn nhạc. Hai âm trầm bổng của Skô Thum được đánh đan xen đều đặn với nhau, tạo nên hiệu quả đặc biệt thú vị của dàn nhạc PưnPét.

6. Vị trí Skô Thum trong dàn nhạc

Skô Thum là nhạc khí có mặt xuyên suốt trong tất cả mọi dàn nhạc PưnPét ở các ngôi chùa cũng như ở Phum Sróc hoặc tại dàn nhạc PưnPét của các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp dân tộc Khmer đồng bằng sông Cửu Long. Hiện nay, ở một số dàn nhạc PưnPét, đôi khi không đủ biên chế theo quy định (như thiếu Côồng Vôông Thum, thiếu Srolay Pưnpét ...) nhưng nhất thiết phải có mặt của cặp Skô Thum mới diễn tấu được.

7. Các nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Hầu hết các dân tộc trên thế giới đều có trống bịt da, nhưng kích cỡ khác nhau, hình thức cấu

tạo cũng có những đặc điểm khác biệt với Skô Thum của dân tộc Khmer Nam bộ.

4.1.2. NHẠC KHÍ MÀNG RUNG VỖ

4.1.2.1. SKÔ CHHAY DZĂM

1. Giới thiệu sơ lược

Skô Chhay Dzăm là một loại trống không định âm, được đánh bằng tay của dân tộc Khmer Nam Bộ có từ lâu đời. Trống Chhay Dzăm là nhạc khí dùng trong các lễ hội truyền thống dân tộc hoặc sinh hoạt văn hóa dân gian, rất phổ biến và được yêu thích trong các Phum Sróc người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Xếp loại

Skô Chhay Dzăm là nhạc khí màng rung vỗ do người Khmer sáng tạo ra. Ở một số nước Đông

Nam Á cũng có nhạc khí tương tự với Skô Chhay Dzăm như : Ở Campuchia, Thái Lan, Mianmar, Ấn Độ, nhưng cấu tạo có khác đôi chút.

3. Hình thức - Cấu tạo

Skô Chhay Dzăm có hình dáng giống như Skô Day (một loại trống tay) nhưng kích cỡ lớn và dài hơn. Thân Skô Chhay Dzăm được làm từ loại gỗ nhẹ như: gỗ mít và có độ cộng hưởng tốt để tạo âm thanh vang xa khi diễn tấu. Đầu thân trống hình tròn, được bịt bằng da trâu, bò. Da trống được căng bằng dây mây, thân trống dài, gần cuối thắt nhỏ lại, cuối thân trống phình to như loa kèn. Toàn thân Skô Chhay Dzăm có hình dáng giống như hoa muống. Phía trên nơi tiếp giáp với mặt trống được khoác lên một dải lụa màu sắc sặc sỡ nhằm tạo thêm vẻ thẩm mỹ cho trống Chhay Dzăm. Hai đầu thân trống có mắc sợi quay mang làm bằng vải dầy, chắc để nhạc công mang vào vai trong lúc biểu diễn.

4. Màu âm

Trước khi biểu diễn, người ta chỉnh âm từng chiếc trống Chhay Dzăm để cho mỗi chiếc trống có một âm sắc trầm bổng khác nhau bằng cách : dùng cơm tán nhuyễn với tro đắp lên mặt trống một khoảng thời gian, tạo cho mỗi trống có một âm thanh khác nhau. Skô Chhay Dzăm có âm thanh giòn giã, trầm ấm, êm tai. Skô Chhay Dzăm thường diễn tấu những tiết tấu nhanh, vui, nhộn nhịp, hào hứng. Tiết tấu của Skô Chhay Dzăm thường được hòa chung với một vài nhạc khí khác như : Chzap, Krap, Côông Môôn.

5. Kỹ thuật diễn tấu

Người biểu diễn mang Skô Chhay Dzăm bằng dây vải máng chéo trên vai, dùng hai bàn tay để đánh vào mặt trống. Mỗi đội trống gồm 4 người, mỗi người diễn tấu một trống với tiết tấu đồng bộ nhau. Người biểu diễn trống Chhay Dzăm vừa đánh trống vừa nhảy múa với những động tác linh hoạt,

mạnh mẽ, sôi động. Đồng thời, người biểu diễn cũng vừa đánh trống vừa di chuyển trong những dịp lễ hội truyền thống dân tộc như : lễ dâng bông, lễ diễu hành, và một số lễ hội khác với niềm hân hoan bất tận.

6. Vị trí trống Chhay Dzăm trong dàn nhạc

Skô Chhay Dzăm thường biểu diễn cùng lúc 4 trống với 4 người sử dụng, không biểu diễn một mình. Cùng diễn tấu với trống Chhay Dzăm thường có nhạc khí Chzap, Krap, Côông Môôn. Đôi khi cùng múa phụ họa với trống Chhay Dzăm còn có nhân vật khỉ (mặt nạ) nhằm tăng thêm tính phong phú, hấp dẫn cho cuộc biểu diễn. Tiết tấu là yếu tố chính của Skô Chhay Dzăm, có nhiều âm hình tiết tấu đa dạng và phong phú.

7. Các nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Tương tự với trống Chhay Dzăm, có các loại trống bịt một mặt da ở các nước như : Trống

Djembe (Tây Phi), trống Darabukka (khối Ả Rập), trống ATumpan (Tây Phi), một số nước khu vực Đông Nam Á cũng có nhạc khí giống như trống Chhay Dzăm như ở Campuchia, Thái Lan, Lào ... Nhưng có biến đổi chút ít qua quá trình cải tiến và nhu cầu thẩm mỹ từng vùng, từng khu vực.

4.1.2.2. SKÔ SAMPHÔ

1. Giới thiệu sơ lược

Skô Samphô là nhạc khí màng rung vỗ nằm trong biên chế chính thức của dàn nhạc PưnPét (dàn nhạc ngũ âm) của dân tộc Khmer Nam Bộ. Trống Samphô có hai mặt da được đặt trên giá đỡ khi diễn tấu. Trống Samphô được du nhập vào Việt Nam (cùng với dàn nhạc PưnPét) và trở thành nhạc khí của dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Xếp loại

Skô Samphô là nhạc khí màng rung vỗ (loại hai mặt) từ rất lâu đời của dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời ở một số nước Châu Á cũng có loại trống hai mặt như Samphô nhưng kích cỡ có khác nhau chút ít.

3. Hình thức - Cấu tạo

Skô Samphô là loại trống có một thân tròn hình ống (gỗ đục lòng), ở giữa phình to, hai đầu hơi múp (một đầu to, một đầu nhỏ hơn). Đường kính mặt lớn 26 cm, mặt nhỏ 24 cm. Hai đầu có bịt hai mặt da bò hoặc da ngựa, hai mặt được căng bằng sợi dây da hoặc dây mây từ mặt này đến mặt kia, thuận lợi trong việc tăng giảm âm sắc. Ngoài ra, muốn cho mặt trống được căng có âm thanh vang xa, người ta dùng "cơm Samphô" đắp lên mặt trống trước khi diễn tấu.

4. Màu âm

Trước khi diễn tấu, người ta lấy một cục cơm nhúng nước trộn với tro bóp nhuyễn (gọi là "cơm Samphô") bịt lên hai mặt trống làm cho da căng lên tạo âm thanh thêm giòn giã, vang xa. Phần mặt trống to có âm thanh đục, trầm ấm ; phần mặt nhỏ có âm thanh giòn giã, vang xa. Ngoài ra còn được tạo ra "Âm câm" bằng cách đập mạnh và giữ yên bàn tay trên mặt trống, làm cho âm thanh bị ngắt, tạo ra tiếng "Păc păc".

5. Kỹ thuật diễn tấu

Skô Samphô được đặt nằm ngang trên một giá đỡ riêng, nghệ nhân dùng tay trái đánh phần đầu to, tay phải đánh phần đầu nhỏ. Có các kỹ thuật diễn tấu thông dụng như sau :

• ***Tay trái*** : - Vỗ vào giữa mặt trống tạo âm thanh trầm ấm.

- Đập và úp bàn tay trên mặt trống tạo âm thanh "câm".

• ***Tay phải*** : - Vỗ vào giữa mặt trống tạo âm thanh dòn dã, vang xa.

- Đập và úp bàn tay trên mặt trống tạo âm thanh "câm".

Skô Samphô có vai trò chính về tiết tấu, nhịp điệu, tiết phách cho cả dàn nhạc PưnPét lúc diễn tấu.

6. Vị trí trống Sam Phô trong dàn nhạc

Skô Samphô có một vai trò rất quan trọng không thể thiếu được trong tổ chức dàn nhạc, ngũ âm. Chức năng chính của Skô Samphô thường được đánh mở đầu về tiết tấu và nhịp độ cho cả dàn nhạc hòa theo. Trong lúc hòa tấu, Skô Samphô đóng vai trò dẫn dắt về nhịp điệu (tăng hoặc giảm Tempo) trong suốt quá trình diễn tấu một bản nhạc. Ngoài ra nó còn có chức năng xác định các nhịp chuẩn

(nhịp đơn, nhịp kép ...) và sự chuyển đoạn các bài hòa tấu.

7. Các nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Tương tự với Skô Samphô, dân tộc Kinh có trống Phạn cổ, trống Phong yêu (hai mặt da) một vài dân tộc Tây Nguyên có trống Hơgơr Tăp hoặc Hơgơr Păh (mang trước ngực để đánh), ở Indonêxia có trống Kendang, Nigeria có trống Kalangu, Ấn Độ có trống Mrdanga ... nhưng hình dáng, cấu tạo và kích cở có những điểm khác biệt với trống Samphô.

4.1.2.3. SKÔ ĐAY

1. Giới thiệu sơ lược

Skô Đay có 2 loại : trống Cái và trống Đực (Skô Đay Nhi và Skô Đay Chmôl). Skô Đay là nhạc

khí màng rung vỗ (một mặt da) của dân tộc Khmer Nam Bộ, đã có từ rất lâu đời.

Skô Đay là nhạc khí tham gia vào một vài tổ chức dàn nhạc của người Khmer, rất phổ biến đối với mọi người Khmer trong những ngày lễ hội truyền thống, lễ cưới, lễ cúng thần, hoặc sử dụng để tham gia vào sinh hoạt, múa hát Aday, múa dân gian tập thể trong các Phum Sróc tại vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Xếp loại

Skô Đay là nhạc khí màng rung vỗ loại một mặt trống, phổ biến của người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời ở một số nước khác ở Châu Á cũng có, được nhập vào Việt Nam và trở thành nhạc khí của người Khmer Nam bộ.

3. Hình thức, cấu tạo

Skô Đay là loại trống chỉ bịt một mặt da. Thân được làm từ gỗ có độ dẻo dai và nhẹ, được

đục lòng. Đầu thân hình tròng giống như quả bí đỏ, thân tròn hình ống có đuôi xòe như hoa muống. Đường kính đầu thân trống khoảng 15cm, chiều dài thân trống khoảng 40 cm. Mặt trống làm bằng da thỏ, rắn hoặc trăn, được căng bằng dây da hoặc dây mây ngang phần đầu trống và thắt lại.

4. Màu âm

Skô Đay có âm thanh giòn giã, trong trẻo, êm tai. Âm thanh của Skô Đay là những tiết tấu linh hoạt, bay bổng hòa quyện với dàn nhạc làm tăng nguồn hưng phấn cho các tiết mục ca, múa hoặc hòa tấu.

5. Kỹ thuật diễn tấu

Lúc diễn tấu, nghệ nhân thường đặt trống trên đùi, hoặc cặp nách để đánh. Nghệ nhân dùng tay trái cặp trống, ngón cái tì mặt trống, còn 4 ngón kia dùng để gõ vào mặt trống. Bên phải được sử dụng nguyên bàn tay để diễn tấu chủ lực ở mọi tốc độ, cường độ khác nhau.

Tiết tấu của Skô Đay rất phong phú, có thể tham gia diễn tấu ở nhiều thể loại nhạc khác nhau như : đệm cho hát, múa, hòa tấu nhạc cụ ... diễn đạt mọi tính chất tình cảm, vui tươi hoặc hài hước, dí dỏm.

6. Vị trí Skô Đay trong dàn nhạc

Skô Đay tham gia trong tổ chức dàn nhạc truyền thống dân tộc Khmer như : Dàn nhạc lễ cưới, dàn nhạc cúng thần, dàn nhạc Khmer, dàn nhạc Môhôri, dàn nhạc đệm cho hát múa "Aday đối đáp" nam nữ, dàn nhạc đệm cho múa dân gian, múa tập thể ... Đặc biệt, trong dàn nhạc cúng thần (Arăk), người ta thường sử dụng 2 Skô Đay có kích cỡ lớn nhằm tăng thêm hiệu quả của dàn nhạc.

7. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Tương tự với Skô Đay, ở một số nước trên thế giới, có : Trống Djembe (Châu Phi), trống Darabukka (khối Ả Rập), trống Bồng (Việt Nam), trống Samphô (Campuchia).

4.2. NHẠC KHÍ TỰ THÂN VANG

4.2.1.1. RÔNEAT EK

1. Giới thiệu sơ lược

Rôneat Ek là một nhạc khí có tầm âm cao nhất (âm Ek) trong tổ chức dàn nhạc PưnPet (dàn nhạc ngũ âm) của dân tộc Khmer Nam Bộ. Đây là một loại nhạc khí không thể vắng mặt trong dàn nhạc ngũ âm, bởi nó đóng vai trò chủ lực về diễn tấu giai điệu trong dàn nhạc. Cũng như nó luôn có mặt trong dàn nhạc Môhôri, dàn nhạc LaKhône Bassăk.

2. Xếp loại

Rôneat Ek là nhạc khí tự thân vang gõ của người Khmer Nam Bộ. Đây là loại nhạc khí gõ (Rôneat), thuộc một trong năm chất liệu để cấu thành dàn nhạc ngũ âm (gồm : đồng, sắt, gỗ, da và hơi).

3. Hình thức - Cấu tạo

Rôneat Ek là nhạc khí tự thân vang gõ do có các thanh âm được dùng dùi gõ để phát ra âm thanh, Rôneat Ek có 21 thanh âm làm bằng tre già, mỗi thanh âm hình chữ nhật, chiều dài từ 25 - 36 cm, chiều rộng khoảng 5 cm. Tất cả các thanh âm được kết xâu với nhau thành một chuỗi, mắc vào hai đầu của thùng đàn. Ngày nay, các thanh âm có thể được làm bằng gỗ chắc, có độ vang tốt. Các thanh âm có chiều rộng bằng nhau, nhưng ngắn dần từ âm trầm đến âm bổng. Thanh âm trầm nhất (nốt Fa) : dài 36 cm, các thanh âm ngắn dần đến thanh âm thứ 21 (nốt Mi) : dài 25 cm. Đôi khi do thanh âm trầm nhất (nốt Fa) vang không chuẩn xác, nên người ta không sử dụng nữa.

Thùng được đóng bằng gỗ tốt như : gỗ bên, gỗ cẩm lai ... Chiều dài thùng đàn : 1,10 – 1,20cm, chiều ngang : 10 – 12 cm. Thùng đàn có hình thù như chiếc thuyền ngo uốn cong (thường được gọi là

đàn thuyền) phía dưới thùng đàn có một chân to nằm giữa, đỡ cho đàn đứng vững khi diễn tấu.

4. Màu âm - tầm âm

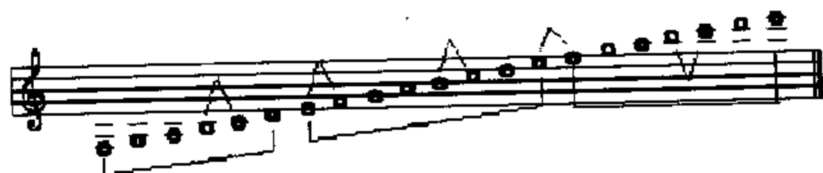
Đàn Rôneat Ek có âm sắc réo rắt, giòn giã, vang xa. Để tạo cho các thanh âm được chuẩn xác, người ta có dán bột chì pha sáp (gọi là prômô) ở hai đầu thanh âm, để có thể tăng giảm cao độ theo ý muốn. Tùy theo góc độ tham gia tổ chức trong các dàn nhạc, đàn Rôneat Ek được sử dụng thang âm, điệu thức khác nhau. Tầm cử Rôneat Ek khoảng 3 quãng 8.

• Thang âm tự nhiên (Diatonique) trong dàn nhạc "Môhôri" và "Pưnpet" :



Khoảng âm thấp giữa cao

• Thang âm trong dàn nhạc sân khấu Dù Kê (LaKhône Bassăk) :



5. Kỹ thuật diễn tấu

Nghệ nhân dùng cặp dùi để gõ vào các thanh âm. Cặp dùi làm từ gỗ hoặc tre, hai đầu dùi có hình lục lăng để tạo độ vang khi gõ vào các thanh âm. Người ta sử dụng 2 loại dùi : Trong dàn nhạc Pưnpet, đầu dùi giữ nguyên độ cứng nhằm tạo cho âm thanh trong trẻo, giòn giã, vang xa. Sử dụng trong dàn nhạc Môhôri, đầu dùi được quấn quanh bằng một sợi chỉ pha với một loại keo (Kao Leak) cho dính chặt để có độ mềm nhằm tạo cho âm thanh êm ái, du dương có sức truyền cảm. Kỹ thuật đặc biệt của đàn Rôneat Ek là sử dụng hai dùi đánh

đồng âm quãng 8 đúng hoặc đánh quãng 4, quãng 5, quãng 6 và Trémolo ở những nốt ngân dài.

6. Vị trí đàn Rôneat Ek trong dàn nhạc

Đàn Rôneat Ek là nhạc khí chủ đạo trong dàn nhạc Pưnpet và dàn nhạc Môhôri. Ngoài ra, còn có mặt trong dàn nhạc sân khấu Dù Kê Khmer Nam Bộ với thang âm cải tiến. Ngày nay, Rôneat Ek được sử dụng để độc tấu, hòa tấu hoặc đệm cho các tiết mục ca, múa trên sân khấu nghệ thuật chuyên nghiệp của nghệ thuật quần chúng dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

7. Các nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Tương tự với Rôneat Ek, ở một vài nước Đông Nam Á cũng có nhạc khí giống như vậy, nhưng có một số đặc điểm khác biệt co quá trình cải tiến ở từng vùng, từng khu vực. Ở Tây Phi có đàn Balo, Indonexia có đàn Gender, Châu Âu có đàn Marimba (theo hệ thống bình quân luật)....

4.2.1.2. RÔNEAT THUNG

1. Giới thiệu sơ lược

Rôneat Thung là nhạc khí tự thân vang gõ, nằm trong biên chế dàn nhạc Pưnpet (dàn nhạc ngũ âm) của dân tộc Khmer Nam Bộ, đồng thời cũng có mặt trong dàn nhạc Môhôri, dàn nhạc LaKhône Bassăk. Rôneat Thung rất phổ biến trong đời sống cộng đồng người Khmer Nam bộ.

2. Xếp loại

Rôneat Thung là nhạc khí tự thân vang gõ của người Khmer Nam Bộ. Đây là loại nhạc khí gõ (Rôneat), thuộc một trong năm chất liệu để cấu thành dàn nhạc ngũ âm (gồm : đồng, sắt, gỗ, da và hơi).

3. Hình thức - cấu tạo

Rôneat Thung có 16 thanh âm làm bằng gỗ, mỗi thanh âm hình chữ nhật, chiều dài từ 30-40 cm,

chiều rộng khoảng 5 m. Tất cả các thanh âm được kết xâu với nhau thành một chuỗi, mắc vào hai đầu của thùng đàn. Các thanh âm có chiều rộng bằng nhau, nhưng chiều dài ngắn dần từ âm trầm đến âm bổng. Thanh âm trầm nhất (nốt Rê) : dài 40 cm, thanh âm cao nhất (thanh âm thứ 16) nốt Mi: dài 25 cm. Các thanh âm của Rôneat Thung có độ dầy hơn thanh âm của Rôneat Ek và thấp hơn một quãng 8 đúng.

Thùng đàn làm bằng gỗ chắc như : mít, cẩm lai, thao lao ... thùng đàn hình chữ nhật đáy bằng, chiều dài : 97cm, chiều ngang : 26cm, hai bên thùng đàn có 4 chân dính liền với thân đàn. Nghệ nhân dùng cặp dùi để gõ tạo ra âm thanh. Dùi được làm từ tre hoặc gỗ, đầu dùi to hình lục lăng, có quấn một lớp vải mỏng nhằm làm cho âm thanh trầm ấm, mềm mại, truyền cảm.

4. Màu âm - tầm âm

Đàn Rôneat Thung có hiệu quả thực tế thấp hơn đàn Rôneat Ek một quãng 8.

Rôneat Thung có âm thanh trầm ấm, mềm mại, sâu lắng, không vang bằng Rôneat Ek. Để tạo cho các thanh âm được chuẩn xác, người ta có dán sáp chì (Prômô) ở hai đầu thanh âm, để có thể tăng giảm cao độ theo ý muốn. Tùy theo góc độ tham gia vào các tổ chức dàn nhạc, đàn Rôneat Thung có thanh âm, điệu thức khác nhau. Tầm cữ của Rôneat Thung có 2 quãng 8.

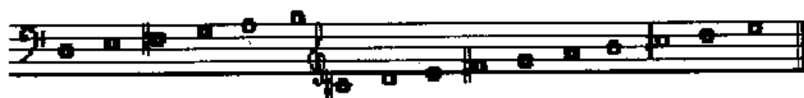
• Thang âm trong dàn nhạc "Pưnpet" và "Môhôri" cổ điển



• Thang âm trong dàn nhạc "Pưnpet" và "Môhôri" ngày nay



• Thang âm trong dàn nhạc LaKhône Bassăk.



5. Kỹ thuật diễn tấu

Nghệ nhân dùng 2 dùi để gõ vào các thanh âm. Rôneat Thung không đánh đồng âm quãng 8 như Rôneat Ek, mà đánh từng âm rời, thường sử dụng kỹ thuật Trémôlo quãng 3,4,5,6 ở những nốt có trường độ ngân dài. Chức năng của đàn Rôneat Thung là vừa chuyển tấu giai điệu, vừa làm nền bè trầm (Basse) cho Rôneat Ek và cả dàn nhạc, làm cho hiệu quả diễn tấu được đầu đặn, hài hòa, giàu sức diễn cảm.

6. Vị trí đàn Rôneat Thung trong dàn nhạc

Đàn Rôneat Thung là nhạc khí có vai trò quan trọng trong các tổ chức dàn nhạc Pưnpet, dàn nhạc Môhôri, dàn nhạc LaKhône Bassăk. Rôneat Thung luôn có mặt bên cạnh Rôneat Ek, được xem là một cặp "song hành" trong các tổ chức dàn nhạc của dân tộc Khmer.

Ngoài ra, Rôneat Thung cũng tham gia để đệm cho các tiết mục ca múa trên sân khấu nghệ thuật chuyên nghiệp, nghệ thuật quần chúng của dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

7. Các nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Tương tự với Rôneat Thung, ở một vài nước Đông Nam Á cũng có nhạc khí giống như vậy, nhưng có một số đặc điểm khác biệt do quá trình

cải tiến ở từng vùng, từng khu vực. Ở Tây Phi có đàn Balo, Indonesia có đàn Gender, Châu Âu có đàn Marimba (theo hệ thống bình quân luật) ...

4.2.1.3. RÔNEAT ĐEK

1. Giới thiệu sơ lược

Rôneat Đek là nhạc khí tự thân vang gõ của người Khmer Nam Bộ. Đây là một loại nhạc khí nằm trong biên chế của dàn nhạc Pưnpet (dàn nhạc ngũ âm).

Rôneat Đek còn có tên gọi là Rôneat Thônh, Rôneat Meás, đã có từ trước thời đại Ăngkor trong dàn nhạc Pưnpet (có hình điêu khắc trên đá của đền Ăngkor). Được du nhập vào Việt Nam và trở thành nhạc khí của người Khmer Nam Bộ.

2. Xếp loại

Rôneat Đek là nhạc khí tự thân vang gõ của người Khmer Nam Bộ. Đây là loại nhạc khí gõ (Rôneat) thuộc một trong năm chất liệu để cấu thành dàn nhạc ngũ âm (gồm : đồng, sắt, gỗ, da và hơi).

3. Hình thức - cấu tạo

Rôneat Đek là nhạc khí tự thân vang gõ do có các thanh âm được dùng dùi gõ để phát ra âm thanh. Rôneat Đek có 21 thanh âm làm từ chất liệu sắt pha đồng, mỗi thanh âm hình chữ nhật, chiều rộng bằng nhau khoảng 4cm, chiều dài từ 23 – 30cm. Các thanh âm ngắn dần từ âm trầm đến âm bổng. Thanh âm trầm nhất (nốt Fa) : dài 23cm, các thanh âm ngắn dần đến thanh âm thứ 21 (nốt Mi) : dài 30cm.

Thùng đàn được đóng bằng gỗ chắc, hình chữ nhật, hai bên thùng có 4 chân đứng. Thùng đàn có chiều dài 90cm, chiều ngang 18cm. Dùi được làm từ gỗ chắc hoặc tre già, đầu dùi to hình lục lăng, khi gõ tạo ra âm thanh réo rắt, trong trẻo, chói sáng như tiếng chuông ngân.

4. Màu âm - tầm âm

Rôneat Đek có âm sắc réo rắt, trong trẻo, chói sáng như tiếng chuông ngân, ở gần nghe tưởng

nhỏ nhưng thực tế âm thanh vang rất xa. Thanh âm được sắp xếp theo hệ thống 7 cung đều. Khi bị lệch âm, người ta chỉnh lý bằng cách mãi dũa hai đầu thanh âm cho chuẩn xác. Âm thanh thực tế của Rôneat Đek cao hơn Rôneat Ek một quãng 8 đúng.

• Thang âm tự nhiên (Diatonique cổ điển)



5. Kỹ thuật diễn tấu

Khi diễn tấu, nghệ nhân dùng cặp dùi bằng gỗ, hai đầu to hình tròn để gõ. Thời xưa, đôi lúc người ta dùng dùi bằng sắt để gõ, nhưng âm thanh rất chói tai, tiếng đàn nghe không rõ ràng nên ngày nay không còn dùng nữa. Kỹ thuật chủ yếu của đàn Rôneat Đek cũng giống như Rôneat Ek, tức là luôn sử dụng hai dùi đánh đồng âm quãng 8 đúng, hoặc

đánh quãng 4, 5, 6 và Trémôlô ở những nốt ngân dài.

6. Vị trí đàn Rôneat Đek trong dàn nhạc

Đàn Rôneat Đek luôn có mặt trong dàn nhạc Pưnpet, giữ vai trò diễn tấu giai điệu và pha màu với các nhạc khí khác, tạo nên âm thanh tổng hợp hài hòa của dàn nhạc ngũ âm truyền thống. Đối với nghệ thuật sân khấu LaKhône Bassăk thì Rôneat Đek ít được sử dụng do âm sắc dị biệt và kém linh hoạt so với Rôneat Ek và Rôneat Thung.

7. Các nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Tương tự với Rôneat Đek, ở một vài nước Đông Nam Á cũng có nhạc khí giống như vậy, nhưng có những đặc điểm khác biệt do quá trình cải tiến từng vùng, từng khu vực. Ở Châu Âu có các nhạc khí tự thân vang gõ với các thanh âm bằng kim loại như Xylophone, Glocken Spiel, Marimba (sắp xếp theo hệ thống Bình quân luật).

4.2.1.4. KÔÔNG VÔNG TÔCH

1. Giới thiệu sơ lược

Kôông Vông Tôch là nhạc khí tự thân vang gõ trong dàn nhạc Pưnpet (dàn nhạc ngũ âm) của dân tộc Khmer Nam Bộ và một vài nước Đông Nam Á.

Kôông Vông Tôch được du nhập từ Ấn Độ vào Việt Nam, Campuchia, Thái Lan, Miến Điện trong dàn nhạc Pưnpet. Qua quá trình tồn tại và phát triển, Kôông Vông Tôch trở thành nhạc khí phổ biến của dân tộc Khmer Nam Bộ với tư cách là thành viên trong tổ chức dàn nhạc ngũ âm.

2. Xếp loại

Kôông Vông Tôch là nhạc khí tự thân vang gõ, không thể thiếu được trong dàn nhạc Pưnpet. Đây là nhạc khí gõ thuộc một trong năm chất liệu để cấu thành dàn nhạc ngũ âm (gồm : đồng, sắt, gỗ, da và hơi).

3. Hình thức cấu tạo

Kôông Vông Tôch là cồng nhỏ, gồm 16 chiếc cồng có nấm, được chế tác tự bằng chất liệu đồng thau hoặc đồng pha gang. Mỗi chiếc cồng có nấm, dày mỏng khác nhau. Thân cồng có khoét 4 lỗ để xỏ dây, xâu lại một vòng cung từ âm thấp đến âm cao, từ lớn đến nhỏ dần. 16 chiếc cồng được mắc trên một dàn đỡ làm bằng mây uốn cong hình bán nguyệt, nghệ nhân ngồi giữa vành cung để diễn tấu. Đường kính chiếc cồng to nhất khoảng 19cm, nhỏ nhất khoảng 15cm. Cặp dùi bằng gỗ, dài khoảng 14cm, đầu dùi được làm bằng da trâu, bò hoặc voi có hình tròn và dẹp để đánh tạo âm sắc, lung linh, chói sáng và vang rất xa. Ở hai đầu vòng cung có gắn 2 miếng ván có chạm trổ họa tiết, gọi là "Khôl" hoặc "Kbăng".

4. Màu âm - Tầm âm

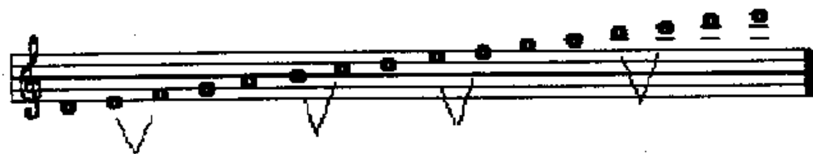
Kôông Vông Tôch có âm thanh trong trẻo, lung linh, chói sáng và ngân vang như tiếng chuông.

Tầm âm thực tế của Kôông Vông Tôch cao hơn 1 quãng 8 đúng so với Kôông Vông Thum. Nhằm đảm bảo cho âm thanh được chuẩn về cao độ, trong mỗi nấm cồng, người ta dán vào đó một loại sáp chì (Prômô) để có thể điều chỉnh âm sắc, cao độ theo ý muốn.

• Thang âm trong dàn nhạc Pưnpet cổ điển :



• Thang âm trong dàn nhạc Pưnpet ngày nay :



5. Kỹ thuật diễn tấu

Khi diễn tấu, nghệ nhân ngồi xếp chân ở giữa vành cung, cầm 2 dùi để đánh.

Kỹ thuật phổ biến của Kôông Vông Tôch là diễn tấu giai điệu đồng âm với Rôneat Ek. Một vài kỹ thuật thường được sử dụng là : Vuốt âm, Trémolo 2 nốt các quãng 3,4,5,6 và 8 ở các nốt ngân dài. Đàn Kôông Vông Tôch rất linh hoạt, có thể diễn tấu được hầu hết các bài bản từ chậm rãi, du dương, trữ tình đến những làn điệu nhanh vui, rộn rã, hào hứng. Kôông Vông Tôch là nhạc khí chủ lực về màu sắc, kim loại trong dàn nhạc ngũ âm.

6. Vị trí Kôông Vông Tôch trong dàn nhạc

Kôông Vông Tôch là nhạc khí không thể thiếu được trong dàn nhạc Pưnpet và dàn nhạc Khlon Khech (dàn nhạc lễ tang). Âm sắc của Kôông Vông Tôch (chất liệu đồng) là một trong 5 âm sắc đặc thù tạo nên yếu tố đặc sắc của dàn nhạc ngũ âm. Nếu như trong hoàn cảnh khách quan nào đó, dàn nhạc ngũ âm có thể vắng mặt Srolay Pưnpet hoặc Kôông Vông Thum, nhưng riêng

Kôông Vông Tôch nhất thiết phải có mặt thì dàn nhạc mới hội đủ điều kiện để có thể diễn tấu được theo quy định.

7. Các nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Ở một số nước Đông Nam Á như: Campuchia, Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ cũng có nhạc khí tương tự như Kôông Vông Tôch, nhưng có khác về mức độ cải tiến thang âm, điệu thức. Ở Indonesia có đàn Bonang, cấu tạo bằng những chiếc cồng có nấm để gõ, nhưng chỉ có 10 chiếc cồng, xếp thành 2 dãy trên một giá đỡ nằm ngang.

4.2.1.5. KÔÔNG VÔNG THUM

1. Giới thiệu sơ lược

Kôông Vông Thum là nhạc khí tự thân vang gõ trong dàn nhạc Pưnpet (dàn nhạc ngũ âm) của

dân tộc Khmer Nam Bộ và một vài nước Đông Nam Á.

Kôông Vông Thum được du nhập từ Ấn Độ vào Việt Nam, Campuchia, Thái Lan, Miến Điện .... Qua quá trình tồn tại và phát triển, Kôông Vông Thum trở thành nhạc khí phổ biến của dân tộc Khmer Nam Bộ với tư cách là thành viên trong tổ chức dàn nhạc ngũ âm.

2. Xếp loại

Kôông Vông Thum là nhạc khí tự thân vang gõ, là biên chế chính thức trong dàn nhạc Pưnpet. Đây là nhạc khí gõ thuộc một trong 5 chất liệu để cấu thành dàn nhạc ngũ âm (gồm : đồng, sắt, gỗ, da và hơi).

3. Hình thức - Cấu tạo

Kôông Vông Thum là cồng lớn, gồm 16 chiếc cồng có nấm như Kôông Vông Tôch nhưng có đường kính to hơn. Được chế tác bằng chất liệu

đồng thau hoặc đồng pha gang. Mỗi chiếc cồng có nấm, dày mỏng khác nhau thân cồng có khoét 4 lỗ để xỏ dây, xâu lại thành mộg vòng cung từ âm thấp đến âm cao, từ lớn đến nhỏ dần. 16 chiếc cồng được mắc trên một dàn đỡ làm bằng mây uốn cong hình bán nguyệt, nghệ nhân ngồi giữa vành cung để diễn tấu. Đường kính chiếc cồng to nhất khoảng 22cm, nhỏ nhất khoảng 16cm. Cặp dùi bằng gỗ, dài khoảng 14cm, đầu dùi được làm bằng da trâu, bò hoặc voi có hình tròn và dẹp để đạnh tạo âm sắc lung linh, chói sáng và vang rất xa. Ở hai đầu vòng cung có gắn 2 miếng ván có chạm trổ họa tiết, gọi là “Khôl” hoặc “Kbăng”.

4. Màu âm - Tầm âm

Kôông Vông Thum có âm thanh dòn dã, lung linh, chói sáng và vang xa như tiếng chuông. Tầm âm thực tế của Kôông Vông Thum thấp hơn Kôông Vông Tôch một quãng 8 đúng. Nhằm đảm bảo cho âm thanh được chuẩn xác, trong mỗi nấm cồng,

người ta dán vào đó một loại sáp chì (Prômô), để có thể điều chỉnh âm sắc, cao độ theo ý muốn.

• Thang âm trong dàn nhạc Pưnpet cổ điển :



• Thang âm trong dàn nhạc Pưnpet ngày nay :



5. Kỹ thuật diễn tấu

Khi diễn tấu nghệ nhân ngồi xếp chân ở giữa vành cung, cầm hai dùi để đánh.

Kỹ thuật phổ biến của Kôông Vông Thum là diễn tấu giai điệu đồng âm với Kôông Vông Tôch,

thường dùng kỹ thuật Trémolo 2 nốt các quãng 3,4,5 và 6 ở các nốt ngân dài. Kôông Vông Thum còn có vai trò làm nền hòa âm bè trầm (Basse) cho dàn nhạc.

6. Vị trí của Kôông Vông Thum trong dàn nhạc

Kôông Vông Thum là nhạc khí biên chế chính thức trong dàn nhạc Pưnpet, có vai trò diễn tấu giai điệu và làm nền hòa âm bè trầm cho dàn nhạc. Kôông Vông Thum là cặp "song hành" với Kôông Vông Tôch.

7. Các nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Ở một số nước Đông Nam Á như: Campuchia, Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ cũng có nhạc khí tương tự như Kôông Vông Thum, nhưng có khác về mức độ cải tiến thang âm, điệu thức. Ở Indonesia có đàn Bonang, cấu tạo bằng những chiếc cồng có

nấm để gõ như Kôông Vông Thum, nhưng chỉ có 10 cồng, xếp thành 2 dãy trên một giá đỡ nằm ngang.

4.2.1.6. KHMUỐS

1. Giới thiệu sơ lược .

Khmuốs là nhạc khí tự thân vang của dân tộc Khmer Nam Bộ. Đây là nhạc khí có chất liệu hoàn toàn bằng kim lỏại, có hình dáng như cồng chiêng của các dân tộc Tây Nguyên (Việt Nam) và một số nước láng giềng như Campuchia, Lào, Thái Lan, Miến Điện, Malaysia, Philippin, Indonesia ... Về phương pháp diễn tấu và mục đích sử dụng ở mỗi nơi mỗi khác, song nhìn chung đều có những yếu tố cơ bản giống nhau là được chế tác bằng đồng pha và có hình dáng, cấu trúc tương đối thống nhất. Dân tộc Việt có nhạc khí tương tự như Khmuốs là Thanh

la. Theo GSTS Trần Văn Khê : "Thanh la sử dụng trong đạo Phật ...".

Khmuốs được du nhập vào Nam Bộ từ rất lâu đời và trở thành nhạc khí của dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Xếp loại

Khmuốs là nhạc khí tự thân vang gõ của dân tộc Khmer và một số dân tộc Tây Nguyên. Khu vực Đông Nam Á cũng có loại nhạc khí tương tự.

3. Hình thức - Cấu tạo

Khmuốs được chế tác bằng hợp kim (đồng thau, đồng thiếc) có pha chì. Hình dáng giống như chiếc cồng, chiêng không có núm, mặt phẳng hơi phồng, có thành cạnh và không định âm. Mặt Khmuốs là trung tâm phát âm, thành cạnh làm tăng độ vang của âm thanh. Thành cạnh Khmuốs có dùi 2 lỗ để xỏ dây quai. Khmuốs có nhiều cở to nhỏ

khác nhau. Khmuốs tại Bảo tàng văn hóa Khmer tỉnh Sóc Trăng có đường kính 40 cm.

4. Màu âm

Khmuốs có âm thanh vang rền, trong trẻo, vang rất xa. Người ta dùng dùi làm từ gỗ, đầu dùi tròn có quấn vải chắc để tạo âm thanh êm tai gọi là "Onh lôn kbal sva".

5. Kỹ thuật diễn tấu

Nghệ nhân dùng một tay cầm quai, một tay cầm dùi để đánh. Có 2 tình huống tạo ra âm thanh khác nhau : Đánh thẳng vào giữa mặt Khmuốs, âm thanh ngân rung tự do, gọi là "âm mẫu" (dùng trong dàn nhạc LaKhône Bassăk và dàn nhạc lễ cưới), đặc biệt là hòa với Skô Lôô làm nền cho các vai diễn về vũ đạo trong nghệ thuật sân khấu LaKhône Bassăk. Ngoài ra, người ta còn tạo ra âm "câm" bằng cách : nghệ nhân cầm dây quai, dùng các ngón tay nắm chặt cạnh thành Khmuốs, khi dùng

dùi để đánh, âm thanh giảm bớt độ rung động, tạo từng âm ngắt quãng theo tiết tấu của dàn nhạc (thường ở phách mạnh).

6. Vị trí Khmuốs trong dàn nhạc

Khmuốs là nhạc khí sử dụng trong dàn nhạc lễ cưới của dân tộc Khmer Nam Bộ. Đây là nhạc khí dễ sử dụng nên rất phổ biến trong hoạt động văn nghệ quần chúng của đồng bào dân tộc tại vùng đồng bằng sông Cửu Long.

7. Các nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Tương tự với Khmuốs, ở Tây Nguyên có các loại cồng, chiêng (không núm), thanh la, đồng la (dân tộc Việt). Một số nước Đông Nam Á cũng có nhạc khí tương tự nhưng kỹ thuật diễn tấu, mục đích sử dụng có những điểm khác biệt.

4.2.1.7. KÔÔNG MÔÔN

1. Giới thiệu sơ lược

Kôông Môôn là nhạc khí tự thân vang, loại không định âm của dân tộc Khmer Nam Bộ và nhiều dân tộc Việt Nam. Kôông Môôn có hình dáng như chiếc cồng nhỏ, có nấm ở giữa. Kôông Môôn là nhạc khí phổ biến và gắn chặt với nền văn hóa cổ truyền của dân tộc Khmer Nam Bộ như trong lễ hội đua thuyền Ngo, múa dân gian, múa trống Chhay Dzăm. Loại có kích thước lớn hơn gọi là Kôông Skô .

2. Xếp loại

Kôông Môôn và Kôôn Skô là nhạc khí tự thân vang gõ phổ biến của người Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu long và một số nước Châu Á .

3. Hình thức - cấu tạo

Kôông Môôn là một chiếc cồng nhỏ có núm ở giữa, được chế tác bằng đồng thau hoặc hợp kim đồng thiếc (giống như một chiếc cồng của nhạc khí Kôông Vông Tôch) chung quanh chiếc cồng có bờ gọi là thành, đường kính khoảng 15cm. Trên thành cồng có khoét hai lỗ tròn để xỏ dây đai, dùng dùi gõ để đánh tạo ra âm thanh "Môôn Môôn". Kôông Skô có kích thước lớn hơn, đường kính khoảng 40 cm.

4. Màu âm

Kôông Môôn và Kôông Skô có âm sắc trong trẻo, tiếng vang xa. Thường đánh ở phách mạnh hoà với trống Chhay Dzăm , hoặc với tiếng tu huýt trong cuộc đua ghe Ngo truyền thống làm tăng khí thế, sự hưng phấn của mọi người trong cuộc đua.

5. Kỹ thuật diễn tấu

Nghệ nhân dùng một tay cầm quai, một tay cầm dùi vừa đánh vừa múa Kôông Môôn chỉ đánh từng âm một ở phách mạnh hòa với tiết tấu trống Chhay Dzăm trong lúc biểu diễn. Ngoài ra, Kôông Môôn còn được sử dụng trong lễ hội đua ghe Ngo truyền thống của dân tộc tỉnh Sóc Trăng và một số tỉnh khác trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Tiết tấu của Kôông Môôn đồng bộ với tiếng tu huýt và nhịp bơi của từng chiếc thuyền Ngo trong cuộc đua truyền thống .

6. Vị trí Kôông Môôn trong dàn nhạc

Kôông Môôn là nhạc khí phổ biến trong các buổi biểu diễn múa trống Chhay Dzăm, các cuộc đua ghe Ngo truyền thống. Kôông Môôn có vai trò đánh giữ nhịp, nhấn mạnh tiết tấu, tạo cao trào trong các cuộc biểu diễn và thi đấu. Kôông Môôn chỉ do một người đánh, tiết tấu đơn giản dễ sử dụng.

7. Các nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Tương Tự với Kôông Môôn, ở mọi nước Đông Nam Á đều có các nhạc khí Cồng, Chiêng. Ở Indonesia có Gong Ageng, Kông Vông ở Lào, Kông Vông Yai và Kông Vông Lơk ở Thái Lan, Ky Wang ở Thái Lan, Chanang ở Malaixia, Agung ở Philippine, Kông Thum và Kông Tôch ở Campuchia.

4.2.1.8. KRAP

1. Giới thiệu sơ lược

Krap là nhạc khí tự thân vang của dân tộc Khmer Nam Bộ. Có 4 loại Krap : Krap Chhay Dzăm, Krap Cái, Krap Đực và Krap dàn nhạc Môhôri. Mỗi loại Krap có cấu tạo và chức năng sử dụng riêng trong các tổ chức dàn nhạc và thể loại

ca, múa, nhạc của người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Xếp loại

Krap là nhạc khí tự thân vang đập do người Khmer Nam Bộ sáng tạo ra, rất phổ biến trong sinh hoạt văn hóa nghệ thuật của người Khmer.

Krap là dụng cụ đánh nhịp sử dụng trong biểu diễn âm nhạc, cũng như trong các tiết mục ca, múa, nhạc tổng hợp của người Khmer. Các dân tộc khác cũng có nhạc khí tương tự.

3. Hình thức - cấu tạo

* *Krap Chhay Dzăm* : Làm từ thân tre, gồm hai thanh tre dẹt dùng để chập vào nhau tạo âm thanh. Hai thanh tre là hai lá phách, có chiều dài khoảng 25cm. Krap Chhay Dzăm sử dụng trong múa trống Chhay Dzăm.

* *Krap Cái (Krap Nhye) :* Làm từ vỏ sò, khoét lỗ giữa vỏ sò, dùng loại dây đàn hồi cột hai mặt ngoài vỏ sò vào nhau.krap này dành cho phái nữ sử dụng.

* *Krap Đực (Krap Chmôl) :* Làm từ gỗ hoặc tre già, gồm hai lá phách một dài, một ngắn. Lá phách dài có gắn những đồng tiền. Có một thanh gỗ tròn dài, khắc xoay quanh như lưỡi khoan để vuốt vào hai lá phách tạo ra âm thanh. Krap này do nam sử dụng.

* *Krap Môhôri :* Làm từ hai thanh gỗ, được quấn bên ngoài một mảnh đồng. Một đầu cột vào nhau. Tay phải cầm phách gõ vào bàn tay trái, đập xuống đùi cho hai phách chạm nhau tạo ra âm thanh theo tiết tấu của bản nhạc.

4. Màu âm

Âm thanh của Krap nói chung giòn giã, thanh thoát được sử dụng một cách linh hoạt theo từng

tính chất của bản nhạc. Lúc đánh nhanh rộn rã, vui tươi, lúc chậm rãi, trong trẻo, truyền cảm. Krap có nhiệm vụ giữ nhịp cho dàn nhạc, làm tăng màu sắc âm thanh và hiệu quả diễn tấu.

5. Kỹ thuật diễn tấu

• Krap Chhay Dzăm : Nghệ nhân vừa đánh Krap vừa múa trong đội hình múa trống Chhay Dzăm.

• Krap Nhye được sử dụng vừa đánh vừa múa trong tiết tấu nhạc.

• Krap Chuôl được Nam sử dụng vừa gõ vừa vuốt theo tiết tấu nhạc.

• Krap Môhôri sử dụng trong dàn nhạc Môhôri : Nghệ nhân một tay cầm phách đập vào tay kia, đập xuống đùi tạo tiết tấu theo bản nhạc đang hòa tấu.

6. Vị trí Krap trong dàn nhạc

Krap (phách) của dân tộc Khmer phong phú, đa dạng được phổ biến rộng rãi trong đời sống cộng đồng. Ngoài việc tham gia trong tiết mục múa trống Chhay Dzăm, trong dàn nhạc Môhôri, còn được sử dụng trong các thể loại ca, múa dân gian, trong dàn nhạc sân khấu Dù Kê (LaKhône Bassăk).

7. Các nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á và các nước

Tương tự với Krap dân tộc Việt có Phách, sênh sứa, sênh tiền ; ở Indonesia có mõ bằng gỗ : Kentongan, ở Philippine có mõ bằng tre : BenTong Ngung, ở Nam Mỹ có Claves, ở Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp có Zilli Masa, Sistrum (giống Krap Chuôl).

4.2.1.9. LÔÔ

1. Giới thiệu sơ lược

Lôô là nhạc khí tự thân vang gõ của dân tộc Khmer Nam Bộ. Khi sử dụng trong dàn nhạc Dù Kê (LaKhône Bassăk) người ta gọi là "Lôô". Chất liệu và hình dáng cấu tạo giống như Khmuốs.

2. Xếp loại

Lôô là nhạc khí tự thân vang gõ không định âm được phổ biến trong các đoàn Dù Kê không chuyên tại các Phum sróc của người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời cũng có mặt ở một bài dàn nhạc Lakhône Bassăk chuyên nghiệp của người Khmer.

3. Hình thức - Cấu tạo

Lôô được chế tác bằng thau hoặc hợp kim đồng thiếc, có hình tròn, ở giữa phồng lên, chung quanh có bờ gọi là thành về chất liệu và hình thức

cấu tạo thì Lôô và Khmuốs giống như nhau, không có gì khác. Mặt Lôô có bán kính khoảng 25 cm, thành Lôô sâu khoảng 2 cm, có khoét hai lỗ tròn để xỏ dây quai. Dùi làm bằng gỗ, đầu dùi có quấn vải mềm nhằm làm cho âm thanh bớt chói tai.

4. Màu âm

Lôô có âm sắc ngân vang, đánh giữa mặt Lôô âm thanh nghe đầy, đánh cạnh mặt Lôô âm thanh nghe chát chúa, chói tai. Âm sắc của Lôô thường hòa chung với chhưng trong lúc diễn tấu với dàn nhạc, nhưng tiết tấu của Lôô chậm hơn ...

5. Kỹ thuật diễn tấu

Nghệ nhân một tay cầm dây quai, một tay cầm dùi để đánh. Tiết tấu của Lôô thường chậm hơn chhưng, thông thường tiết tấu của Lôô chỉ một nữa của chhưng : khi chhưng đánh hai nhịp thì Lôô đánh một nhịp.

6. Vị trí Lôô trong dàn nhạc

Lôô là nhạc khí được sử dụng trong dàn nhạc nghệ thuật sân khấu Dù Kê (Lakhône Bassăk) của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long.

Trong diễn tấu, Lôô được sử dụng trong lúc chuẩn bị mở màn, báo hiệu mở màn và đóng màn sân khấu, diễn tấu cho các cảnh biểu diễn và vũ đạo, đấu võ thuật hoặc cảnh ra vào của các viễn viên trên sân khấu.

7. Các nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Ở các nước Châu Á cùng nhạc khí tương tự, như : Campuchia, Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ, Việt Nam ... Nhưng mục đích sử dụng có khác nhau.

4.2.1.10. T'RO ĐÔÔT

1. Giới thiệu sơ lược

T'ro Đôôt là nhạc khí tự thân vang, không định âm có từ lâu đời của dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

T'ro Đôôt là nhạc khí được sử dụng trong đời sống, sinh hoạt và lao động sản xuất của người Khmer. Ngày nay không còn phổ biến do sự phát triển của xã hội.

2. Xếp loại

T'ro Đôôt là nhạc khí tự thân vang gõ, không định âm của người Khmer Nam Bộ.

3. Hình thức - Cấu tạo

T'ro Đôôt có hình ống, làm bằng tre hoặc gỗ, loại thân bằng tre người ta cắt một lóng tre (cả hai đầu đốt tre), nếu bằng gỗ thì được ruột, chiều dài

khoảng 50 cm, đầu thân T'ro Đôôt được khoét khuyết một lỗ hình tam giác khoảng một phần ba bán kính của thân, ở giữa thân được khoát một đường hình chữ nhật dài khoảng trên một gang tay, để âm thanh phát ra.

Người ta dùng dùi gỗ hoặc tre để gõ, tạo ra âm thanh. Thời xưa, mọi nhà trong Phum sróc đều có treo T'ro Đôôt nhằm để báo động hoặc thông tin khi hữu sự. T'ro Đôôt cũng thường được treo ở những bến đò ngang để làm tín hiệu khi sang sông.

Ngày nay, do xã hội phát triển nên T'ro Đôôt trở thành vật lưu niệm, không còn sử dụng nữa.

4.2.1. NHẠC KHÍ TỰ THÂN VANG LỰC GIÓ

4.2.1.1. EK KHLENG

1. Giới thiệu sơ lược

Ek Khleng là một nhạc khí tự thân vang của dân tộc Khmer Nam Bộ, loại nhạc khí không định âm.

Đây là một loại nhạc khí trong trò chơi giải trí dân gian dân tộc, còn gọi là "Diều - Ek" hoặc "Diều Thửng".

2. Xếp loại

Ek Khleng là nhạc khí tự thân vang sức gió, là một loại trò chơi giải trí dân gian phổ biến ở nông thôn của người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

3. Hình thức - cấu tạo

Ek Khleng có thân được làm từ loại tre dẻo, uốn cong hình con diều, trên thân gắn một loại dăm

làm từ lá thốt nốt hoặc mây vuốt mỏng, có hai đầu tròn được cột sợi chỉ vào thân diều. Giữa hai đầu dăm có cục sáp để cân bằng dăm tạo độ rung khi có lực gió tác động vào, phát ra âm thanh. Kích thước của dăm tùy thuộc vào cở lớn nhỏ của thân diều.

4.Màu âm

Ek Khleng có âm thanh du dương, êm tai, dìu dặt, tạo cảm giác yên ả, thanh bình nơi đồng quê.

4.2.2. NHẠC KHÍ TỰ THÂN VANG ĐẬP

4.2.2.1. CHHƯNG

1. Giới thiệu sơ lược

Chhưng là nhạc khí tự thân vang đập phổ biến của người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long. Một số nước Đông Nam Á và thế giới cũng có loại nhạc khí tương tự nhưng sử dụng trong những mục đích và dàn nhạc khác nhau.

2. Xếp loại

Chhưng là nhạc khí tự thân vang đập phổ biến của người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long. Một số nước Đông Nam Á và thế giới cũng có loại nhạc khí tương tự nhưng sử dụng trong những mục đích và dàn nhạc khác nhau.

3. Hình thức - cấu tạo

Chhưng làm bằng hợp kim đồng thau hoặc đồng thiếc. Gồm hai chiếc bằng nhau có hình dáng

vung tròn như chiếc đĩa nhỏ ở giữa có núm, giữa núm có khoét lỗ nhỏ để xỏ dây dài khoảng 20cm cột vào hai đầu dây. Thân Chhưng có đường kính khoảng 20cm.

4. Hình thức - Cấu tạo

Âm thanh Chhưng ngân vang như tiếng chuông, đánh mạnh vang xa nhưng rất chói tai. Chhưng có hai âm sắc :

- Âm "Chhấp" : Đập hai chiếc vào nhau và giữ yên, âm thanh vang lên và bị ngắt ngay.
- Âm "Chhưng" : Đập hai chiếc lệch nhau, âm sắc vang lên và ngân dài. Hai âm sắc nay luôn xen kẽ với nhau trong lúc diễn tấu.

5. Kỹ thuật diễn tấu

· Nghệ nhân dùng hai tay cầm hai dây trên núm Chhưng, đập hai mặt vào nhau tạo ra âm thanh.

Kỹ thuật đánh thẳng góc và chập vào nhau tạo âm "Chhấp", đánh chéo, rời hai chiếc với nhau tạo âm "Chhưng".

6. Vị trí Chhưng trong dàn nhạc

Chhưng là nhạc khí luôn có mặt trong dàn nhạc Pưnpet, dàn nhạc Môhôri, dàn nhạc lễ cưới. Người ra còn tham gia với các dàn nhạc đệm cho các tiết mục ca, múa, nhạc dân gian dân tộc ; trong biểu diễn nghệ thuật quần chúng và sân khấu nghệ thuật chuyên nghiệp của dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

7. Các nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Nhiều nước trên thế giới có nhạc khí tương tự với Chhưng, như ở Trung Quốc, Campuchia, Lào, Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ, Indonesia, Việt Nam, nhạc khí này có vai trò gõ nhịp phân câu trong các dàn nhạc của mỗi nước.

4.2.2.2. CHHAP

1. Giới thiệu sơ lược

Chhap là nhạc khí tự thân vang của dân tộc Khmer Nam Bộ và một số nước Châu Á.

Chhap rất phổ biến trong sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật, lễ hội của người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Xếp loại

Chhap là nhạc khí tự thân vang đập phổ biến của người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Chhap được du nhập vào Việt Nam từ rất lâu đời và trở thành nhạc khí của người Khmer Nam Bộ.

3. Hình thức, cấu tạo

Chhap có hình dáng giống như Chhưng nhưng có kích thước lớn hơn. Chhap làm bằng hợp kim đồng thau hoặc đồng thiếc, gồm hai chiếc bằng nhau có hình dáng vung tròn như chiếc dĩa lớn, ở

giữa có nấm được khoét lỗ để xỏ dây. Có hai loại Chhap : Chhap nhỏ và Chhap lớn.

4. Màu âm

Chhap có âm thanh vang, to, ngân rền. Khi đánh mạnh chát chúa, chói tai.

5. Kỹ thuật diễn tấu

Nghệ nhân dùng hai tay cầm dây hai chiếc Chhap đập vào nhau tạo ra âm thanh.

Có hai cách đánh tạo ra hai âm sắc khác nhau.

Chập thẳng hai chiếc vào nhau và giữ yên tạo ra âm "Chhap" đánh chéo, lệch hai chiếc với nhau tạo âm "Chhil".

Chhap lớn được sử dụng trong dàn nhạc sân khấu LaKhône Bassăk, Chhap nhỏ sử dụng trong dàn nhạc Chhay Dzăm.

6. Những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á

Nhiều nước trên thế giới có nhạc khí tương tự như Chhap nhưng được sử dụng trong những hoàn cảnh khác nhau như : Campuchia, Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ, Indonexia, Việt Nam.

KẾT LUẬN

Chúng ta đang xây dựng một nền văn hóa thống nhất và đa dạng. Thống nhất theo những định hướng xã hội chủ nghĩa. Đa dạng theo đặc điểm lịch sử và bản sắc của từng cộng đồng trong 54 dân tộc và tộc người trên đất nước Việt Nam. Nghiên cứu và giới thiệu các nền văn hóa tiêu biểu của những cộng đồng trong các thành phần dân tộc và tộc người ấy, là trách nhiệm của các nhà nghiên cứu văn hóa học và những ngành có liên quan.

Trong vài thập kỷ gần đây, đặc biệt là kể từ sau khi thống nhất đất nước, đã có nhiều công trình nghiên cứu khảo sát các mặt trong đời sống tinh thần và vật chất của dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Nhưng về lĩnh vực âm nhạc chưa có một công trình nghiên cứu nào mang tính hệ thống chuyên sâu.

Có thể cảm nhận một cách sâu sắc rằng người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long rất nhạy cảm với âm nhạc, họ luôn gìn giữ môi trường âm nhạc như nhịp đập của ý tưởng, của trái tim. Các ý tưởng đó không chỉ diễn tả bằng lời ca, điệu múa mà còn bằng âm thanh của các nhạc khí được gìn giữ từ ngàn đời qua nhiều thế hệ. Nghệ thuật âm nhạc của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long đã bám chặt vào cuộc sống hàng ngày, có mặt trong mọi khía cạnh của sinh hoạt Phum sróc. Trong lao động sản xuất, trong tình yêu đôi lứa, trong tôn giáo - tín ngưỡng, phong tục - tập quán, đám cưới, đám tang, lễ hội truyền thống của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long đều được đánh dấu bằng âm nhạc.

Trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, người Khmer Nam Bộ có những sáng tạo riêng, đặc thù và tiêu biểu. Những biểu hiện về nghệ thuật kiến trúc qua những ngôi chùa cổ kính với phong cách

độc đáo và đạt đến cái tinh vi của đường nét, hình khối (tiếp thu tinh hoa văn hóa Ấn Độ và nền văn minh ĂngKor). Các làn điệu dân ca qua giao lưu văn hóa mà tạo thành, trên cơ sở sáng tạo theo tâm lý cộng đồng và bản sắc dân tộc. Kho tàng văn hóa nghệ thuật dân gian vô cùng phong phú, độc đáo và đa dạng được thể hiện trong các lĩnh vực : kiến trúc, điêu khắc, hội họa, trang trí, âm nhạc, sân khấu, ca, múa, văn hóa dân gian ... Tạo nên những dáng vẻ và sự hấp dẫn, độc đáo riêng, định hình một thế đứng trong cái đa dạng của nền văn hóa chung các dân tộc Việt Nam. Đặc biệt, kho tàng nhạc khí của người Khmer Nam Bộ vô cùng phong phú, đa dạng và độc đáo được kế thừa di sản do tổ tiên để lại. Song hiện nay nó đang có nguy cơ mai một dần theo thời gian bởi các trào lưu âm nhạc hiện đại. Đây cũng là một thực tế khách quan. Vấn đề của chúng ta hiện nay là làm sao gìn giữ, bảo tồn và phát huy các nhạc khí này trước những thử thách mới của thời đại.

Công trình nghiên cứu về nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ được trình bày trên đây chính là sản phẩm tinh thần của dân tộc Khmer đã và đang sinh sống trên mảnh đất đồng bằng sông Cửu Long trù phú qua hàng bao thế kỷ. Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ thể hiện tính cộng đồng rất cao, về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên trên nền tảng văn hóa dân gian mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước (cả văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần).

Trong xu thế phát triển chung của thời đại, loài người đã có những bước nhảy khổng lồ. Những thành tựu vượt bậc về khoa học công nghệ thông tin đã làm nảy sinh những phương thức sinh hoạt văn hóa mới thay thế cho những nội dung và hình thức văn hóa cũ đã lỗi thời. Vì vậy, nền văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ cũng đang đứng trước những thử thách mới. Kho tàng nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ nói chung có một giá trị lịch sử đối với nền văn hóa truyền thống Việt Nam. Nó đã góp phần làm

giàu thêm kho tàng âm nhạc Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời đã góp tiếng nói của mình phục vụ thiết thực đời sống văn hóa tinh thần của cả cộng đồng trong khu vực. Nhưng hiện nay, nhạc khí dân tộc Khmer đã có những biến đổi đáng kể do sự xâm nhập của các nền văn hóa ngoại lai. Nhiều loại nhạc khí đã bị thất lạc hoặc bị quên lãng chưa tìm ra được, một số nhạc khí tuy vẫn còn hiện hữu nhưng không có người kế thừa để sử dụng. Điều đó đã làm cho kho tàng nhạc khí dân tộc Khmer hiện nay bị lu mờ đến mức báo động.

Việc nghiên cứu sưu tầm, bảo tồn và phát huy các nhạc khí dân tộc Khmer là một đòi hỏi cấp bách của xã hội, nhất là đối với những người có trách nhiệm về kho tàng văn hóa Việt Nam nói chung trong giai đoạn hiện nay. Song song đó, chúng ta cần phải biết chắt lọc, tiếp thu những tinh hoa văn hóa thế giới và loại bỏ những yếu tố lỗi thời, lạc hậu không còn phù hợp với môi trường cuộc sống hiện nay.

Công trình nghiên cứu *"Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ"* sẽ góp phần vào việc tìm hiểu kho tàng nhạc khí cổ truyền của dân tộc Khmer tại vùng đất đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời cũng góp tiếng nói trong việc gìn giữ và phát huy kho tàng nhạc khí này trong xu thế phát triển chung của thời đại. Công trình này cũng có thể góp phần giúp thêm tài liệu học tập cho sinh viên, học sinh trong các trường âm nhạc, trường văn hóa - nghệ thuật, cũng như cho các nhà nghiên cứu về nhạc khí dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Dựa trên kết quả mà chúng tôi đã sưu tầm, nghiên cứu được trình bày trong công trình này. Xin nêu lên một số kết luận như sau :

1. Nhạc khí dân tộc Khmer đã trình bày ở trên cũng là những nhạc khí tiêu biểu kho tàng nhạc khí của dân tộc Khmer vùng Đồng bằng Nam Bộ Việt Nam. Đồng thời có một số nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á và các nước trên thế giới, nhưng có

những điểm khác biệt về hình thức cấu tạo, cách sử dụng, vị trí tham gia trong dàn nhạc ở từng vùng, từng dân tộc.

2. *Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ* được sắp xếp theo nguyên tắc phân loại nhạc khí của các nhà âm nhạc học Châu Âu đầu thế kỷ XX E.M.Hornbostel, C.Sachs và các nhà nhạc học khác, gồm 4 bộ lớn (trong mỗi bộ được phân theo từng nhóm riêng) :

- **Bộ dây** (Cordophone) : Có 3 nhóm chính :

• Nhóm nhạc khí dây gõ

• Nhóm nhạc khí dây gẩy.

• Nhóm nhạc khí dây kéo (cung vĩ).

- **Bộ hơi** (Aérophone) : Có 3 nhóm chính :

• Nhóm nhạc khí hơi lỗ thổi.

• Nhóm nhạc khí hơi dăm kép.

• Nhóm nhạc khí hơi môi (hơi búp).

- **Bộ màng rung** (Membranophone) : Có 2 nhóm chính :

• Nhóm nhạc khí mằng rung gõ.

• Nhóm nhạc khí màng rung vỗ.

- **Bộ tự thân vang** (Idiophone) : Có 2 nhóm chính :

• Nhóm nhạc khí tự thân vang gõ.

• Nhóm nhạc khí tự thân vang dập.

Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ rất phong phú về chủng loại, chất liệu chế tác, hình thức cấu tạo và âm sắc. Bộ tự thân vang có số lượng nhạc khí nhiều nhất : 13 nhạc khí, kế đến là bộ dây : 08 nhạc khí, bộ hơi : 07 nhạc khí và ít nhất là bộ màng rung : 05 nhạc khí.

3. Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ được trình bày trong sách gồm các phần như sau :

+ Lời giới thiệu.

+ Phần tài liệu chính được chia ra làm 4 chương:

• **Chương I** : Giới thiệu sơ lược về lịch sử nhạc khí truyền thống dân tộc Khmer Nam Bộ. Xếp loại các nhạc khí, các thuật ngữ, ký hiệu và các tổ chức dàn nhạc.

• **Chương II :** Giới thiệu 8 loại nhạc khí dây, trong đó có 2 nhạc khí dây gõ, 3 nhạc khí dây gẩy và 3 nhạc khí dây kéo cung vĩ.

• **Chương III** : Giới thiệu 7 loại nhạc khí hơi, trong đó có 2 nhạc khí hơi lỗ thổi, 3 nhạc khí hơi dăm kép và 2 nhạc khí hơi môi.

• **Chương IV** : Giới thiệu nhạc khí màng rung và nhạc khí tự thân vang.

Nhạc khí màng rung có 5 loại trống, trong đó có 2 nhạc khí màng rung gõ và 3 nhạc khí màng rung vỗ. Nhạc khí tự thân vang có 13 nhạc khí,

trong đó có 10 nhạc khí tự thân vang gõ, 2 nhạc khí tự thân vang dập và 1 nhạc khí nhờ sức gió.

+ Phần phụ lục âm nhạc : Gồm những trích đoạn các làn điệu âm nhạc dân gian truyền thống được sử dụng trong các tổ chức dàn nhạc dân tộc Khmer tại các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

+ Phần phụ lục hình ảnh : Gồm những hình ảnh hoạt động trên lĩnh vực văn hóa – nghệ thuật, lễ hội truyền thống của dân tộc Khmer đồng bằng sông Cửu Long.

+ Phần phụ lục về những nhạc khí tương tự ở Đông Nam Á và các nước trên thế giới.

4. Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ luôn gắn bó chặt chẽ với cuộc sống của mọi người Khmer trong từng phum sróc, là tiếng nói trong tâm tư, tình cảm và khát vọng vươn tới cái đẹp qua bao thế hệ. Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ là nguồn vui và hạnh phúc của mọi tầng lớp trong xã hội không

phân biệt tuổi tác già, trẻ, nam, nữ. Có những nhạc khí sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày là niềm vui trong lao động sản xuất (Pây Slâc, Ek Khleng), có loại nhạc khí cũng là phương tiện thông tin, tín hiệu (Pôông Snenh, Skô Yeam, T'ro Chôôt). Đặc biệt, những nhạc khí có vai trò quan trọng trong các lễ nghi, lễ hội truyền thống được sử dụng trong các tổ chức dàn nhạc dân tộc Khmer có một ý nghĩa sâu sắc và thiết thực trong đời sống cộng đồng hiện nay.

5. Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ biển hiện tính chất muôn màu muôn vẻ, sự phóng khoáng lạc quan yêu đời của người Khmer trên mảnh đất đồng bằng sông Cửu Long trù phú, mầu mỡ và tươi đẹp. Sự đa dạng của các tổ chức dàn nhạc với sự tham gia của một số nhạc khí cổ xưa mà nay vẫn còn sử dụng đã nói lên yếu tố kế thừa, tính truyền thống trong chiều dài lịch sử của dân tộc Khmer ở nơi đây. Xác định giá trị của một tiểu vùng văn hóa đặc

trưng thuộc nền văn minh lúa nước. Các tổ chức dàn nhạc hiện nay vẫn còn mang một tác dụng thiết thực trong đời sống của người Khmer như : Dàn nhạc Pưnpet, dàn nhạc Môhôri, dàn nhạc lễ cưới, dàn nhạc lễ tang ... Trong dàn nhạc sân khấu có : dàn nhạc LaKhône Bassăk, dàn nhạc Rôbăm, dàn nhạc dân tộc tổng hợp. Riêng dàn nhạc Skô Thum đã bị mai một, chỉ còn một địa phương duy nhất là huyện Tri Tôn (tỉnh An Giang) là còn sử dụng.

6. Hình thức, cấu tạo và âm sắc của các nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ biểu hiện tính đặc trưng rõ nét về yếu tố *"Đa âm sắc"*, dựa trên hệ thống 4, 5 và 6 cung ở hầu hết các nhạc khí cùng với những âm tô điểm, luyến láy quanh trục của âm chính tạo cho âm nhạc của người Khmer có vẻ đẹp bóng bẩy, mềm mại và truyền cảm. Hình thức, cấu tạo của từng nhạc khí, từng phím bấm, từng kỹ thuật diễn tấu đã tạo ra một dáng vẻ riêng, một *"Cái hồn"* riêng trên các cung bậc của thang âm dân tộc Khmer Nam Bộ.

7. Những làn điệu, bài bản của nhạc khí dân tộc Khmer được sắp xếp, phân chia rõ ràng theo từng góc độ, từng hoàn cảnh cụ thể khi tham gia vào các tổ chức dàn nhạc khác nhau như : Bài bản trong dàn nhạc Pưnpet luôn rộn rã, tưng bừng, tràn ngập không khí lễ hội. Bài bản trong dàn nhạc Khmer và dàn nhạc Môhôri có tính chất hoành tráng, giai điệu và tiết tấu phóng khoáng lạc quan, yêu đời bài bản trong dàn nhạc lễ cưới luôn chứa đựng niềm vui, niềm hạnh phúc, sức lan tỏa mạnh mẽ về nội tâm. Bài bản trong dàn nhạc Kloon Khech được chia thành hai dạng : một dạng với những làn điệu trang nghiêm, chậm rãi, đượm buồn trong nghi thức lễ tang. Một dạng với những giai điệu và tiết tấu nhanh, sôi động, phấn chấn sử dụng trong nghi thức đấu võ thuật truyền thống ... Đặc biệt về sân khấu, có hai loại dàn nhạc sử dụng những bài bản riêng cho từng loại hình nghệ thuật : Dàn nhạc LaKhône Bassăk (nghệ thuật sân khấu Dù Kê) được sử dụng khoảng 155 bài bản từ 4 loại

nhạc khác nhau như : Bài ca dòng Bassăk có 28 bài, bài ca từ dòng nhạc Quảng, Tiều có 22 bài, cùng một số bài bản đã được *"Khmer hóa"* từ các làn điệu du nhập từ Châu Á, Châu Âu. Dàn nhạc sân khấu Rôbăm với biên chế đơn giản gồm : Kèn Srolay Rôbăm, trống Sungphô, trống lớn và Côông, âm nhạc được diễn tấu cho hai tuyến nhân vật tiêu biểu là chính diện và phản diện (thiện và ác). Âm nhạc trong nghệ thuật Rôbăm được xử lý theo từng tình huống kịch (chủ yếu là phục vụ cho ngôn ngữ múa) như : vui, buồn, giận dữ, tình cảm hoặc giao đấu giữa nhân vật chính diện và phản diện.

8. Kể từ sau ngày miền Nam giải phóng, thống nhất đất nước - Nền nghệ thuật dân tộc Việt Nam nói chung và của dân tộc Khmer Nam Bộ nói riêng đã có những thành tựu đáng kể. Đặc biệt, đã có nhiều tác phẩm về thanh nhạc, khí nhạc của dân tộc Khmer ra đời trên sân khấu chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp. Đánh dấu một bước ngoặt

mới trong sự nghiệp phát triển nền âm nhạc dân tộc tại vùng đồng bằng sông Cửu Long. Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ đã được khai thác, sử dụng một cách hiệu quả. Ngoài việc được sử dụng trong các dàn nhạc truyền thống, các nhạc khí Khmer Nam Bộ còn được phát huy triệt để vai trò của mình ở các thể loại độc tấu, song tấu, tam tấu, hòa tấu ... Đặc biệt, nó còn được sử dụng trên sân khấu ca, múa, nhạc chuyên nghiệp ở các đoàn nghệ thuật Khmer một số tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra, một số nhạc khí Khmer Nam Bộ còn được khai thác tính năng để tham gia diễn tấu cùng với các nhạc cụ hiện đại phương Tây, mở ra một bước phát triển mới trong quá trình hội nhập - hài hòa giữa hai yếu tố dân tộc và hiện đại.

9. Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ đa dạng về chủng loại, phong phú về âm sắc, phức tạp về kỹ thuật kỹ xảo, đòi hỏi cần phải đào tạo một đội ngũ kế thừa cho tương lai bổ sung kịp thời lớp nghệ nhân đi trước đang bị mai một dần theo thời gian.

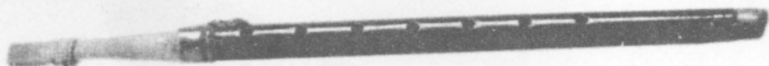
10. Dân tộc Khmer Nam Bộ gắn bó mật thiết với âm nhạc kể từ lúc mới chào đời cho đến khi giã từ trần thế. Vì vậy, âm nhạc luôn là tiếng nói, là hơi thở, là sự bộc bạch của niềm vui và hạnh phúc trong cuộc sống. Thông qua nghệ thuật biểu diễn nhạc khí, con người càng hiểu biết nhau hơn, các dân tộc trong cộng đồng càng xích lại gần nhau hơn. Dân tộc Khmer Nam Bộ luôn tự hào về kho tàng nhạc khí của mình, luôn ra sức bảo tồn và phát huy giá trị đó xứng đáng với niềm tin của bao thế hệ đi trước. Phấn đấu cùng với các dân tộc anh em trong đại gia đình dân tộc Việt Nam xây dựng và phát triển một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Công trình này chỉ là bước đầu tìm hiểu, nghiên cứu một cách khái quát về kho tàng nhạc khí dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long.

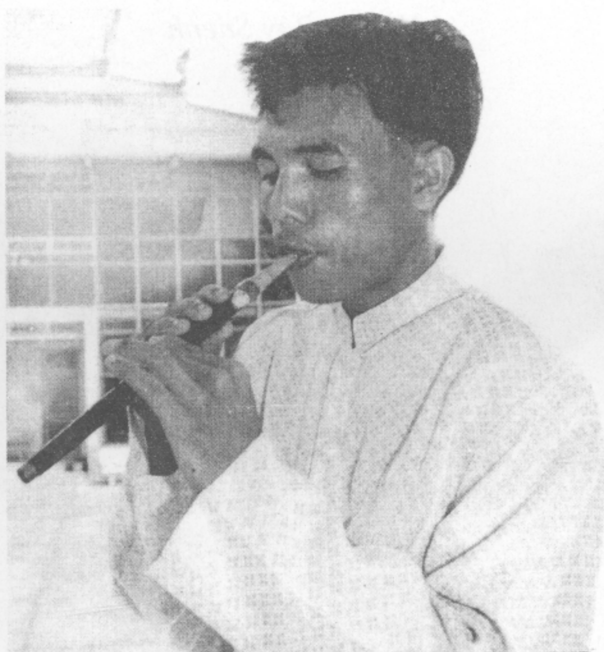
Chúng tôi hy vọng rằng việc xuất bản công trình sẽ góp phần hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, các

nhà nghiên cứu âm nhạc tham khảo khi tìm hiểu về kho tàng nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ. Tuy nhiên, vì là công trình nghiên cứu mang tính tổng thể về nhạc đàn của một dân tộc ít người trên vùng đất Nam Bộ rộng lớn, nên sẽ không tránh khỏi những khiếm khuyết, hạn chế nhất định. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các ý kiến nhận xét, phê bình và đóng góp của quý độc giả nhằm bổ sung, tu sửa cho hoàn chỉnh hơn trong các phiên bản sau này.

ẢNH PHỤ BẢN



Ảnh 25 : Pây O



Ảnh 26 : Diễn tấu Pây O



Ảnh 27 : Pây Snenh



Ảnh 28 : Phong cách diễn tấu Pây Snenh



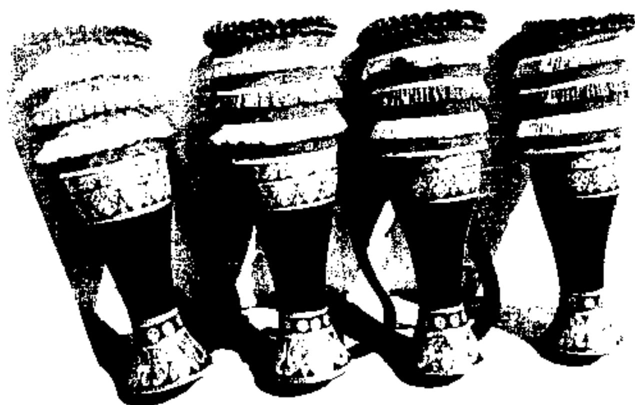
Ảnh 29 : Pây Slâc và phong cách diễn tấu



Ảnh 30 : Skô Yeam



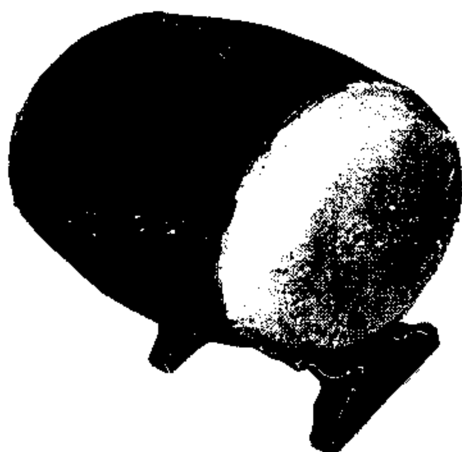
Ảnh 31 : Skô Thum và cách diễn tấu



Ảnh 32 : Trống Skô Chhay Dzăm



Ảnh 33 : Biển diễn trống Skô Chhay Dzăm



Ảnh 34 : Skô Samphô



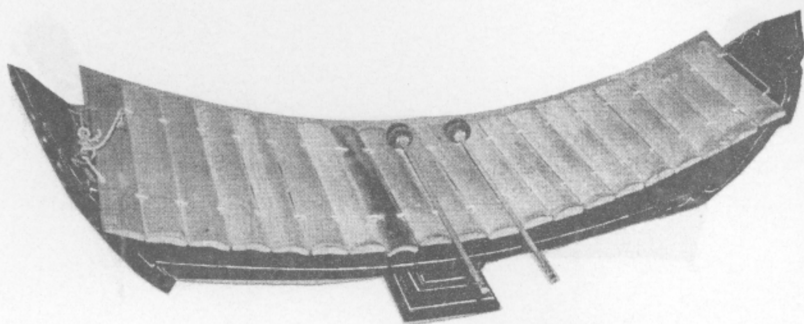
Ảnh 35 : Trình diễn Skô Samphô



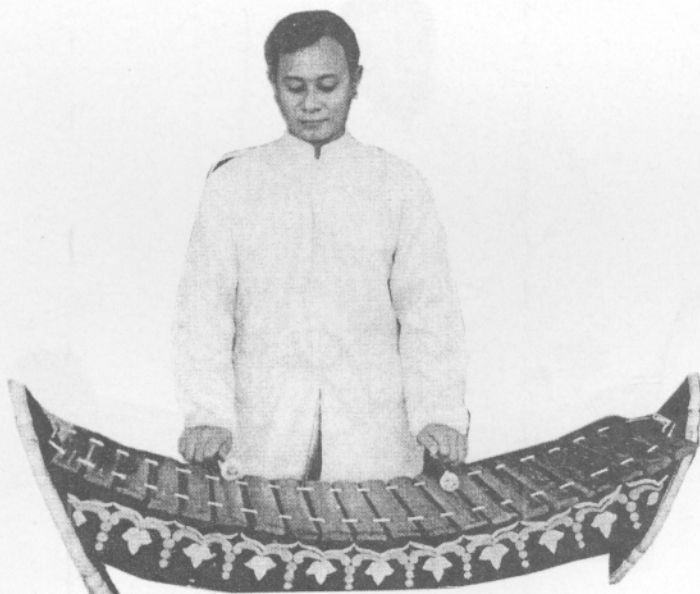
Ảnh 36 : Trống Skô Đay



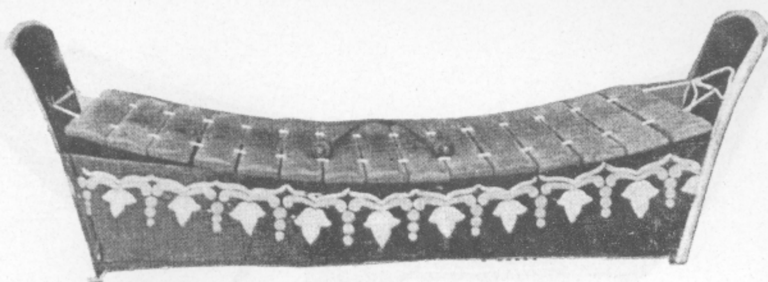
Ảnh 37 : Phong cách diễn tấu Skô Đay



Ảnh 38 : Đàn Rôneat Ek



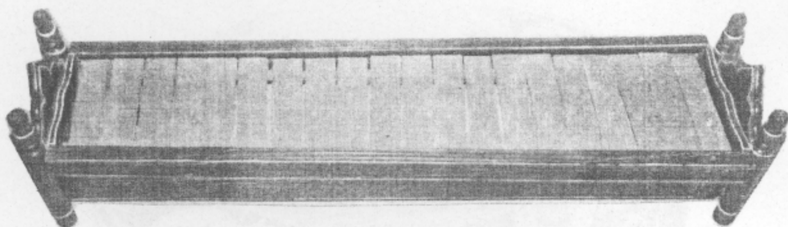
Ảnh 39 : Nghệ nhân diễn tấu đàn Rôneat Ek



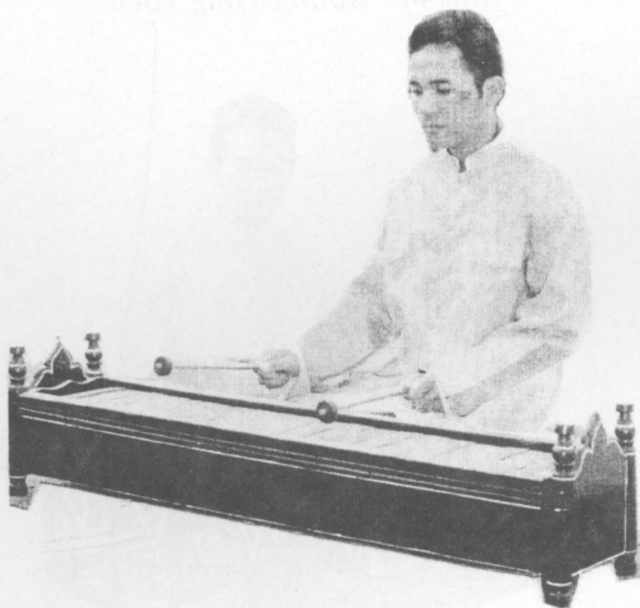
Ảnh 40 : Đàn Rôneat Thung



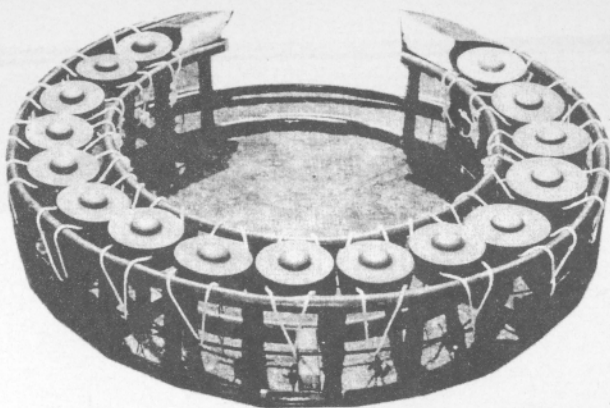
Ảnh 41 : Phong cách diễn tấu đàn Rôneat Thung



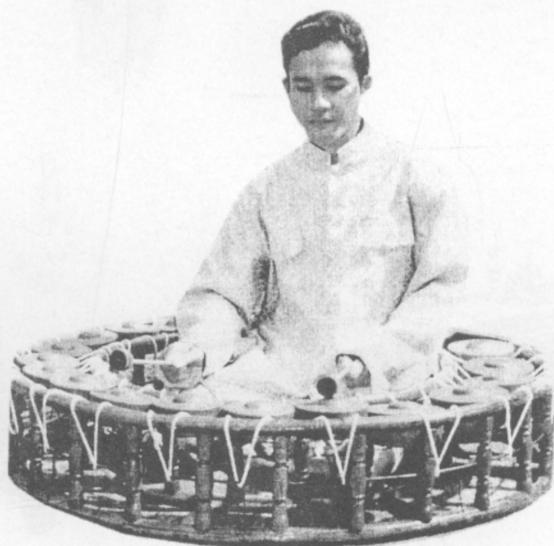
Ảnh 42 : Đàn Rôneat Đek



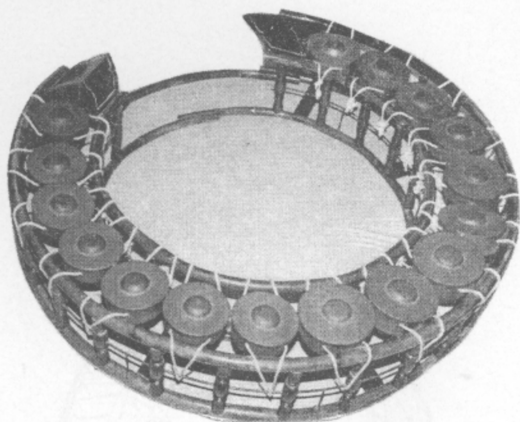
Ảnh 43 : Diễn tấu Rôneat Đek



Ảnh 44 : Kôông Vông Tôch



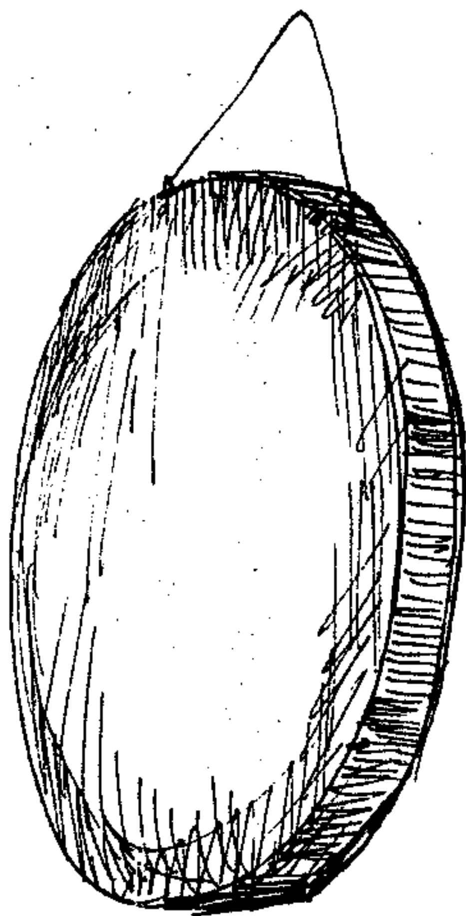
Ảnh 45 : Phong cách diễn tấu Kôông Vông Tôch



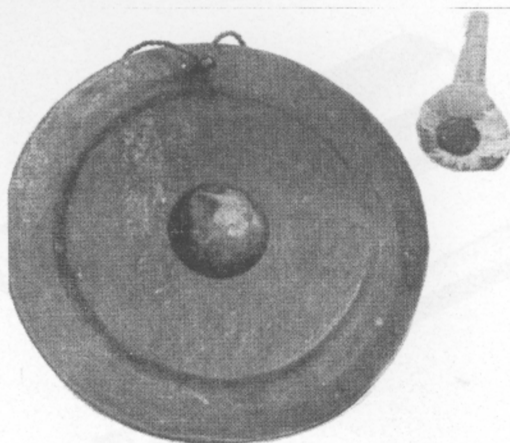
Ảnh 46 : Kôông Vông Thum



Ảnh 47 : Phong cách diễn tấu Kôông Vông Thum



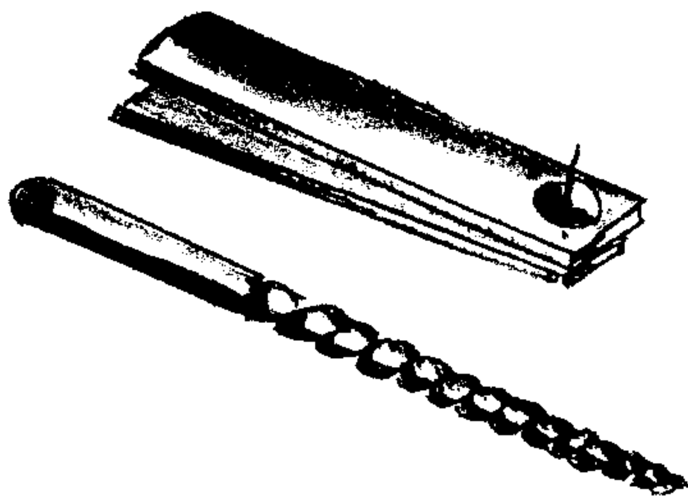
Ảnh 48 : Khmuốs



Ảnh 49 : Kôông Môn



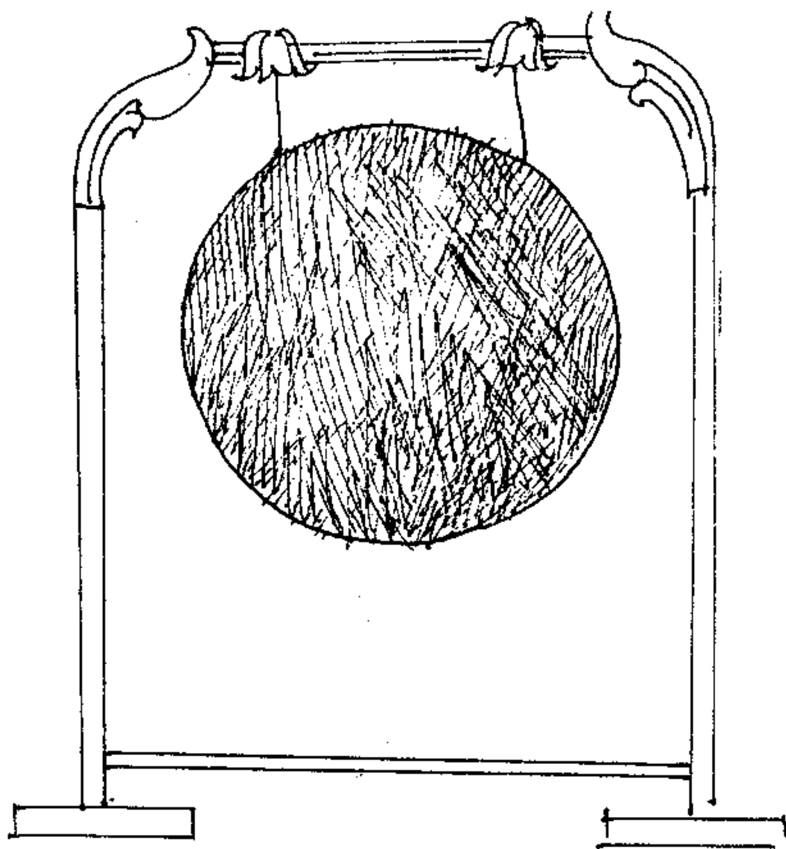
Ảnh 50 : Phong cách diễn tấu Kôông Môn



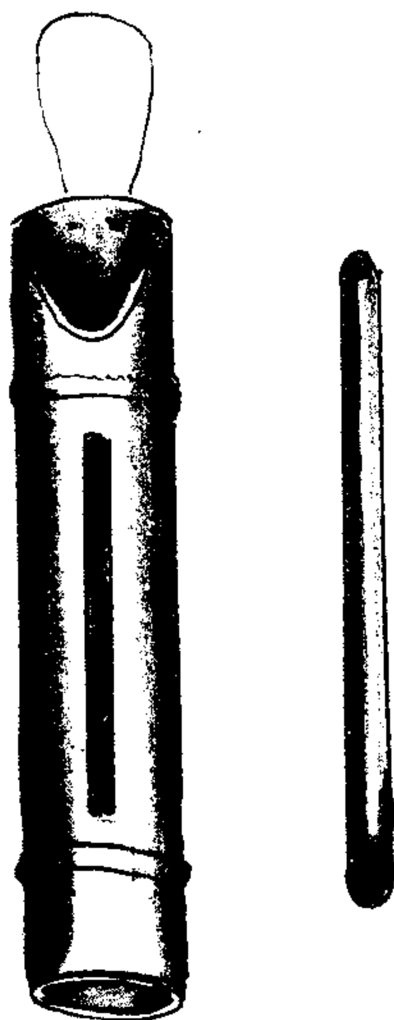
Ảnh 51 : Krap Chmôl



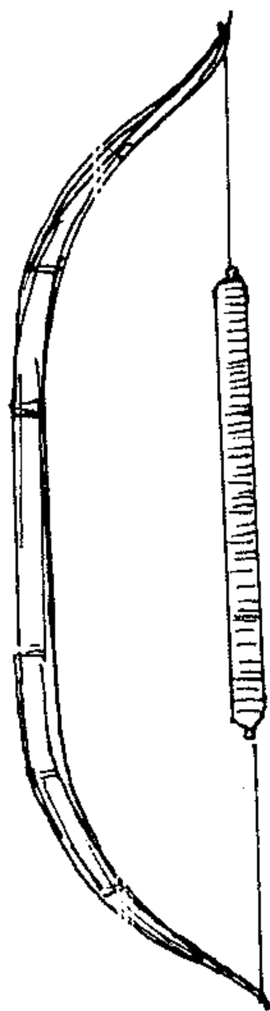
Ảnh 52 : Krap Nhye



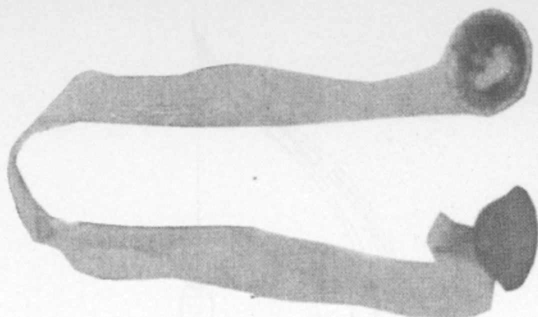
Ảnh 53 : Lôô



Ảnh 54 : T'ro Đôôt



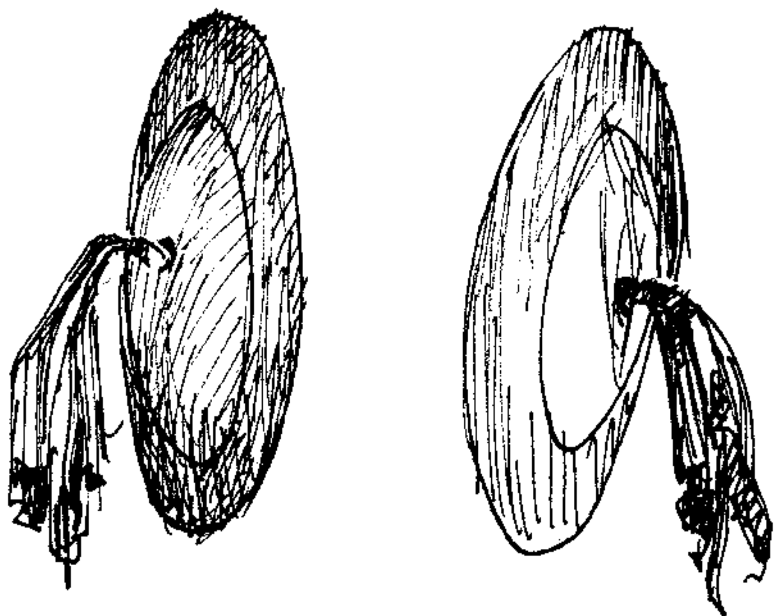
Ảnh 55 : Ek Khleng



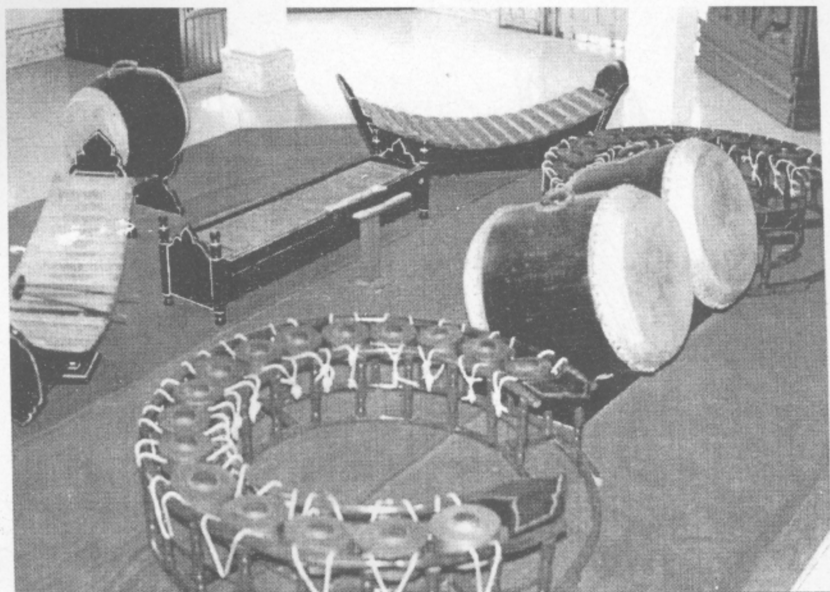
Ảnh 56 : Chzưng



Ảnh 57 : Phong cách diễn tấu Chzưng



Ảnh 58 : Chhap



Ảnh 59 : Dàn nhạc Pưnpét



Ảnh 60 : Hòa tấu dàn nhạc Pưnpét



Ảnh 61 : Dàn nhạc lễ cưới

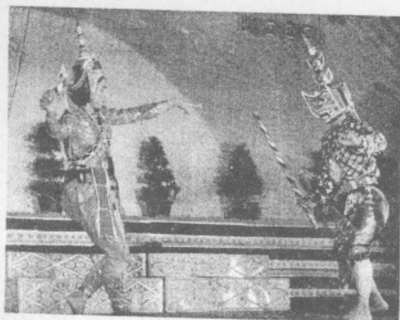


Ảnh 62 : Dàn nhạc Arăk









Ảnh 63 : Nghệ thuật sân khấu Rô băm





Ảnh 64 : Nghệ thuật sân khấu Dù Kê

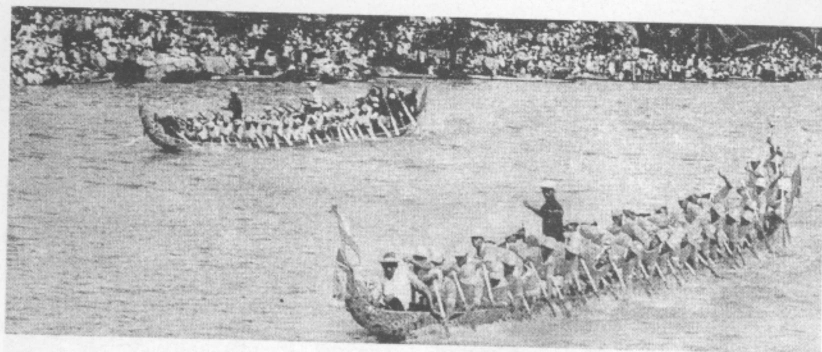


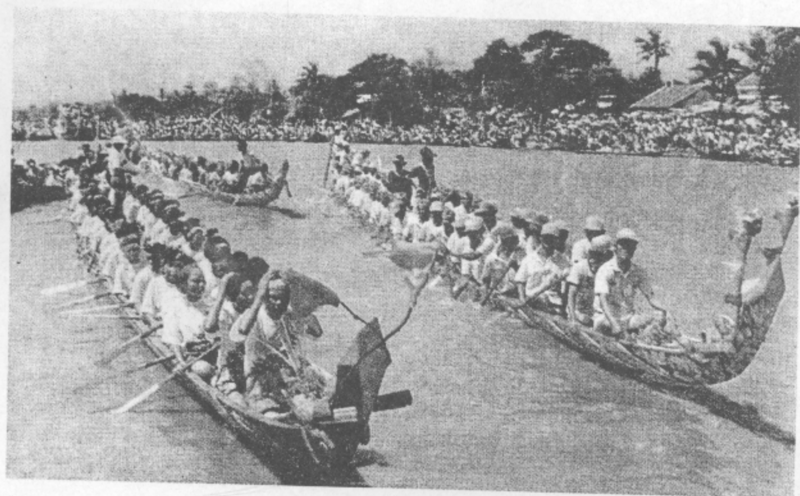
Ảnh 65 : Nghệ thuật múa





Ảnh 66 : Nghệ thuật kiến trúc





Ảnh 67 : Lễ hội Óoc-om-boc



Ảnh 68 : Biểu diễn trống Chhay Dzăm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. SÁCH

1. Các dân tộc thiểu số Việt Nam. NXB Văn hóa, Hà Nội 1984.

2. Người Việt gốc Miên. Lê Hương, Sài Gòn 1969.

3. Các sắc tộc thiểu số Việt Nam. Sài Gòn 1974.

4. Văn hóa người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long. Viện văn hóa, NXB Văn hóa dân tộc - 1993.

5. Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ, NXB Tổng hợp Hậu Giang - 1988.

6. Nhạc khí dân tộc Việt Nam. NXB Văn hóa, Hà Nội 1984.

7. Về sân khấu truyền thống Khmer Nam Bộ. Sở VHTT tỉnh Sóc Trăng, Phân viện văn học Nghệ thuật tại Tp.HCM - 1998.

8. Musique (URBA). Phnôm Pênh - 1969.

9. Sức sống của nền âm nhạc truyền thống Việt Nam. GS.Tô Vũ, NXB Âm nhạc Hà Nội 1996.

10. Văn hóa với âm nhạc dân tộc. GS.TS Trần Văn Khê. NXB Thanh Niên - 2000.

11. Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam. PGS.TS Trần Ngọc Thêm. NXB Thành phố Hồ Chí Minh - 1996.

12. Các nhạc cụ đảo Madagatscar. GS.TS Cur Sachs, Paris - 1938.

13. Các dân tộc ở bán đảo Đông Dương (Peules de la Péninsule Indochinoise). COEDEG, Paris - 1962.

14. Những vấn đề dân tộc hiện đại. Bromblei I.B. NXB Khoa học, Matxcơva 1981.

15. Lịch sử Đông Nam Á - D.G.E. Hall, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1997.

16. Âm nhạc mới Việt Nam - tiến trình và thành tựu. Viện Âm nhạc - 2000.

17. Nhạc khí truyền thống Việt Nam. Lê Huy - Minh Hiến. NXB Thế giới, Hà Nội 1994.

18. Lược sử âm nhạc Việt Nam. Thụy Loan, Nhạc viện Hà Nội. NXB Âm nhạc, Hà Nội 1993.

19. Nhạc khí dân tộc ở Gia Lai – Việt Nam. Đào Huy Quyền. NXB Giáo dục, Hà Nội 1993.

20. Nhạc khí dân tộc Jrai và Bahnar. Đào Huy Quyền. NXB Trẻ 1998.

21. Tìm hiểu âm nhạc dân tộc cổ truyền - tập 1. Tô Ngọc Thanh, Hồng Thao. NXB Văn hóa, Hà Nội 1986.

22. Âm nhạc ở quanh ta. Phạm Tuyên. NXB Kim Đồng. Hà Nội 1997.

23. Dân ca Hậu Giang. Lê Giang - Lư Nhất Vũ - Nguyễn Văn Hoa - Minh Luân. Sở VHTT Hậu Giang - 1986.

24. Nhạc truyền thống Việt Nam. (La musique Vietnamiene Traditionnelle) - Presses Unniversitaires du France. Paris 1992.

25. Lịch sử âm nhạc dân gian cổ truyền. Nguyễn Viêm. Viện nghiên cứu âm nhạc - 1996.

26. Thang âm điệu thức trong âm nhạc truyền thống một số dân tộc miền Nam Việt Nam. Viện văn hóa nghệ thuật tại Tp. HCM - 1993.

27. Giới thiệu một số nhạc cụ dân tộc thiểu số Việt Nam. Tô Ngọc Thanh. Trung tâm văn hóa dân tộc-Tp.HCM. NXB Văn Nghệ - 1995.

28. 54 dân tộc Việt Nam và các tên gọi khác. Bùi Thiết. Viện văn hóa - Bộ VHTT. NXB Thanh Niên, Hà Nội 1999.

29. Cơ sở Văn hóa Việt Nam. Trần Ngọc Thêm. Trường Đại học Khoa học xã hội & nhân văn - 1997.

30. Những vấn đề về Lịch sử - Văn hóa Đông Nam Á : Nghệ thuật Đông Nam Á. Cao Xuân Phổ (chủ biên). Viện Đông Nam Á 1984.

31. Các nhạc khí dân tộc Khmer. Sở VHTT Sóc Trăng 2001.

32. Nhạc khí dân tộc Việt. Võ Thanh Tùng. NXB Âm nhạc. Hà Nội 2001.

33. Những chặng đường sân khấu. Trương Bỉnh Tòng. NXB Văn nghệ. Thành phố Hồ Chí Minh 1995.

34. Các nhạc khí trong dàn nhạc giao hưởng. Hồng Đăng. NXB Văn hóa 1993.

35. Thang âm nhạc cải lương - Tài tử. Vũ Nhật Thăng. Viện âm nhạc NXB Âm nhạc. Hà Nội 1998.

36. Trần Văn Khê và âm nhạc dân tộc. GS.TS Trần Văn Khê. NXB Trẻ - 2000.

B. TẠP CHÍ - TÀI LIỆU

37. Bảo tồn và phát triển nghệ thuật ca múa nhạc dân tộc.

(Kỷ yếu Hội thảo ca múa nhạc dân tộc chuyên nghiệp toàn quốc năm 1992) của Cục Âm nhạc và múa.

38. Bảo tồn và phát triển nền nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer Nam Bộ.

(Kỷ yếu Hội thảo về nghệ thuật truyền thống Khmer Nam Bộ năm 1980) của Bộ VHTT tổ chức tại tỉnh Hậu Giang.

39. Bảo tồn và phát triển nghệ thuật sân khấu truyền thống Khmer Nam Bộ.

(Kỷ yếu Hội thảo về nghệ thuật sân khấu truyền thống Khmer Nam Bộ năm 1995) của Bộ VHTT tổ chức tại tỉnh Sóc Trăng.

40. Nghệ thuật Cồng - Chiêng.

(Kỷ yếu Liên hoan và Hội thảo Khoa học Cồng Chiêng Sở VHTT tỉnh Gia Lai - KonTum năm 1996).

41. Tạp chí Văn hóa Khmer (các số từ năm 1992 đến năm 2002). Do Sở VHTT tỉnh Sóc Trăng phát hành.

C. ĐĨA CD - ROM

1. MicroSoft - Nhạc khí thế giới (Music Instrument) - 1992.

2. Nhạc khí dân tộc Việt. Võ Thanh Tùng - 2001.

MỤC LỤC



Trang

NHẠC KHÍ DÂN TỘC KHMER NAM BỘ

Sơn Ngọc Hoàng – Đào Huy Quyền – Ngô Khị

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. Vi Quang Thọ

Biên tập nội dung	: Nguyễn Đức Bình, Nguyễn Thúy Mai
Biên tập kỹ thuật	: Thúy Mai
Sửa bản in	: Nguyễn Thị Kim Thoa
Bìa	: Công ty Sáng Tạo Trẻ
Kỹ thuật vi tính	: Đào Nguyên Bảo

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
CHI NHÁNH TẠI TP.HỒ CHÍ MINH
57 Sương Nguyệt Ánh, Q1; ĐT:8394948

In 500 cuốn khổ 14,5 x 20,5cm tại Cty in bao bì Hưng Phú
Số đăng ký kế hoạch xuất bản 39/1135/CXB ngày 19/07/2005
In xong và nộp lưu chuyển tháng 12/2005

CÔNG TRÌNH CHÀO MỪNG:

- 30 NĂM THÀNH LẬP VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG NAM BỘ
- 15 NĂM THÀNH LẬP TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DÂN TỘC HỌC VÀ TÔN GIÁO

Giá: 38.000